

Những viên ngọc quý

MỤC LỤC

TÁM LÝ DO ĐỨC PHẬT THUYẾT GIẢNG GIÁO NGHĨA ĐẠI THỪA	1
VÔ TRƯỚC HẠNH	11
ĐẠO TỪ KẾT KHÓA.....	61
THIỆN VÀ ÁC DƯỚI CÁI NHÌN PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA	70
HIỂU VỀ SỰ CẦU NGUYỆN TRONG PHẬT GIÁO..	78
Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHÁP HÀNH BẤT HOẠI HỒI HƯỚNG.....	83
PHÁP NGŨ'	108
PHÁP NGŨ'	120
PHÁP NGŨ'	132
KINH PHẬT LÀ DO ĐỨC PHẬT NÓI.....	142
NIẾT BÀN TRONG PHẬT GIÁO.....	157

TÁM LÝ DO ĐỨC PHẬT THUYẾT GIẢNG GIÁO NGHĨA ĐẠI THỪA

*Trích Bài 7: Lịch sử tư tưởng triết học Phật giáo Đại thừa,
Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh
học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà nội.*

Đức Phật thuyết giảng giáo nghĩa Đại thừa vì tám lý do, được nêu lên ở trong bài kệ của Đại thừa tạng nghiêm kinh luận:

"Bất ký diệc đồng hành

Bất hành diệc thành tựu

Thê, phi thê, năng trị

Văn dị bát nhân thành".

Bài kệ này nêu lên tám lý do, tám bằng chứng kinh điển Đại thừa là do đức Phật nói chứ không phải là ai

khác. Hàng Thanh văn không đủ khả năng để nói đến kinh điển Đại thừa. Hàng Duyên giác không có khả năng để nói đến kinh điển Đại thừa. Bồ tát cũng chưa đủ sự toàn giác để nói kinh điển Đại thừa. Còn đối với ngoại đạo thì đương nhiên không thể nói được một từ nào ở trong kinh điển Đại thừa. Có nhiều vị cố chấp, thiên kiến nói rằng kinh điển Đại thừa do ngoại đạo tuyên thuyết; nói như vậy là hồ đồ, không có luận cứ. Tu tập đến cỡ như hàng Thanh văn, hàng Duyên giác mà còn không nói được kinh điển Đại thừa thì làm gì cái dám ngoại đạo chấp ngã, chấp trước, chấp danh, chấp lợi mà nói được kinh điển Đại thừa. Cho nên nói kinh điển Đại thừa do ngoại đạo nói, đó là cách nói thiếu tu hành, thiếu học hỏi, thiếu nghiên cứu và vu khống, chụp mũ.

Điểm thứ nhất là: Bất ký, nghĩa là không dự báo trước. Nếu kinh điển Đại thừa, như một số người cho rằng, là do một số người về sau tạo ra sau khi Phật diệt độ để phá hoại Chánh pháp, thì tại sao trước đó đức Thế tôn không dự báo để cho người sau biết rằng đây

là một sự kiện đáng kinh sợ sẽ xảy ra. Rõ ràng đức Phật biết hết, thì đáng lẽ Ngài biết kinh điển Đại thừa do đấng ngoại đạo tạo ra để phá hoại Chánh pháp thì Ngài phải dự báo trước; đấng này, đức Phật không hề dự báo điều này. Cho nên rõ ràng kinh điển Đại thừa chính là do đức Phật nói chứ thiên ma ngoại đạo không thể nói và không bao giờ nói được, không thể nào nói được. Thiên ma ngoại đạo làm gì mà nói là có Phật tính, Phật mà con chưa biết thì làm sao biết được Phật tính; Phật mà chưa biết làm gì nói đến Pháp thân; Phật mà chưa biết làm gì nói đến Phật thể; Phật mà chưa biết làm gì nói đến Phật tác dụng. Cho nên ngoại đạo không thể nói; hàng Thanh văn không thể nói; hàng Duyên giác không thể nói; hàng Bồ tát cũng không thể nói. Kinh điển Đại thừa chỉ có chính Phật mới nói.

Thứ hai là: Đồng hành, nghĩa là giáo lý Đại thừa đồng hành với căn bản giáo lý được ghi lại ở trong Nguyên thủy, trong các kinh điển nền tảng, trong A-hàm, trong các văn hệ Nikāya. Chúng ta nhìn sâu vào trong các kinh điển thuộc văn hệ A-hàm, Nikāya thì sẽ

thấy trong đó nội hàm kinh điển Đại thừa. Trong Thanh văn tạng hàm chứa cả Đại sĩ tạng, Mật chú tạng. Cho nên Thanh văn tạng, Đại sĩ tạng hay Bồ tát tạng, Mật tạng đều do đức Phật nói. Ngoại đạo không thể nói được các kinh điển này.

Thứ ba là: Bất hành. Những gì mà kinh điển Đại thừa nói là sâu thẳm, là rộng lớn, không phải là cảnh giới của ngoại đạo có thể tư duy đến được. Những cảnh giới mà kinh điển Đại thừa đề cập chưa từng thấy trong các kinh điển ngoại đạo và giả sử chúng ngoại đạo có đề cập đến thì cũng không phải là chỗ tin tưởng và chỗ đáng tin tưởng. Do đó, kinh điển Đại thừa chính là do Phật thuyết.

Thứ tư: Thành tựu. Nếu bảo rằng giáo nghĩa Đại thừa do đức Phật khác chứ không phải đức Phật Thích-ca, đức Phật lịch sử, thuyết là không đúng. Đại thừa vẫn là đức Phật Thích-ca thuyết vì chư Phật đồng với đức Phật Thích-ca một thể tính giác ngộ, cùng một bản nguyện độ sinh. Cho nên những gì chư Phật thuyết

cũng chính là đức Phật Thích-ca-mâu-ni thuyết, và những gì là đức Phật Thích-ca-mâu-ni thuyết đồng thời cũng là chư Phật mười phương ba đời đồng thuyết. Điều này, nếu chúng ta đọc trong văn hệ A-hàm, Nikāya sẽ thấy, nhất là trong Đại bản duyên.

Thứ năm là: Thể. Đã nêu kinh điển Đại thừa thì phải có thực thể của kinh ấy. Nếu hiểu thực thể thì phải hiểu thực thể của kinh điển Đại thừa chính do Phật thuyết chứ không thể hiểu kinh điển Đại thừa ngoài thực thể Phật thuyết này. Thể của Vô thường, thể của Không, thể của Vô ngã là gì. Tất cả những điều đó đều chứa đựng ở trong kinh điển Đại thừa. Vì vậy mà nhìn vào thể tính của kinh thì biết rằng kinh điển Đại thừa ấy chính là do đức Phật thuyết chứ không thể là ngoại đạo thuyết hay những hàng Thanh văn, Duyên giác, Bồ tát thuyết.

Thứ sáu là: Phi thể. Nếu không có giáo nghĩa Đại thừa thì giáo nghĩa Thanh văn không thể tồn tại vì Thanh văn do đức Phật nói. Mà đức Phật nói giáo

nghĩa Thanh văn là từ nơi thực thể giác ngộ của Phật và từ nơi thực thể giác ngộ của Phật mà Phật nói về giáo nghĩa Thanh văn. Cho nên không có Phật thì không có Thanh văn. Thanh văn là học trò của Phật. Không có thầy thì làm gì có học trò. Học trò được thành là do thầy tác thành; Thanh văn là do Phật tác thành. Mà Phật nói giáo nghĩa Thanh văn, nghĩa là Ngài đã thành Phật mới nói. Ngoài Phật, không ai nói giáo nghĩa Thanh văn. Thành Phật, giáo nghĩa ca ngợi sự thành Phật và ca ngợi toàn giác, công hạnh của Bạc toàn giác, đó là giáo nghĩa Đại thừa. Chẳng lẽ ngoại đạo đi ca ngợi Phật sao, làm gì có ngoại đạo nào đi ca ngợi Phật. Cho nên bất cứ điều gì mà đức Phật dạy suốt bốn mươi chín năm theo tư liệu Bắc truyền, bốn mươi lăm năm theo tư liệu Nam truyền đều là chân lý. Các nhà Phật học phán giáo rằng thời kỳ từ năm thứ nhất sau Thế tôn thành đạo cho đến năm thứ mười hai là thời kỳ đức Phật nói về Tạng giáo hay Thi giáo, đó là kho tàng giáo lý Nguyên thủy. Sau này một số học giả phân tích và chia chẻ ra giáo lý Nguyên thủy là giáo lý mà từ khi Phật thành đạo đến khi Niết bàn và

một trăm năm sau Phật giáo bộ phái phân hóa, phân tích này chỉ có giá trị nghiên cứu của các học giả nhưng không đúng với giáo lý đức Phật dạy, không đúng với lịch sử đức Phật thuyết pháp. Các nhà phán giáo của Phật giáo có thẩm quyền thì nói rằng những gì đức Phật nói sau khi Ngài chuyển vận Pháp luân tại vườn Nai cho đến mười hai năm thì gọi là thời kỳ Phật giáo nguyên thủy, là Tạng giáo, là Thi giáo. Các thầy các cô phải nhớ những điểm này để đừng bị cái đám học giả nghiên cứu bên ngoài đánh lừa, rồi đi lạc hướng, rồi bắt chước họ nói thuội. Cho nên phải học hành đâu ra đó, cái gì biết thì nói, không biết thì thôi, nghiên cứu cho kỹ lưỡng rồi nói, đừng có nói thuội người ta. Đương nhiên, người đời nghiên cứu, họ ưa nói gì thì nói, đó là chuyện của họ. Nhưng mình là người trong nhà, phải biết thấu đáo.

Thứ bảy là: Năng trị. Những ai mà y chỉ vào kinh điển Đại thừa để tu tập đều có thể chứng đắc được Trí tuệ vô phân biệt. Và pháp đó có khả năng đối trị, chuyển hóa các loại phiền não chướng và sở tri chướng. Và pháp

Đại thừa không tu thì thôi, tu là có an lạc ngay trong mỗi hành động của chính mình, trong mỗi động tác của chính mình. Vì lợi ích chúng sinh mà tu, hành động vì lợi ích chúng sinh mà làm, chỉ chừng đó thôi thì mỗi hành động của người tu đã có một giá trị vượt hẳn mọi hành động của thế gian, của ngoại đạo. Vì lợi ích của chúng sinh mà tụng kinh, vì lợi ích của chúng sinh mà ngồi thiền, vì lợi ích của chúng sinh mà niệm Phật, vì lợi ích của chúng sinh mà ăn chay, vì lợi ích của chúng sinh mà xây chùa, vì lợi ích của chúng sinh mà tạc hình tượng Phật, Bồ tát, Thánh hiền, vì lợi ích của chúng sinh mà chú các đại hồng chung..., tất cả là vì lợi ích chúng sinh nên nghĩ tới những hành động đó là đã có hạnh phúc rồi. Nên pháp Đại thừa là pháp năng trị, có nghĩa là có khả năng trị liệu tất cả những loại phiền não, những sở tri chướng để đưa tới hạnh phúc, đưa tới an lạc ngay trong đời này và vô lượng kiếp về sau trong dòng chảy của đại hạnh và đại nguyện. Do đó phải tin rằng Đại thừa chính do Phật thuyết, bởi vì đức Phật nói Ngài ra đời vì lợi ích chúng sinh, vì lợi ích cho đa số. Như trong văn hệ A-hàm và Nikāya xác định sự ra đời

của đức Phật: có một vị ra đời lợi ích cho đa số, an lạc cho đa số, đó là Như lai, A-la-hán, Bạc chánh biến giác. Và Ngài ra đời để làm gì, để hàn gắn lại những gì mà thế gian đã đổ vỡ, để dựng đứng lại những gì mà thế gian đã bị xiêu vẹo, bật ngọn đèn cho mọi người thấy và chỉ đường cho mọi người đi. Cho nên sự có mặt của đức Thế tôn cũng như giáo pháp do Ngài tuyên thuyết có tác dụng năng trị, tức là trị liệu những nhận thức sai lầm của chúng sinh cho chúng sinh để đưa chúng sinh tới với trí tuệ của Bạc toàn giác.

Thứ tám: Nghĩa khác văn. Ý nghĩa Đại thừa được nói trong các kinh điển thật sâu xa, thâm diệu, rộng lớn, không thể dựa vào văn từ để mà nắm bắt ý nghĩa. Nếu chúng ta phân tích văn từ để hiểu giáo pháp của Phật thì càng phân tích là càng sai vì giáo pháp, chân lý không nằm nơi ngôn ngữ. Trái mít sinh ra từ cây mít, nhưng chúng ta chẻ cây mít ra để tìm trái mít thì vĩnh viễn không bao giờ tìm thấy. Cây mít sinh ra, lớn lên từ hạt mít nhưng phân tích, chia chẻ để tìm cây mít trong hạt mít thì tìm hoài không thấy bởi vì thể tính

của cây mít vốn không, đủ duyên thì nó khởi, đúng thời nó hiện ra. Cho nên nếu chúng ta chỉ hiểu ngôn ngữ, phân tích ngôn ngữ để tìm giáo nghĩa Phật dạy trong đó thì tìm mấy cũng không ra. Văn chỉ là biểu tượng để diễn tả ý tưởng. Các kinh điển thường nói "nhất thiết tu-đa-la như tiêu nguyệt chi", hết thầy kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng, thông qua ngón tay mà thấy mặt trăng, nhưng phân tích ngón tay để thấy mặt trăng thì vĩnh viễn không thấy. Có nhiều người tìm mặt trăng nơi ngón tay chỉ mặt trăng và tìm hoài không ra thì bắt đầu phỉ báng. Đó là lý do nhiều người phỉ báng giáo nghĩa Đại thừa, là vì do ngu mà phỉ báng, do tà kiến mà phỉ báng. Nên chỉ có ngoại đạo mới phỉ báng Đại thừa. Vì Đại thừa nói tất cả chúng sanh đều có Phật tính, đều có khả năng thành Phật và giáo nghĩa Đại thừa là làm lợi ích chúng sinh, vì chúng sinh mà làm lợi ích, mà dùng đủ mọi phương tiện để nói lên giá trị chân nghĩa này, ý nghĩa chân thật này.

Đó là tám nguyên nhân, tám lý do khiến đức Phật nói giáo nghĩa Đại thừa.

VÔ TRƯỚC HẠNH

*Trích từ Bài 32-33, Môn Giới luật Đại thừa –
Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni
sinh Luật viện Huệ Nghiêm*

Vô trước hạnh, nghĩa là thực hành đời sống tu tập không vướng mắc. Thực hành đời sống tu tập có nghĩa là thực hành trí tuệ và từ bi không bị vướng mắc. Thực hành hạnh tu không vướng mắc tức là thực hành lắng nghe không vướng mắc, hạnh tư duy không bị vướng mắc. Thực hành hạnh tu không vướng mắc nghĩa là thực hành Giới không có vướng mắc, thực hành Định không vướng mắc, thực hành Tuệ không vướng mắc, thực hành Đời sống giải thoát và Giải thoát tri kiến không vướng mắc. Đó gọi là vô trước hạnh của Bồ tát.

Vướng mắc thì không phải là vô trước. Vướng mắc thì gọi là trước.

Nghe nhưng đừng bị cái nghe trói buộc. Thấy mà đừng

bị cái thấy trói buộc. Ném mà đừng bị cái ném trói buộc. Ngửi mà đừng bị cái ngửi trói buộc. Tiếp xúc mà đừng bị cái tiếp xúc trói buộc. Đối diện với nội pháp, ngoại pháp mà đừng bị nội pháp, ngoại pháp trói buộc. Đó gọi là vô trước hạnh.

Tiếp xúc với sắc uẩn mà không bị sắc uẩn trói buộc; đó là vô trước hạnh đối với sắc. Tiếp xúc với thọ uẩn mà không bị thọ uẩn trói buộc bởi cái khô, cái lạc, cái phi khô phi lạc, đó là tự do đối với thọ uẩn, gọi là vô trước hạnh. Tiếp xúc với tưởng uẩn mà không bị trói buộc bởi những ý niệm, đó gọi là tự do đối với tưởng uẩn. Tiếp xúc đối với hành uẩn mà không bị tác ý thiện hay bất thiện hay trung tính trói buộc, đó gọi là vô trước hạnh đối với hành uẩn. Tiếp xúc đối với thức uẩn mà không bị trói buộc bởi cái phân biệt của sáu thức mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; tiếp xúc với thức uẩn mà không bị mạn-na-thức trói buộc để sinh khởi ngã và ngã sở; tiếp xúc với a-lại-da-thức mà không bị cái nhiễm tịnh của a-lại-da-thức trói buộc hay không bị cái vô kí của a-lại-da-thức trói buộc, đó gọi là có vô trước đối với thức uẩn. Cho

đến mười hai xứ, mười tám giới, chúng ta tiếp xúc mà không bị mười hai xứ, mười tám giới trói buộc, tức là chúng ta có vô trước hạnh đối với mười hai xứ, mười tám giới. Tiếp xúc với hết thầy pháp môn, học hết hết thầy pháp môn nhưng không bị các pháp môn đó trói buộc là mình có vô trước hạnh đối với hết thầy pháp môn. Nếu mình bị trói buộc bởi một pháp môn thì mình chỉ có một pháp môn đó thôi, làm sao mình có thể tiếp xúc được với vô số pháp môn khác. Có phải không? Mình tiếp xúc với Giới, nhưng mình không bị Giới trói buộc; tiếp xúc với Định, nhưng mình không bị Định trói buộc; tiếp xúc với Tuệ, nhưng mình không bị Tuệ trói buộc, đó là vô trước hạnh đối với Giới, Định, Tuệ. Mà có như vậy mới gọi là vô lậu giải thoát. Nếu mình bị trói bởi Giới thì mình không thể thực tập Định; mà nếu mình bị trói bởi Định thì mình không thể thực tập Giới; nếu mình bị trói bởi Giới thì mình không thể thực tập Tuệ; mà nếu mình bị trói bởi Tuệ thì mình không thể thực tập Giới, không thể thực tập Định, thì làm sao gọi là vô trước hạnh. Nên trong kinh A-hàm, trong văn hệ Nikāya, đức Phật nói, Giới cùng tu với Định có lợi ích

lớn, có thành quả lớn; Giới cùng tu với Tuệ có lợi ích lớn, có thành quả lớn; Tuệ cùng tu với Giới có lợi ích lớn, có thành quả lớn. Tại sao như vậy? Vì duyên khởi thì không bị mắc kẹt và mắc kẹt thì không phải là pháp duyên khởi. Tự tánh của duyên khởi là tánh Không, nên tánh Không thì vô trước. Tánh Không là Niết bàn, nên Niết bàn là vô trước. Nên bốn loại Niết bàn: Hữu dư y, Vô dư y, Tánh tịnh Niết bàn, Vô trú xứ Niết bàn là vô trước mới là Niết bàn đích thực.

Quý vị thực tập đi sẽ thấy, cuộc đời người tu - đệ tử Phật- nó phong phú, tự do ngay trong cuộc sống này, ngay nơi thân năm uẩn này, ngay nơi đời này. Đối với năm uẩn đừng thủ trước, đừng nắm bắt, mình có tự do ngay, mình có an lạc ngay.

Trong kinh Tăng nhất A-hàm cũng như Tăng chi bộ kinh (Anguttara Nikāya), đức Phật dạy có mười điều đừng vội tin. Nếu chúng ta thực tập mười điều này, chúng ta sẽ khám phá ra được chân nghĩa khi mình nghe mọi vấn đề.

Điều thứ nhất: Không vội tin điều gì chỉ vì điều đó là truyền thuyết.

Người đệ tử Phật, chúng ta không vội tin điều gì khi nghe người ta nói điều ấy là từ nơi truyền thuyết.

Truyền thuyết có thể đúng, có thể sai. Nên khi nghe truyền thuyết như vậy, mình không vội tin, nghĩa là không vội kết luận nó đúng hay không đúng, mà lắng nghe, chiêm nghiệm, suy xét, gạn lọc xem nó đúng ở chỗ nào, không đúng ở chỗ nào. Truyền thuyết đó đưa tới lợi mình, lợi người đời này, đời sau thì đó là một truyền thuyết đúng. Một truyền thuyết mà đưa đến lợi mình, lợi người đời này mà đời sau không có lợi ích thì truyền thuyết đó chưa phải là một truyền thuyết đúng. Một truyền thuyết đưa tới lợi cho nhóm này mà không lợi cho nhóm kia, đưa tới lợi ích cho nhóm này mà gây thiệt hại cho nhóm kia thì mình biết đó là một truyền thuyết chưa đúng, cho nên không vội tin khi người ta nhân danh truyền thuyết để nói với mình.

Thứ hai là: Không vội tin điều gì chỉ vì điều đó là được xem là truyền thống.

Khi người ta nhân danh truyền thống để nói chuyện với mình thì mình lắng nghe, suy nghĩ, quán chiếu để thấy rằng truyền thống này có nghiêng về bên này, có nghiêng về bên kia hay bị kẹt mắc ở giữa, nó có bị rơi vào tà kiến không, biên kiến không, kiến thủ kiến không, giới cấm thủ không, thân kiến thủ không. Nếu một truyền thống mà rơi vào những kiến thủ như vậy thì chúng ta không tin. Vì sao? Vì nó rơi vào những kiến thủ như vậy thì không thể nào đem lại lợi ích cho người này, người kia đời này và đời sau. Triết học hiện sinh đôi khi ca ngợi cái thực dụng. Chúng ta không phủ nhận cái thực dụng. Nhưng phải xem xét xem cái thực dụng đó có đem lại lợi ích cho người này, người kia đời này, đời sau không. Có những cái thực dụng nó chỉ đem lại lợi ích cho một nhóm mà không đem lại lợi ích cho nhóm khác thì chúng ta không tin rằng đó là một truyền thống tốt đẹp; nó chỉ đem lại lợi ích cho đời này thôi mà không đem lại lợi ích cho đời sau thì mình biết nó là

một truyền thống sai lầm, một truyền thống biên kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, thân kiến thủ, tà kiến. Một truyền thống như vậy chỉ đưa tới sự kích hoạt lòng tham, kích hoạt cho sự sân hận, kích hoạt cho sự si mê, sự tà mạng mà thôi. Cho nên mình không tin.

Như vậy là nhân danh truyền thuyết mình cũng phải xét lại, mà nhân danh truyền thống mình cũng phải xét lại, chứ không phải nhân danh truyền thuyết để áp đặt lên mình hay nhân danh truyền thống rồi áp đặt cái truyền thống đó lên mình. Những điều này thời hiện đại của chúng ta rất cần để chúng ta thực tập những điều đức Phật dạy. Chúng ta không vội tin khi người khác nói với mình mà nhân danh truyền thuyết, nhân danh truyền thống. Mình không phủ nhận truyền thuyết, không phủ nhận truyền thống nhưng mình phải soi chiếu truyền thuyết đó, truyền thống đó bằng tâm bồ đề, bằng hạnh bồ đề, bằng nguyện bồ đề của chúng ta, bằng đại định bồ đề của chúng ta. Mà bồ đề thì khi nào cũng vượt mọi giới hạn không gian, thời gian, đối tượng.

Thứ ba là: Không vội tin điều gì chỉ vì điều đó được đa số nhắc đến.

Điều này rất quan trọng.

Đạo Phật nói "hết thấy chúng sanh đều có Phật tính", nhưng không phải vì vậy mà Phật giáo đứng về phía đa số trên mặt nhận thức, vì đa số thường thường nhận thức theo thói quen, theo tập tính. Cho nên khi nghe đa số nói và tuyên truyền, chúng ta phải lắng nghe và suy xét xem điều đó do đa số nói nhưng có đúng với bậc trí giả có nội chứng tuyên bố không. Bậc trí giả nội chứng tuyên bố điều gì là từ nơi tâm bồ đề, vì hạnh nguyện bồ đề, từ nơi đại định bồ đề. Do đó, điều gì được công bố nhưng không được bậc trí giả nội chứng tuyên bố, đề cập thì điều đó phải được xét lại, không vội tin.

Nếu mình ăn chay mà đa số quần chúng ăn mặn, ca ngợi chuyện ăn mặn, tán dương việc ăn mặn, như vậy việc mình ăn chay là không hợp pháp sao? Nhưng việc ăn chay của chúng ta do ai công bố? Phật công bố! Phật công bố ở đâu? Phật công bố ăn chay ngay ở nơi

Giới kinh. Giới thứ nhất, không được sát sanh, không được tự mình sát, không được bảo người khác sát, không được thấy người khác sát mà hoan hỷ, yểm trợ. Mình không giết con vật thì ai giết con vật cho mình ăn? Người khác. Mà mình bảo người khác giết cho mình ăn thì mình phạm Giới rồi. Thấy người khác giết mà hoan hỷ là phạm Giới rồi. Cho nên vấn đề ăn chay được đức Phật tuyên bố trong Giới kinh, trong kinh điển Nam truyền lẫn Bắc truyền. Và ngay trong kinh điển của các bộ phái Phật giáo khác, chưa nói đến Đại thừa, đức Phật cho phép ăn tam tịnh nhục. Tam tịnh nhục là gì? Không thấy, không nghe và không nghi con vật vì mình mà chết. Cho nên không được ăn thịt mà cho ăn tam tịnh nhục, nghĩa là Phật tuyên bố ăn chay rồi đó.

Giả sử ngày mai họ mời các thầy Luật viện Huệ nghiêm đi Trai tăng, họ tới thưa ôn Viện chủ: "Dạ cho con cung thỉnh 20 vị Tỳ-kheo dự lễ Trai tăng ở nhà con". Ôn họp chúng và cử 20 vị Tỳ-kheo tuần tự từ lớn xuống nhỏ theo đúng luật. Nhưng tới đó, gia chủ dọn

thịt, dọn đủ thứ đồ bất tịnh. Máy thầy ngồi ăn. Vậy máy thầy ăn như vậy có thanh tịnh không? Ăn như vậy có phạm Giới không? Chỉ trừ trường hợp mình giả vờ không nghi ngờ gì thôi. Chứ người ta mời mình ngày hôm qua, bây giờ rõ ràng là vì mình mà người ta dọn ra những thứ đó mà sao mình có thể nói "tôi ăn tam tịnh nhục, tôi có nghe đâu". Đúng là mình không nghe tiếng, không thấy họ làm, nhưng sao lại không nghi được. Mình học luật là phải thấy cho rõ. Đây là theo Phật giáo Bộ phái. Tôi không nói Đại thừa giới. Đại thừa giới thì chuyện đó quá rõ ràng rồi. Phật giáo Đại thừa chủ trương: ăn thịt chúng sinh là làm tổn hại tâm bồ đề, tổn hại lòng từ bi của mình. Và trong luật của Thượng tọa bộ cũng như của Đại chúng bộ nói, Tỳ-kheo không bệnh mà đòi ăn ngon, đòi ăn cả bơ, sữa thì cũng phạm ba-dật-đề. Có không? Ăn bơ, sữa mà còn phạm ba-dật-đề huống gì ăn thịt, cá mà không phạm Giới. Đau, cần bồi dưỡng, có lương y cho phép, tác pháp với chúng mới ăn thì không phạm luật, còn nếu bác sĩ đề nghị rồi mình tự động ăn mà không tác pháp giữa chúng thì cũng phạm. Như vậy quý thầy quý cô

thấy, mình ăn chay mà đa số quần chúng họ ăn mặn, họ chỉ trích việc ăn chay của mình, rồi mình bỏ ăn chay mà chạy theo ăn mặn, thì có đúng với điều "không vội tin điều gì chỉ vì điều đó được đa số quần chúng nhắc tới" không? Nên, mình vẫn rồi thì phải tư, mà phải tư duy cho nó thấu đáo, có tình có lý, mới không bị rơi vào cực đoan. Còn giả như mình đi khát thực, tới vùng không ai biết Phật giáo là gì, không ai biết Tăng sĩ là gì, cũng chẳng biết ăn chay ăn mặn là gì, ăn là cái bình thường của cuộc sống vậy thôi thì người ta cúng dường mình cái gì thì mình cứ thanh tịnh mà dùng vì cái đó không có chay hay mặn gì hết. Nhưng mà phải trước giờ ngộ, chứ sau giờ ngộ mà ăn thì ăn cái gì cũng bất tịnh hết chứ đừng nói ăn thịt. Trong chùa, dù là bất cứ chùa nào, Nam tông hay Bắc tông, Đại thừa hay không Đại thừa, nhà bếp đúng luật nằm ở đâu? À, ở ngoài Đại giới của tăng-già-lam. Vậy mà bây giờ mình lập tăng-già-lam, đã đem nhà bếp vào trong Đại giới, rồi còn đem thịt cá vào xắt, xào, nấu đủ thứ nữa thì Hộ pháp, Thiện thần đâu mà chịu nổi, các Ngài bỏ đi hết, không hộ trì nữa, Tứ thiên vương cũng

không hộ trì nữa, vì bất tịnh lắm. Khi một ngôi tăng-già-lam mà bất tịnh thì Tứ thiên vương, Hộ pháp không hộ trì nữa, thì ngôi chùa đó hết tai nạn này tới tai nạn khác. Một bậc Thượng thiện nhân thôi mà nghe mùi bất tịnh, người ta đã không tới rồi hưởng hờ gì những vị sống thanh tịnh, họ thấy uế tạp thì họ tới làm chi. Tới chùa là để ngửi được hương thơm thanh tịnh, hương thơm giải thoát từ nơi chư Tăng tu hành. Còn tới chùa mà nghe các thầy nói ăn ngon mặc đẹp thì đó là nhà hàng chứ đâu phải chùa. Nên quý vị phải thấy.

Mà tôi nói đây là không đụng chạm ai hết. Tôi nói đây là đúng Giới, đúng luật thôi. Mình thích ăn thì cứ ăn, nhưng đừng có biện minh chi hết mà tự trách lấy cái nghiệp của mình nặng quá, tự thấy xấu hổ. Cũng giống như đáng lẽ mình ăn một bữa thôi, nhưng mà mình ăn thêm buổi chiều nữa nên tự cảm thấy xấu hổ vì có tà có quý. Chứ đừng có ăn mà thấy khoái thấy thích rồi nói là Phật cho thì đó là nói theo bông lung, nói theo tà kiến, xuyên tạc Giới luật. Phật đâu có cho. Nhưng đức Phật nói nếu xem đó là lương dược trị bệnh thì có thể

dùng, nhưng phải bạch chúng mà dùng. Nên trong năm pháp quán khi ăn, có pháp quán thức ăn là để trị bệnh khô gầy của thân và tâm. Khô gầy là một loại bệnh mà ăn là một loại lương dược. Vậy nên phải có tâm có quý. Cái gì đức Phật dạy mà mình thấy hay quá nhưng chưa thực hiện được thì cố gắng, nỗ lực, âm thầm, sám hối chứ đừng có biện bạch gì hết, đừng biện bạch cho cái tâm thường trở thành hợp lý làm cho người sau không biết đường nào mà nương theo để tu học.

Vậy, điều được đa số quần chúng yêu mến, công bố rồi tin theo thì mình không vội tin cũng không đả kích mà phải gạn lọc. Đôi khi quần chúng có những ý kiến hay, mình chiêm nghiệm và thấy ý kiến đó đưa tới sự lợi mình, lợi người, lợi cho đa số đời này đời sau thì mình làm theo. Nhưng không phải là vì đa số chấp nhận nên mình cũng đồng ý, chấp nhận. Đó hoàn toàn không phải là tinh thần Phật giáo, tinh thần của người đệ tử Phật.

Như vậy thực tập vô trước hạnh là thực tập nghe mà không dính mắc, thấy mà không dính mắc, suy nghĩ mà

không dính mắc. Đức Phật đã nói điều này cho dân chúng Kalama khi họ hỏi rằng các vị giáo sĩ khác đến xứ sở của họ và nói giáo pháp của các vị ấy đúng và hay, bây giờ Thế tôn cũng nói giáo pháp của Ngài đúng và hay, vậy thì họ nên tin ai, theo ai. Nhân câu hỏi đó mà đức Phật dạy mười điều đừng vội tin này. Nhờ dân chúng Kalama mà chúng ta có được mười điều này để học, để ứng dụng vào trong đời sống của chúng ta.

Điều thứ tư, đức Phật dạy: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều ấy được ghi lại ở trong kinh điển, sách vở.

Có những điều được ghi lại ở trong kinh điển và sách vở đúng với lời đức Phật dạy, đúng với lời chư Tổ dạy. Nhưng có những điều được ghi lại không đúng hoặc không phù hợp với cái ý mà đức Phật dạy hoặc chư Tổ dạy và trao truyền.

Đức Phật ngoài kinh nghiệm ra còn có sự chứng ngộ. Ngài đã học Vệ đà với các vị giáo sĩ Bà-la-môn khi đang còn làm Thái tử. Ngài cũng đã học kinh điển của các tôn giáo, từ các vị triết gia, qua các luận thuyết

thời bấy giờ khi Ngài còn làm Thái tử hay khi còn là sa-môn Gotama đi tầm đạo. Ngài đã phát hiện ra có những điều ghi lại hoặc trùng tụng lại đúng, nhưng có những điều chưa đúng. Ví dụ như trong Thánh thư vệ-đà, phân một bà-la-môn có 4 giai đoạn: tuổi trẻ phải học hành, sống đời phạm hạnh; có gia đình, làm tất cả mọi công việc; ẩn tu; vân du, sống bằng cách nhận bố thí để cầu sự giải thoát. Đức Thế tôn khi đó còn là Thái tử đã nói, tại sao mình không thực tập cả 4 thời kỳ đó trong một điều kiện đang có thể mà phải đợi hết giai đoạn này mới đến giai đoạn khác. Vậy tại sao Thái tử có thắc mắc đó, ưu tư đó? Bởi vì Ngài biết cuộc đời là vô thường, dễ dàng gì sống được đến thời kỳ thứ 4 để được giải thoát. Sau khi xuất gia, chứng ngộ, thì Ngài càng thấy điều này rõ ràng hơn nữa.

Hay đối với vấn đề kết tập kinh điển, thì các thầy cũng phải thấy. Trong kết tập kinh điển Phật giáo, nếu mình học lịch sử và đọc các tài liệu thì thấy nó phức tạp chứ không phải chỉ đơn giản là sau Thế tôn niết bàn rồi, có vị Tỳ-kheo nói đức Phật niết bàn rồi, không còn ai răn

dạy, chần dè chúng ta nữa nên muốn làm gì thì làm; ngài Ca-diếp thấy vậy mới triệu tập 500 vị A-la-hán để kết tập kinh điển ở hang Thất-diệp dưới sự bảo trợ của vua A-xà-thế vương quốc Ma-kiệt-đà. Thì đó cũng là một tư liệu quý. Nhưng nếu chúng ta chỉ đọc một tư liệu như vậy thôi thì sở học, sở hiểu của chúng ta còn bị hạn chế rất là nhiều. Có nhiều vị cho rằng đó là thời kỳ kết tập kinh điển đầu tiên. Nhưng quả thật là khi đức Thế tôn còn tại thế thì kinh điển cũng đã được kết tập rồi. Tư liệu này nằm trong kinh Trường A-hàm cũng như trong bộ luận của ngài Xá-lợi-phất là Tập dị môn túc luận. Nguyên do mà đức Phật bảo ngài Xá-lợi-phất kết tập kinh điển là do mâu thuẫn của học trò Ni-kiền-tử. Sau khi Ni-kiền-tử qua đời thì các học trò của Ngài tranh chấp nhau về pháp và luật và ai cũng cho rằng mình nghe trực tiếp từ giáo chủ của mình, và không nhượng bộ nhau dẫn đến những lời thô lỗ với nhau. Từ đó, Sa-di Quân-đầu đã thưa với ngài A-nan, ngài A-nan trình đức Phật. Nhân duyên sự đó mà đức Phật dạy ngài Xá-lợi-phất kết tập Pháp tạng. Lần kết tập này là kết tập pháp số từ 1 đến 10.

Quý thầy quý cô cũng đọc một số tư liệu nói là đức Thế tôn chúng ta xuất gia lúc 19 tuổi hoặc tư liệu nói là lúc 29 tuổi. Vậy thực sự Ngài xuất gia lúc 19 tuổi hay 29 tuổi? Theo tôi thì đức Thế tôn xuất gia năm 19 tuổi. Vì trong kinh đức Phật nói về Bà-la-môn Chũng-đức, cũng thuộc Trường bộ kinh, tôi chưa nói đến kinh điển Đại thừa, thì khi Bà-la-môn Chũng-đức nói về những phẩm tính của một Bà-la-môn là có 7 đời cha mẹ không bị tai tiếng, phải có những tướng tốt, phải tụng thuộc các kinh điển, tế tự ... thì đức Thế tôn nói với Chũng-đức là Như lai cũng có những phẩm tính, trong đó có phẩm tính "Như lai xuất gia khi tuổi còn trai trẻ". Tuổi còn trai trẻ là tuổi nào? 29-30 tuổi không thể gọi là "tuổi còn trai trẻ" được, mà trai trẻ là phải từ 18-25 tuổi. Qua tư liệu này cho chúng ta biết đức Thế tôn xuất gia lúc cỡ 19-20 tuổi.

Tôi dẫn chứng một vài tư liệu như vậy để cho các thầy các cô thấy lời dạy của đức Thế tôn chúng ta ở trong kinh Tăng nhất A-hàm là đừng vội tin những gì được ghi lại ở trong các kinh điển, ở trong các sách vở, mà

mình chỉ tin khi nào mình nghe rồi tư duy, gạn lọc và sau đó mình thấy lời dạy đó, lời ghi lại đó có lợi ích cho mình, cho mọi người, cho đa số đời này, đời sau.

Khi các thầy các cô học lịch sử thì cũng thấy, có những điều mà chính sử ghi lại thì có thể đúng đối với các sự kiện xảy ra nhưng những bình luận đối với những sự kiện đã xảy ra thì chưa chắc đã chuẩn mực vì người ta bình luận theo quan điểm, lập trường của triều đại đang điều hành quốc gia. Các nhà sử học được giao trách nhiệm làm công việc biên chép lịch sử thì họ hưởng bổng lộc của triều đại nên họ phải viết theo sự chỉ đạo của vương triều, chứ không thể viết theo sự nghiên cứu của mình. Triều đại nào cũng có cái hay, cái dở, nên viết cái dở thì bị gạt đi, bị điều chỉnh lại. Do vậy, khi học sử thì mình phải biết sự kiện nào như thế nào. Chứ không phải là chính sử, chính truyền thì đúng một trăm phần trăm. Nếu mình tin như vậy thì quả là mình quá ngây thơ trong sự học hỏi, trong sự nghiên cứu, trong sự nghiệp tri thức của mình. Khi nghiên cứu, mình phải đọc nhiều tư liệu khác nhau.

Đọc chính sử rồi, còn phải đọc dã sử, phải đọc ngoại sử. Dã sử là sử do dân dã ghi lại, mỗi người thấy gì, nghe gì thì họ tự ghi lại rồi truyền miệng cho nhau. Còn dị sử là những sử mà không nằm trong chính sử, do những người không được giao phó trách nhiệm viết sử viết, họ viết từ nơi ý thức yêu mến sử của họ mà tự nguyện viết. Hoặc có những tư liệu lịch sử của nước ngoài có liên hệ đến vấn đề lịch sử đó, thì gọi là ngoại sử. Như vậy khi nghiên cứu, mình phải đọc nhiều nguồn tư liệu khác nhau, phải gạn lọc xem cái gì đúng, đúng lúc nào, đúng với ai, đúng sự kiện như thế nào chứ không phải chỉ dùng một nguồn tư liệu và viết theo cách tư liệu mình đang có đó. Không phải như thế.

Quý thầy quý cô thấy với điều thứ tư này, đức Phật đã mở ra cho chúng ta một cách học hỏi rất là khoáng đạt, đa chiều, đa phương chứ không phải là chỉ mang tính cục bộ, phiến diện. Tinh thần này trong thời đại ngày nay cần phải được đề cao để học hỏi và nghiên cứu. Học hỏi và nghiên cứu như vậy là học hỏi và nghiên cứu mang tính khoa học. Thời đại ngày nay là thời đại

thế giới phẳng, một chuyện xảy ra là chúng ta biết ngay. Nhưng vì thế giới phẳng nên mạnh ai người đó nói, người đó truyền thông, truyền tin, nên rất nhiều nguồn. Có những nguồn tư liệu đúng nhưng có những nguồn tư liệu nhầm nhí, có những nguồn tư liệu thêm thắt, có những nguồn tư liệu bị cắt xén đi. Vì vậy chúng ta phải học hạnh lắng nghe, lắng nhìn, rồi chiêm nghiệm chứ không phải là vội vã kết luận. Chúng ta vội vã kết luận sẽ bị lừa. Nói dối bằng miệng còn dễ phát hiện, chứ nói dối bằng tà kiến, bằng ác kiến, bằng ác tri thức thì khó. Người ta còn chế tạo ra các phần mềm để nói dối, để lừa dối, nếu chúng ta nhẹ dạ và tin thì rất là nguy hiểm cho cái tri thức của chúng ta, đôi khi còn gây thiệt hại đến nhân cách của chúng ta.

Trong kinh A-hàm, trong văn hệ Nikāya, có những điều đức Phật dạy, có những điều đức Phật không dạy mà do các Tỳ-kheo chia sẻ với nhau rồi đi đến trình đức Phật và đức Phật ấn chứng; có những điều ngoại đạo tới tranh cãi với các thầy Tỳ-kheo, các thầy Tỳ-kheo trao đổi, chia sẻ rồi sau đó đến thưa với Phật rằng

du sĩ ngoại đạo ấy đến nói như vậy, con đã trả lời như vậy, không biết có đúng không, xin Thế tôn xác chứng cho con. Nên nói kinh A-hàm, kinh Nikāya mà do đức Phật nói một trăm phần trăm, cái đó chúng ta cũng phải kiểm tra lại. Tôi nói để cho quý vị biết là những điều đức Phật dạy thì rất là nhiều, vô số vô lượng, nhưng được ghi lại ở trong kinh điển dù là kinh điển A-hàm hay kinh điển Đại thừa vẫn rất là ít ỏi. Bởi vì đức Phật là chánh biến tri, là chánh biến giác, là vô thượng giác, Ngài không chỉ nói đời hiện tại mà còn nói quá khứ, nói vị lai; không phải nói ở cõi này mà còn nói vô số cõi; không phải chỉ nói Diêm-phù-đề mà còn nói Bắc-cu-lư-châu, Tây-ngưu-hóa-châu, Đông-thắng-thần-châu; không phải nói một thế giới mà nói tam thiên đại thiên thế giới; ngoài phạm vi đại giới của một đức Phật ra đời, giáo hóa còn nói đến tam thiên đại thiên thế giới của vô số chư Phật đã ra đời, giáo hóa, thành tựu như vậy; không có điều gì mà đức Phật không nói.

Và tôi cũng nói để cho quý vị biết là, có nhiều người nói Mật giáo phát triển sau khi Phật niết bàn, do bị ảnh hưởng những câu thần chú của ngoại đạo rồi đưa vào trong Phật giáo, thì cái nói đó chưa chuẩn mực. Trong Trường A-hàm, kinh Đại hội, đức Phật có nói về thần chú, kết tập về thần chú, tức là Mật giáo. Như vậy thần chú không phải chỉ có kinh điển Đại thừa đề cập mà ngay trong văn hệ Nikāya cũng đề cập, cũng ghi lại. Nên các thầy các cô phải bình tâm nghiên cứu, đừng nghe người ta nói thì hoảng loạn lên.

Có nhiều vị hỏi tôi "Mật giáo có từ khi nào?". Tôi trả lời, có từ khi đức Phật chuyển vận Pháp luân, ít ra cũng có từ đó. Mật giáo là gì? Là giáo lý vi mật mà mình không hiểu hết. Ví dụ như, khi đi đến Vườn Nai, đức Phật kêu năm anh em Kiều-trần-như, nói "đây là Khổ thánh đế, đây là Tập thánh đế, đây là Diệt thánh đế, đây là Đạo thánh đế", mà phải nói mấy lần người ta mới hiểu, có vị nói đi nói lại cả ba tuần mới hiểu. Thì giai đoạn hiểu gọi là Hiểu giáo, mà chưa hiểu thì gọi là Mật giáo. Không có lời nào của đức Phật mà không có

Mật và Hiền ở trong đó. Khi mình hiểu, mà chưa chắc đã đúng, vì mình hiểu theo điều kiện của mình chứ chưa hẳn là trong điều kiện mà đức Phật muốn nói, nghĩa là Hiền mà vẫn Mật. Cũng điều đó, nhưng đứng ở cương vị Nhân thừa mình hiểu khác, đứng ở cương vị Thiên thừa mình hiểu khác, đứng vào cương vị Thanh văn thừa, Duyên giác thừa mình hiểu khác, đứng vào cương vị Bồ tát thừa mới sơ phát tâm mình hiểu khác, mà lên địa vị Thập hồi hướng, Thập trú, Thập địa thì mình hiểu khác, Thập địa Sơ địa hiểu khác mà lên Bát địa hiểu khác. Nên nói trong Mật có Hiền và trong Hiền có Mật. Đó là một trong những tính chất giáo lý mà đức Phật đã dạy. Không dễ gì một sớm một chiều mà chúng ta hiểu hết đâu. Vì vậy mà chúng ta mới có Vô trước hạnh, tức là thực hành pháp học pháp hành không có chấp trước, không có vướng mắc, thì như vậy chúng ta mới đi tới được với cái tốt cùng của đạo lý. Còn nếu mình học mà bị vướng vào cái sở kiến, sở đắc thì mình bị trói, bị dính vào ngay chỗ đó, không đi tới được với cái tốt cùng mà mình hằng ước muốn tu học. Đây là điều mà chúng ta cần

phải chiêm nghiệm thật sâu để mà ứng dụng.

Quý vị thấy trong Tạp A-hàm hay Tương ưng bộ kinh, khi đức Phật dạy về giáo lý duyên khởi, ngài Anan nói "Bạch Thế tôn con đã hiểu rồi. Giáo lý duyên khởi thật là thâm diệu, thật là thích thú" thì đức Phật nói rằng "Thầy nói vậy chứ chưa hiểu đâu, nó thâm diệu, sâu xa lắm". Mình hay tụng bài thi kệ khai kinh "Vô thượng thậm thâm vi diệu Pháp/ Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ/ Ngã kim kiến văn đắc thọ trì/ Nguyên giải Như lai chân thiết nghĩa". Mà ở luật viện thì mình hay tụng là "Vô thượng thậm thâm Tì-ni Pháp/ Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ/ Ngã kim kiến văn đắc thọ trì/ Nguyên giải Như lai Tì-ni nghĩa". Nên hiểu được Pháp và Luật của đức Thế tôn dạy là cả một phước đức, thiện căn nhiều đời. Mà chỉ có Phật mới hiểu hết, chứ chúng ta thì chỉ hiểu được ở ngang mức độ của mình thôi, phước đức ngang đâu thì hiểu được ngang đó thôi.

Trong kinh Kim cang, đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề:

"Này Tu-bồ-đề, Như lai có nhục nhãn không?" Tu-bồ-đề thưa "Bạch đức Thế tôn, Như lai có nhục nhãn"; "Này Tu-bồ-đề, Như lai có thiên nhãn không?" – "Bạch đức Thế tôn, Như lai có thiên nhãn"; "Này Tu-bồ-đề, Như lai có tuệ nhãn không?" – "Bạch đức Thế tôn, Như lai có tuệ nhãn"; "Này Tu-bồ-đề, Như lai có pháp nhãn không?" – "Bạch đức Thế tôn, Như lai có pháp nhãn"; "Này Tu-bồ-đề, Như lai có Phật nhãn không?" – "Bạch đức Thế tôn, Như lai có Phật nhãn". Như vậy, một vấn đề, đức Phật đứng ở năm góc độ để nhìn. Có cái nhìn bằng nhục nhãn để giải quyết vấn đề của cái nhìn nhục nhãn. Có cái nhìn bằng thiên nhãn để giải quyết những vấn đề thuộc về thiên nhãn. Có cái nhìn bằng tuệ nhãn để giải quyết những vấn đề liên quan đến nhân duyên của tuệ nhãn. Có cái nhìn bằng Pháp nhãn để giải quyết những hiểu biết, những tuệ giác liên quan đến Pháp nhãn. Có cái nhìn bằng Phật nhãn để giải quyết những vấn đề liên quan đến nhân duyên của Phật nhãn, liên quan đến cảnh giới của chư Phật. Nếu chúng ta biết học như vậy, đi tới được như vậy, đó là mình đang hành pháp Vô trước hạnh. Còn nếu mình

hữu trước thì mình bị trói, mà bị trói thì chỉ nói được luẩn quẩn loanh quanh nơi cái bị trói đó mà thôi, như con cá mà hỏi chuyện con rùa. Cá hỏi rùa trên đất liền có rong không? – không; có bùn không? – không; có cá như dưới này không? – không; cá nói rùa sao hỏi gì cũng không vậy, không có thì cá không tin. Cá mà không tin thì cá vẫn muôn đời là cá thôi, vì thân phận của cá thì thấy rong rêu thôi. Cá hỏi chuyện rùa như chúng sinh mà hỏi chuyện cảnh giới Phật theo kiểu của chúng sinh, thì làm sao mà có. Chúng sinh nói chuyện ăn thịt ăn cá, buôn bán, danh lợi thì hiểu; còn nói ly dục tịch tịnh thì chúng sanh hiểu chi nổi. Người chuyên ăn thịt cá, nói chuyện ăn chay, họ cho là huyền thoại. Người tham lam bôn sôn, nói chuyện bố thí, cúng dường, họ không tin, cho là huyền thoại. Huyền thoại là vì nghe điều chưa từng nghe, là vị tăng hữu thuyết. Giữa đời này, cái gì cũng có thể là huyền thoại hết. Huyền thoại là vì tầm nhìn của mình bị trói trong một phạm vi nào đó, khi nghe người khác nói điều gì vượt ra khỏi tầm nhìn của mình thì mình xếp nó vào thần thoại, huyền thoại. Chúng sinh chỉ hiểu được

ngang mức điều kiện nhân duyên của họ. Mình muốn dạy dỗ, hướng dẫn cho họ vượt khỏi cái tầm nhân duyên của họ, phải có phương tiện thiện xảo. Nếu không có phương tiện trí, mình không giúp cho người ta khai thông được cái hiểu biết của họ đâu.

Ba pháp hành văn, tư, tu ở trong Phật giáo rất là quan trọng đối với chúng ta. Nghe nhưng chưa vội tin, chưa vội kết luận. Chiêm nghiệm rồi nhưng chưa thí nghiệm, chưa thực nghiệm thì vẫn chưa kết luận. Có thí nghiệm rồi, có thực nghiệm rồi, nhưng thực nghiệm ngang đâu thì kết luận ngang đó chứ không vội vã kết luận quá cái mức thực nghiệm của mình. Đó là người liêm sĩ, trí thức. Còn thực nghiệm ít mà nói nhiều, tu ít mà nói tu nhiều thì sinh chuyện, từ đó mà đưa tới tăng thượng mạn. Mình trì luật ít mà nói là nhiều thì như vậy là nói dối, không phải đại vọng ngữ nhưng rơi vào tăng thượng mạn. Còn không có gì hết mà nói, chẳng ngồi thiền, chẳng thấy gì hết mà nói ngồi thiền, thấy cái này, thấy cái kia mà thực sự chẳng có chút nào hết thì đó là đại vọng ngữ.

Điều thứ năm:Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều ấy có lý luận, có biện chứng

Mà chỉ tin khi mình đã lắng nghe, chiêm nghiệm thấy đúng và đem ra ứng dụng thấy có hiệu quả, đưa tới lợi mình, lợi người, lợi cho đa số đời này, đời sau.

Có những biện chứng đi trong một cái trục, mà mình ở trong cái trục đó thì thấy nó đúng, nhưng khi bước ra khỏi cái trục đó để nhìn thì thấy không đúng. Vì vậy, cần có nhiều cách để hiểu một vấn đề, để nghe một vấn đề, để thấy một vấn đề.

Ví dụ, người ta hay nói "không có lửa làm sao có khói". Nói như vậy là có luận lý không, có biện chứng không? À có. Nhưng có trường hợp không có lửa mà vẫn có khói. Có những cái khói tưởng tượng, lửa tưởng tượng. Mình không yêu họ, mà họ âm thầm yêu mình, rồi họ tưởng tượng ra đủ thứ, rồi khi sinh chuyện ra người ta lý luận "mày không yêu người ta sao người ta yêu mày", nhưng thực sự ra đó là họ yêu đơn phương đưa tới cái tương tư, mình có biết đâu; cho nên, không

có lửa mà vẫn có khói. Thế giới phần nhiều là do tưởng mà sinh ra nhiều điên đảo. Người ta tử tế với mình, vì bản chất người ta tử tế, chứ cái tử tế đó không có một âm mưu nào hết, không có một ý đồ gì hết. Còn mình, tử tế với ai là vì có ý đồ, cho nên từ tâm mình mà suy ra tâm người, rồi từ đó mà sinh ra những cảm giác vui, buồn. Vui cũng do tưởng tượng, mà buồn cũng do tưởng tượng. Nên đời đôi khi không có lửa mà vẫn có khói.

Có câu chuyện hài thế này. Một cậu thanh niên thấy một ông già để râu, đi trên một chuyến đò dọc, trên đò có cả mấy người nữ. Cậu thanh niên muốn vọc ông già, nên hôm đó cậu kiếm một lợn tóc, dán vào cằm, đợi lúc mấy bà mấy cô ngủ thì cậu quẹt chòm râu giả vào má mấy bà mấy cô, rồi giấu đi. Mấy bà mấy cô bị quẹt râu vào má, thì đưa tay hất ra. Khi tỉnh dậy, chỉ thấy một ông già trên đò là có râu thôi, nên xúm vào chửi ông già. Ông thanh minh nhưng không ai tin, vì chứng cứ rành rành là chỉ mình ông có râu, mà mấy cô mấy bà lại bị râu quẹt vào mặt lúc ngủ. Trong lúc đó,

cậu thanh niên với chùm râu giả thì ngồi tĩnh bơ. Nên quý vị thấy, cuộc đời này đôi khi nó nghịch tặc, nó oan nghiệt lắm, nếu mình không có tỉnh táo thì rất nguy hiểm. Nên ở đời không có lừa mà vẫn có khói như thường. Tri giác của mình hay tưởng tượng và đánh lừa chính mình, mà trong kinh hay trong duy thức học thì có nói khi mình ngủ dậy bước chân đạp phải sợi dây thừng lại tưởng con rắn.

Cho nên, đức Phật dạy đừng vội tin bất cứ điều gì chỉ vì điều ấy có lý luận, có biện chứng mà hãy tin điều đó sau khi mình đã nghe, chiêm nghiệm, gạn lọc và thấy lợi mình, lợi người đời này, đời sau, lợi cho đa số, lợi cho nhiều đời thì mình làm, mình thực hiện, mình ứng dụng vào.

Điều thứ sáu: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều đó phù hợp với lập trường của mình.

Điều này cũng rất là hay nếu mình thực tập. Đôi khi người ta nói đúng lập trường của mình nhưng chưa chắc trong tâm họ đã nghĩ đúng như thế. Ai đã từng

làm nhà ngoại giao hoặc giao tiếp với những nhà ngoại giao thì sẽ thấy. Đôi khi người ta nói chỉ vì ngoại giao, vì xã giao thôi chứ không phải từ nơi tấm lòng của họ, mà mình tin nơi cái xã giao, mình sẽ thất bại. Vì xã giao mà, có gì đâu mà phải tranh cãi; gặp nhau một hai lần, cãi làm gì. Mình nói gì thì họ cũng đồng ý, nhưng quay về lại một cái thì họ nói khác 180 độ. Cho nên đừng vội tin những gì người ta nói mà phù hợp với lập trường của mình. Ghê thật!

Đức Phật dạy cho mình phương pháp này để sống an lạc, phương pháp sống hạnh phúc, phương pháp sống đừng có bị người khác đánh lừa. Đôi khi họ vào chùa mà muốn ở trong chùa thì họ phải nói phù hợp với chùa của mình, với cái thanh quy của mình. Nhưng họ nói như vậy chứ chưa hẳn cái tâm của họ như thế. Bước đầu họ nói đúng với lập trường, với pháp môn của chúng ta thì chúng ta mới chấp nhận cho họ ở chứ. Nhưng ở một năm, hai năm, ba năm rồi, biết hết mọi chuyện từ bàn Phật xuống nhà bếp, từ ông trú trì cho tới chú điệu, biết hết tất cả những người thâm tín hộ trì

Tam bảo của chùa thì khi đó họ mới trở cờ theo cách của họ. Cho nên đừng nghe người ta nói ngọt rồi cái gì cũng nói ra hết, chỉ hết. Vậy nên trong luật có nói, ngoại đạo muốn xuất gia thì tối thiểu phải theo dõi ba tháng. Nhưng ngày xưa nó thật thà hơn nhiều, còn bây giờ nó tinh tế lắm, nên mình phải cẩn thận. Có những trường hợp, người ta nhận sứ mệnh nên người ta chấp nhận thực hành những cái khổ hình để họ khám phá ra cái thâm cung bí sử trong cái đối tượng họ hướng tới; vừa khổ hình vừa mềm mỏng và không bao giờ đụng chạm đến cái quan điểm, cái pháp môn gì của mình hết, cái gì cũng nói hay hết, nói thích hết, nhưng sau đó rồi mới biết.

Cái điều này cũng là điều rất hay cho chúng ta. Chúng ta phần nhiều thích nghe khen, thích nghe nói ngọt, không thích nghe nói nghịch. Mình hai lỗ tai nhưng phần nhiều nghe được một chữ mấy, còn điếc một lỗ rồi. Mình phải làm thế nào mà nghe được cả hai tai, thấy được cả hai mắt. Phật là có đến trăm mắt, nghìn mắt, triệu mắt, tỷ mắt, vô số mắt vì Ngài có thiên bách

ức hóa thân, bao nhiêu thân là bấy nhiêu mắt, mà bao nhiêu chủng loại chúng sinh là Ngài có bấy nhiêu chủng loại thân để mà thấy, mà biết. Còn cái thấy, biết của mình là bị giới hạn bởi nghiệp lực, nên mình phải thực tập chánh niệm tỉnh giác. Họ khen mình - mình biết họ đang khen mình; họ chê mình - mình biết họ đang chê mình; họ chê ngang đâu, mình có cảm giác khó chịu ngang đâu - mình biết; họ khen ngang đâu, mình có cảm giác dễ chịu ngang đâu - mình biết; rồi mình biết sâu hơn một chút, nhân gì duyên gì mà họ chê mình, nhân gì duyên gì mà họ khen mình. Cái đó là cái công lao tu hành, thiền quán. Họ khen mình do nhân duyên gì, và họ muốn cái gì nơi mình trong lời khen của họ; do nhân duyên gì mà họ chê mình, và họ muốn cái gì nơi mình trong lời chê của họ; phải thấy cho rõ. Đức Phật là chánh biến giác, chánh biến tri, Ngài không sống trong tình trạng bất giác nên không bị bất cứ thiên ma nào đánh lừa. Còn chúng ta ưa thích nói ngọt ngào thì thiên ma đánh lừa chúng ta rất dễ. Cách đây 26 thế kỷ nhưng đức Phật đã trang bị cho chúng ta cách lắng nghe mọi loài, mọi hạng người đến với chúng ta, mà

quan trọng nhất là những hạng người phản gián, nhị trùng, tam trùng. Một tôn giáo lớn như Phật giáo, có ảnh hưởng lớn như vậy, thì nhất định có những hạng người đến, tốt ở mặt này nhưng không tốt ở mặt kia. Mình phải biết. Đừng có nghe họ chỉ trích mà mình vội buồn, vội kết luận; đừng có nghe họ khen mình mà vội vui, vội kết luận. Mà dường như cuộc đời không bao giờ có kết luận nên chúng ta đừng vội vã kết luận. Kết luận càng vội vã, chúng ta sẽ càng có nhiều hối tiếc, ân hận. Trong kinh cũng nói, có những vị Bồ tát hiện thuận hạnh, nhưng có những vị, họ hiện nghịch hạnh. Nên đừng thấy những vị Bồ tát hiện nghịch hạnh mà mình vội kết luận là những vị đó không thanh tịnh. Cũng đừng vì có những vị hiện ra phạm hạnh mà mình vội kết luận là vị đó có đời sống tịnh hạnh.

Thứ bảy: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều đó phù hợp với định kiến của mình.

Mình tin vào điều phù hợp với định kiến của mình, nhưng điều đó có thể đúng, cũng có thể sai. Mình ở

vùng này, được học tập như vậy, được tiếp cận với phong tục tập quán như vậy, tạo ra một cái định kiến, và ai làm như vậy thì mình cho là đúng, mà không làm như vậy thì mình cho là sai. Tới vùng khác, phong thổ như vậy, văn hóa như vậy, tín ngưỡng như vậy, ngôn ngữ như vậy, ứng xử như vậy nên người ta có định kiến. Mình đến đó rồi mình nói người ta sai, mình đem định kiến của mình áp đặt lên vùng khác, từ đó đưa tới sự tranh cãi.

Ví dụ, ở miền Trung, một mẫu là mười sào, nhưng trong Nam một mẫu là hai mươi sào. Nhưng mình cãi nhau trong khi đơn vị đo lường là do vùng miền người ta quy định. Hay có nơi một tá viết là mười hai cây viết, nhưng có nơi một tá là mười cây thôi. Ngoài Trung, một lương lúa là năm thùng, nhưng có nơi một lương lúa là bốn thùng à. Nên mình cứ đem định kiến vùng miền của mình mà đối xử với định kiến vùng miền khác, rồi người ta lại đem định kiến của vùng miền người ta đối xử lại với mình để đưa tới sự tranh cãi, làm cho điều không đáng có lại xảy ra, là do mình

không có chánh biến tri, không biết được văn hóa từng vùng, từng miền, không hiểu được đơn vị đo lường của từng vùng từng miền.

Đức Phật đã dạy hết cho chúng ta. Tại sao Ngài dạy như thế? Quý vị biết rồi, ở xứ Ấn độ, thời Phật có hơn chín mươi tôn giáo tín ngưỡng, sáu mươi hai hệ thống triết học, mà mỗi vùng miền trên xứ ấy thể hiện tín ngưỡng đó theo mỗi cách, thể hiện triết lý, triết học của họ theo mỗi kiểu và diễn tả nó bằng những loại ngôn ngữ khác nhau. Nếu chỉ biết một loại mà đi hoằng pháp, đi thuyết pháp thì nhất định sẽ đụng chạm rất nhiều và nguy hiểm. Cho nên đức Phật dạy đừng vội tin điều gì vì điều đó phù hợp với định kiến của mình.

Đừng vội tin điều gì vì điều đó phù hợp với sở học của mình. Nghe không! Nguy hiểm lắm! Chúng ta phải biết lắng nghe, phải biết học hỏi.

Thứ tám: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều đó căn cứ vào những sự kiện hời hợt.

Đôi khi người ta đưa ra một vài sự kiện hời hợt để chỉ trích một người nào đó, rồi mình vội dựa vào những sự kiện hời hợt đó mà kết luận là thế này, là thế kia, là đúng, là sai. Kết luận như vậy rất là nguy hiểm, và thiệt hại cho nhân cách của mình, thiệt hại cho tri thức của mình.

Cái điều này, đại chúng có thấy trong thời đại chúng ta có không? Quá có luôn!

Mình nhìn vào sự kiện bên ngoài mà tin, mà đánh giá vấn đề là hỏng ngay, nó không chính xác. Khi đi thăm một khu rừng hoang dã bên Phi châu, tôi thấy mấy con gấu tới cà lung nơi mấy cây rừng to, tôi hỏi những người hướng dẫn viên có phải những con gấu đó nó ngửa lưng không và trong đầu tôi cứ chắc chắn rằng có ngửa lưng thì nó mới cà cà như vậy, thì mới được trả lời là: không phải, những con gấu đó cà lung để lưu lại mùi hương của mình trên những thân cây đó, nhằm làm dấu hiệu cho

những con gấu khác tìm đến. Té ra cái hiểu của mình không đi đâu tới đâu cả. Có những sự kiện mình nhìn thấy, mình đánh giá là nó đúng, té ra nó không đúng chi cả. Cho nên đừng dựa vào những sự kiện hời hợt mà đánh giá vấn đề rồi kết luận vấn đề. Những người họ biết được hành vi của con gấu như thế là vì họ đã sống chết trong rừng, nghiên cứu, theo dõi và ghi lại đời sống của rất nhiều con, mới có thể đi tới kết luận chứ không phải là kết luận một cách hời hợt.

Nên thấy vậy mà không phải vậy, nghe vậy mà không phải vậy. Những lời đức Phật dạy thâm diệu quá!

Điều thứ chín: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều đó được các nhà quyền lực ủng hộ.

Mình hay thấy các nhà quyền lực ủng hộ thì mình nghĩ điều đó đúng, nhưng đức Phật dạy đừng vội tin điều gì chỉ vì điều đó được các nhà quyền lực ủng hộ. Nhà quyền lực ủng hộ chưa hẳn là đúng. Vì họ ủng hộ là do phù hợp với chính sách của họ trong hiện tại. Nhưng nếu mai kia họ xoay trục, đổi hướng, mà mình cứ bám

vào cái ủng hộ quá khứ của mình là mình sẽ đau khổ. Họ có quyền lực về kinh tế, cái gì phù hợp với kinh tế của họ thì họ ủng hộ; họ có quyền lực về chính trị, cái gì phù hợp với quyền lợi chính trị của họ thì họ ủng hộ; họ có quyền lực về truyền thông, những gì phù hợp với quan điểm về truyền thông của họ thì họ ủng hộ. Nhưng người truyền thông ủng hộ chưa hẳn đã đúng đối với người có quyền lực chính trị; người có quyền lực chính trị ủng hộ chưa hẳn đã đúng đối với người có quyền lực kinh tế; và người có quyền lực chính trị, kinh tế, truyền thông ủng hộ chưa hẳn đã đúng đối với người có quyền lực tôn giáo. Cho nên đừng nói ông đó ủng hộ rồi, người đó ủng hộ rồi thì mình cũng ủng hộ đi. Không! Không ủng hộ ai hết. Mình đề đó đã, chiêm nghiệm, suy nghĩ điều đó có đưa tới lợi mình, lợi người, lợi cho đa số, lợi hiện tại và tương lai không đã, mình mới ủng hộ. Chứ không phải vì nhiều người ủng hộ mà trong đó có những gương mặt nổi tiếng thì mình cũng sẵn sàng ủng hộ. Không! Không phải như thế! Đệ tử Phật không đơn giản, ủng hộ một cách hời hợt như thế.

Điều thứ mười: Đừng vội tin điều gì chỉ vì điều ấy do những nhà truyền giáo, những vị đạo sư danh tiếng tuyên thuyết.

Mình chỉ tin khi đã lắng nghe, chiêm nghiệm và thấy điều vị đạo sư đó, nhà truyền giáo đó nói mà đưa tới lợi mình, lợi người, lợi cho đa số đời này, đời sau. Còn nếu điều nói ra đó chỉ lợi cho một số người thì mình không tin, chỉ lợi trong hiện tại mà thiệt hại tương lai - mình cũng không tin, lợi tương lai mà thiệt hại hiện tại - mình không tin.

Như vậy đại chúng thấy mười điều đừng vội tin này, đức Phật đã mở ra cho chúng ta một tuệ giác lớn, một sự hiểu biết lớn để chúng ta đừng rơi vào những lầm lỗi không cần thiết.

Và rõ ràng là chúng ta không rơi vào những lầm lỗi mà đức Phật đã vạch ra khi chúng ta thực hành hạnh vô trước.

Nếu chúng ta dính vào cái gì là chúng ta sẽ bị mắc bẫy ngay. Chúng ta dính vào truyền thống, chúng ta sẽ bị

mắc bẫy khi người ta giăng cái bẫy truyền thống ra để bẫy chúng ta. Cho nên chúng ta tu học là đi tới với tuệ giác toàn giác mà không phải là vì truyền thống. Nếu chúng ta kẹt nơi truyền thống, chúng ta sẽ bị cái lưới này trói chúng ta và chúng ta không thể đi tới được với bậc Tuệ giác hoàn toàn.

Nếu chúng ta dính vào tri thức truyền thuyết thì chúng ta sẽ bị cái truyền thuyết trói chúng ta và chúng ta không thấy được cái giá trị chân lý nằm ở đâu, cái sự thực cao quý nằm ở đâu và chúng ta chỉ dừng lại và bị trói ở nơi truyền thuyết và tranh luận nhau ở nơi truyền thuyết, ở nơi truyền thống.

Và nếu mà chúng ta tu học chỉ vì được số đông nhiều người ca ngợi, tán dương, chúng ta mắc kẹt vào đó thì chúng ta không khám phá được chân nghĩa sự tu học của chúng ta. Cho nên, tuy là chúng ta được số đông ca ngợi, tán dương nhưng chúng ta không mắc kẹt bởi sự tán dương, ca ngợi từ số đông đó thì chúng ta mới đi tới được cái tuyệt đích của sự tu học.

Chúng ta học tất cả các kinh điển nội minh, ngoại minh, học hết sách vở như thầy tổ chúng ta đã từng học nhưng không phải vì vậy mà bị chi phối, bị vướng mắc bởi kinh điển và sách vở thì chúng ta mới đi tới được cái đích điểm mà chúng ta muốn tới - đó là khám phá cái giá trị tốt cùng của chân lý, của sự thật. Còn nếu chúng ta mắc kẹt vào kinh điển, vào sách vở thì quả thật chúng ta đã mắc kẹt vào kiến thức, vào cái tri thức của chúng ta, và không bao giờ chúng ta bén mặt tới được với chân lý.

Chúng ta học, tu luyện là để thực nghiệm, thực chứng chứ không phải là để lý luận, chứ không phải là để dẫn câu kinh này, dẫn bộ luận kia để làm chứng cứ cho việc làm của mình, mà chúng ta phải tự mình giác liễu lấy, tự mình chứng nghiệm lấy những gì mà đức Phật đã dạy qua đời sống của chính mình. Còn nếu chúng ta mắc kẹt ở nơi những lý luận, ở nơi những biện chứng thì chúng ta không đi tới được với chân giá trị của sự tu tập, chân giá trị của Phật pháp.

Cũng vậy, nếu chúng ta tu học mà bị dính mắc vào cái lập trường tông phái, hệ phái thì chúng ta bị trói trong một cái tông phái, hệ phái thôi. Cuối cùng là những tông phái, hệ phái khác thì mình không nghiên cứu được, mình không đi tới được. Cho nên đừng có kẹt vào bất cứ lập trường, tông phái, hệ phái nào thì khi đó mình mới có thể khám phá ra được cái chân nghĩa của mọi tông phái, hệ phái và cuộc sống của mình trở nên giàu có, vĩ đại về mặt hiểu biết, về mặt đạo đức.

Mình tu học đừng có mắc kẹt vào định kiến thì mình mới phát kiến ra, phát hiện ra những điều hay mà mình cần phải vươn tới để học hỏi.

Và đừng có kẹt vào những hình tướng bên ngoài. Nếu mình kẹt vào hình tướng bên ngoài, mình sẽ nghèo nàn nội dung ở bên trong, không khám phá ra được nội dung từ bên trong. Mình bị kẹt ở nơi một tấm vải hôi thối bọc một châu báu thì mình sẽ không khám phá được cái châu báu được bọc trong tấm vải không trong sạch ấy. Cho nên, đừng để cái hình thức bên ngoài làm

cho mình bị mắc kẹt.

Và chúng ta cũng đừng dính kẹt vào các nhà quyền lực ủng hộ mình, dù là quyền lực về kinh tế, quyền lực về truyền thông, quyền lực về luật pháp, chính trị, tôn giáo thì chúng ta mới có thể khám phá ra được sự thật ở trong các quyền lực đó và chúng ta mới thấy được cái đạo lý tột đỉnh mà chúng ta xuất gia tu hành muốn hướng tới.

Và chúng ta đừng có bị lừa mắt bởi các uy danh đã có từ nơi các nhà truyền giáo, từ nơi các bậc đạo sư. Đôi khi một vị truyền giáo nổi tiếng, một vị đạo sư nổi tiếng họ nói sai, nhưng vì uy danh của họ, mình nghĩ "vị đó đến mức gì mà nói sai", trong lúc họ thực sự sai, tức là mình đã bị uy danh của vị truyền giáo, vị đạo sư, vị thiền sư đó làm cho mình chủ quan trong cái hiểu biết của mình đối với ông ta, đối với cái mà ông ta đang làm và mình không dám từ chối cái mà ông ta áp đặt lên mình; và như vậy là mình trở thành kẻ nô lệ đối với những gì mà nhà truyền giáo uy tín đó nói ra. Cho

nên, bức tranh của một em bé vẽ đôi khi nó tuyệt hơn là bức tranh của một vị họa sĩ danh tiếng mà mình không thấy được; nhiều khi vị đó vẽ run tay nhưng mình vẫn biện minh rằng đường nét ông vẽ đẹp hơn vì nét run đó chính là nghệ thuật.

Cho nên đừng vương mắc vào bất cứ một cái gì, một đối tượng nào mà phải luôn chiêm nghiệm, suy nghĩ, và cái tiêu chuẩn cho sự chiêm nghiệm, suy nghĩ đó, đức Phật đã nói rõ: "lợi mình, lợi người, lợi cho đa số đời này, đời sau". Hễ chiêm nghiệm mà có những yếu tố như vậy thì mình cho nó là đúng, là thực tế, là hữu ích, mà còn không thì tất cả chỉ là hý luận, là vớ vẩn, hay mây cũng trở thành vớ vẩn. Có nhớ không!

Có điều hay mà không thực hiện được thì hay làm gì. Nói thật hay, đưa ra những phương pháp hay mà không khả thi thì cái hay đó để làm gì. Cho nên có những cái hay mà vớ vẩn thì mình không cần để ý.

Như vậy đại chúng thấy vô trước hạnh đối với mười điều đừng vội tin này mình có thể thực tập được ngay

trong đời sống này và nó đưa tới lợi ích ngay trong đời sống tu học hàng ngày của chúng ta, và chúng ta sẽ không bị rơi vào những cái cạm bẫy mà do cái huân tập, do cái học tập, do những định kiến sai lầm của chúng ta tạo ra con người chúng ta ở trong cái định kiến sai lầm đó. Chúng ta phải nghe và chiêm nghiệm. Trong Làng mai có bản nhạc "nghe sâu, hiểu thấu", phải nghe thật sâu, hiểu thật thấu. Còn mình nghe cạn cạn, hiểu không thấu, thì thật nguy hiểm. Cho nên đức Thế tôn lúc nào cũng nói các đệ tử "đề tỉnh, đề tỉnh, thiện tư niệm chi", nghĩa là "lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ, khéo nhớ lấy", "lắng nghe, lắng nghe, suy nghĩ một cách thông minh, nhớ lấy một cách thông minh". Nếu mình bỏ phương pháp này trong đời sống của mình thì mình rất dễ bị chao đảo trong thế sự đảo điên. Quá khứ đã xảy ra như thế, hiện tại đang xảy ra như thế và tương lai nó cũng sẽ xảy ra như thế bởi vì thế giới này là thế giới mà cái gì cũng có, thiện cũng có – ác cũng có, chánh cũng có – tà cũng có, Phật cũng có mà phàm phu cũng có, nếu chúng ta thiếu pháp hành "đề tỉnh, đề tỉnh, thiện tư niệm chi", chúng ta

sẽ bị rơi vào cái bẫy của tà ma ngoại đạo, của tà kiến, và ôi thôi, cuộc đời đi tu như thế là xong om rồi! Xong om nước chè cái đời đi tu của mình. Cái đời đi tu phải có cái gì đó mà mình chuẩn theo giáo pháp của đức Phật để học hỏi, hành trì.

Đó là nói về Vô trước hạnh đối với mười điều không vội tin.

Cũng trong kinh A-hàm, cũng trong Văn hệ Nikāya, đức Phật nói về khúc gỗ. Khúc gỗ mà đi ra được biển lớn thì khúc gỗ đó không bị kẹt ở bờ bên này, ở bờ bên kia, ở gầm cầu, ở cái gò nổi lên giữa dòng sông và không bị người ta vớt lên, không bị những dòng nước xoáy. Tu học cũng vậy. Chúng ta không bị kẹt vào biên kiến, không bị kẹt vào thân kiến, chúng ta không bị kẹt vào kiến thủ kiến, không bị kẹt vào giới cấm thủ, không bị kẹt vào nơi đại tà kiến, thì chúng ta mới đi tới được với chánh kiến. Mà chánh kiến là Phật tính. Kinh A-hàm gọi là Chánh tri kiến, trong văn hệ Nikāya gọi là Chánh tri kiến, nhưng kinh điển Đại thừa gọi là

Phật tính. Nên Phật tính là Chánh tri kiến, là Chánh kiến.

Các vị thầy chưa, các kinh điển đức Phật dạy minh họa rất rõ ràng. Thế nào là một khúc gỗ đi ra được biển lớn? Khúc gỗ đi ra được biển lớn vì nó không rơi vào các trường hợp kẹt bên này, kẹt bên kia, kẹt nơi gằm cầu, kẹt nơi gò nổi lên giữa dòng sông, kẹt nơi dòng xoáy và bị người vớt lên. Thì người tu chúng ta cũng vậy. Chúng ta đừng kẹt vào biên kiến, thân kiến, kiến thủ, giới cấm thủ, tà kiến thì chúng ta đi tới được với Chánh kiến, chúng ta đi tới được với Phật tri kiến. Như vậy rõ ràng Vô trước hạnh là đừng dính vào mấy cái kiến thủ đó. Mà nói gọn, chúng ta tu hành đừng kẹt vào hai cái là phiền não chướng và sở tri chướng. Nếu chúng ta kẹt vào phiền não chướng, chúng ta không đi tới được với Niết bàn. Chúng ta kẹt vào sở tri chướng, chúng ta không đi tới được với sự toàn giác, với chánh biến giác, với chánh biến tri. Cho nên phải buông bỏ mọi phiền não chướng, mọi sở tri chướng. Mà muốn được như vậy, chúng ta phải học hỏi như chính mình đang học hỏi với cái tâm vô trước. Nhớ chưa!

Mình hỏi mà đừng mắc kẹt vào câu hỏi, mới là người hỏi thông minh, còn hỏi mà cứ mắc kẹt vào câu hỏi là người hỏi chưa thông minh. Trả lời, nhưng đừng mắc kẹt vào lời lẽ trong sự trả lời thì mới trả lời thông minh và người nhận sự trả lời đó mới thông minh. "Nhất thiết tu-đa-la như tiêu nguyệt chi", hết thầy kinh điển như ngón tay chỉ mặt trăng. Nếu chúng ta cho rằng ngón tay là mặt trăng thì vĩnh viễn không bao giờ thấy được mặt trăng, mà bị hai cái lỗi: không biết mặt trăng là gì mà cũng chẳng biết ngón tay là gì. Đó là kinh Viên giác. Và ở trong kinh Xà dụ của A-hàm, Nikāya, đức Phật cũng có dạy là "pháp còn ung xả hà huông phi pháp". Pháp như chiếc thuyền đưa người sang sông. Sang sông rồi thì bước lên chứ đừng tiếc chiếc thuyền mà không chịu lên bờ. Điều này, kinh Kim cang cũng nhắc nhở lại cho chúng ta: "Nhu lai thuyết Pháp như phiệt dụ giả, Pháp thượng ung xả hà huông phi pháp", Như lai thuyết pháp, pháp Ngài như chiếc thuyền, pháp còn buông bỏ huông là không phải pháp. Tất cả những cái đó là đều nhấn mạnh đến vô trước hạnh. Và vì vô trước hạnh như vậy nên đời sống lúc nào cũng thấy vui,

mới mẻ; khi nào cũng thấy hữu ích; khi nào cũng giữ được cái tâm bình lặng, không sân; khi nào cũng thấy tinh cần, nỗ lực mà không nhàm chán, không mệt mỏi; khi nào cũng thấy trong sáng, không mù quáng; khi nào cũng thấy Pháp đưa tới sự an toàn, sự cao thượng, đưa tới sự an lạc, hạnh phúc.

Cho nên bữa nay mình thực tập Vô trước hạnh nghe! Ai nói, mình cứ lắng nghe; ai chỉ trích, mình giữ tâm bình lặng, chưa nói họ chỉ trích đúng hay sai; ai đá đảo mình, mình cũng giữ tâm bình lặng, không kẹt vào, không dính vào nơi cái đá đảo hay tung hô của người khác. Đó là đạo lực, là nội lực của chúng ta. Chúng ta có được đạo lực, nội lực như vậy, chúng ta mới có cái để hiến tặng cho mọi người chung quanh, mọi người đang thương, quý chúng ta. Còn không có nội lực, không có đạo lực thì lấy gì để hiến tặng cho những người mà chúng ta đã từng thọ ân!

ĐẠO TỪ KẾT KHÓA

*Trích từ Bài 49 – Môn Giới học Đại Thừa –
Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni
sinh khóa V, Luật viện Huệ Nghiêm*

Nam mô Bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể Tăng Ni sinh hiện tiền thương mến.

Quý vị là những thế hệ tiếp nối ngọn đèn Chánh pháp từ đức Như lai sau khi đã thấp sáng ở nơi Đạo tràng Bồ đề và lan tỏa đến vùng Lộc uyển và Tăng đoàn từ đó được thành lập, Giới luật cũng từ đó mà được cụ thể hóa rồi phát triển khắp cả Ngũ hà - Ấn độ, lan tỏa ra các vùng miền, đất nước chung quanh, trải dài đến quê hương Việt nam chúng ta, cho đến tận bây giờ. Bao nhiêu thế hệ tiền nhân của chúng ta đã vì sự nghiệp hoằng Pháp và vì hạnh nguyện lợi ích chúng sinh mà đã đứng lên, rồi nằm xuống, đối diện với bao nhiêu thác ghềnh, cám dỗ nhưng các bậc tiền nhân của

chúng ta đã đều vượt qua. Vượt qua một cách đồng
mãnh. Vượt qua một cách kiên cường. Vượt qua được
là vì thầy tổ chúng ta luôn luôn nhớ chí nguyện xuất
gia của mình mà thượng cầu Phật đạo – hạ hóa chúng
sinh, và nuôi dưỡng chí nguyện đó trong từng khoảnh
khắc của sự sống, của sự hành đạo ngay ở trong pháp
học, ngay ở trong pháp hành và ngay ở trong những
luật viện, tự viện, tu viện, thiền viện và đi ra giữa xã
hội, thầy tổ chúng ta đã biến mọi không gian trở thành
ra không gian của sự tu học, biến mọi thời gian đều là
thời gian của sự thực hành Chánh pháp. Có như vậy,
dòng Chánh pháp đến giờ phút này, mạch nguồn vẫn
còn lưu thông và hy vọng rằng qua những thế hệ này
thì mạch nguồn không những lưu thông mà còn phát
triển rộng lớn, sâu xa đến mọi vùng đất khô cằn của
Phật pháp để tác động và làm cho những hạt giống
Phật pháp ở nơi mảnh đất khô cằn ấy sinh sống, phục
hồi trở lại một cách đúng ý nghĩa, đúng với hoài bão
mà chư Tổ chúng ta đã kế thừa từ đức Như lai, và các
đức Như lai đã hỗ trợ cho nhau để Chánh pháp được
trường tồn không phải chỉ giới hạn trong một quốc độ,

một cõi nước mà khắp cả mười phương quốc độ. Mong rằng tất cả các Tăng Ni sinh sau khóa học này, quý vị còn có cơ hội để học thêm và học thêm nữa, bởi vì, học hải vô nhai. Người tu mà tu có kết quả là nhờ học đâu tu đó và tu đâu thì học đó, ở không gian nào thì hành đạo ở không gian đó và ngay ở không gian đó mà xây dựng và phát triển Đạo pháp.

Tôi kể cho quý thầy quý cô nghe, khi tôi đi Indonesia và Malaysia là xứ sở của Hồi giáo, tôi tặng cho những người ở đó tràng chuỗi đeo tay. Họ hỏi tôi tràng chuỗi đeo tay này có ý nghĩa gì, có tác dụng gì. Tôi nói: "Nếu quý vị mang tràng chuỗi này vào nơi tay của mình bằng tất cả sự chí thành, bằng tất cả niềm tin, bằng tất cả tâm thành, thì tác dụng của chuỗi này sẽ giúp cho quý vị sống lâu, sẽ giúp cho quý vị giàu có, sẽ giúp cho quý vị xinh đẹp, sẽ giúp cho quý vị có uy tín, giúp cho quý vị thông minh trong đời này và trong đời sau. Quý vị có thích không?". Cuối cùng là cả chục người, tất cả đều nói thích và đưa tay lên cho tôi mang tràng chuỗi vào. Như vậy rõ ràng, ở trong một xứ sở

Hồi giáo mà mình vẫn nói được Phật pháp, vẫn truyền được sinh khí Phật pháp mà nghe ra thì không có Phật pháp gì hết nhưng thực sự cái lõi của Phật pháp là nằm ở nơi chỗ mà chúng tôi vừa chia sẻ, mà tất cả những người Hồi giáo đó, từ giám đốc khách sạn cho đến người bồi bếp, họ nhìn chúng tôi với con mắt rất quý trọng và họ đã tiễn đưa chúng tôi lên xe.

Có lần, chúng tôi có dịp đi thăm thư viện Tòa thánh Vatican và ở tại một khách sạn gần Vatican. Mỗi buổi sáng, sau khi đi lấy phần ăn, tất cả chúng tôi ngồi vào bàn và chấp tay niệm "Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật", niệm rất hay. Chúng tôi làm ba bữa như vậy thì những người ở đó nhìn chúng tôi với cặp mắt rất thương và quý trọng. Khi chúng tôi trả phòng khách sạn thì chúng tôi cũng tặng chuỗi cho họ và ai cũng đưa tay nhận. Và khi tôi đi ra khỏi khách sạn một đoạn, trước Tòa thánh Vatican, thì có một người đàn ông chạy theo, chấp tay chào và xin cúng dường. Tôi không biết họ là ai.

Tôi nói như vậy để cho các thầy các cô thấy, ở nơi Luật viện mà mình không hoằng dương được Luật học cho các anh em đồng tu phạm hạnh với mình, trước mặt cũng như sau lưng, thì làm sao mình có thể hoằng dương Luật học sau khi mình tốt nghiệp ra trường ở nơi một xứ sở mà người ta không biết Luật là gì. Rồi đi về trú xứ của mình, là trong ngôi chùa của mình mà mình không hoằng dương được Luật học, không khai sáng được ngọn đèn Chánh pháp thì mình hoằng dương Luật học ở đâu. Bởi vì trong chùa, tất cả đều đồng hành về một hướng, đều hỗ trợ nhau, mà tại sao mình không làm được? Vậy thì làm sao mà có thể đi tới một xứ sở nơi người ta sẵn sàng có thành kiến với mình mà mình hoằng dương Luật học được.

Cho nên, chúng ta càng học thì chúng ta thấy rằng các pháp vốn là vô ngã tính, thì mình phải nhận ra và thể hiện cái vô ngã tính đó ở ngay nơi chính mình để mình hoằng dương Luật học nói riêng và hoằng dương Phật pháp nói chung.

Rồi chúng ta phải thấy mọi không gian, không có không gian nào là không gian của Phật pháp, mà cũng không có không gian nào không phải là không gian của Phật pháp, nếu tất cả chúng ta không quên tâm bồ đề của mình là thượng cầu Phật đạo – hạ hóa chúng sanh. Chúng ta không quên cái tâm này, không quên cái nguyện này thì ở không gian nào chúng ta cũng biến thành không gian của Phật pháp vì lợi ích của chúng sinh. Còn chúng ta quên tâm bồ đề, chúng ta quên chí nguyện xuất gia của chúng ta thì quả thật chúng ta đang ở trong luật viện với nhau mà cũng chướng ngại nhau; rồi chúng ta về chùa với thầy tổ chúng ta, chúng ta cũng chướng ngại với thầy ta, với anh em ta; rồi chúng ta đi ra xã hội thì lại chướng ngại đối với mọi thành phần trong xã hội. Đã chướng ngại thì làm sao mà tuyên dương Phật pháp bởi vì Phật pháp vốn là không chướng ngại. Chính không chướng ngại với các pháp mới gọi là Phật pháp. Cho nên, pháp học đã khó nhưng không khó bằng pháp hành; pháp hành đã khó nhưng không khó bằng li tham, li sân, li si, li kiêu mạn, li chấp ngã, li sở đắc. Có đôi khi mình

thực hành pháp hành mà kẹt vào sở đắc thì chúng ta có mặt ở đâu là chướng ngại ở đó. Do đó, có pháp hành rồi thì chúng ta phải làm thế nào để đạt tới cái tâm li tham, tâm li sân, tâm li si, tâm li mạn, tâm li sở đắc thì chúng ta mới tiếp nối được ánh sáng tuệ giác từ đức Thế tôn chúng ta; chúng ta mới tiếp nối được, mới nhận được ấn chỉ từ thầy tổ chúng ta để chúng ta có thể trao truyền ấn chỉ Phật pháp đó, Luật học đó cho những thế hệ tương lai của chúng ta và đóng góp sự nghiệp tu học của mình vào trong sự nghiệp lợi ích chúng sinh mà vì đó chư Phật đã có mặt khắp mọi quốc độ, khắp mọi không gian, khắp mọi thời gian.

Khóa này, chúng tôi đến với quý vị qua Giới học Đại thừa, nhưng chỉ mới một phần trong mười phần. Nhưng nếu quý vị biết học, biết hành thì trong một phần đó có cả mười phần. Còn nếu mình không biết học, không biết hành thì hết cả mười phần cũng không có phần nào cả. Vậy, tôi nhắc lại, là có pháp học là một may mắn, có pháp hành là một may mắn nhưng trong pháp hành đó, chúng ta phải biết vận dụng nó mọi lúc, mọi nơi bằng

tâm vô sở đắc. Vì Giới chính là vô sở đắc. Giới chính là giải thoát mà giải thoát thì làm gì có đắc. Định là giải thoát mà giải thoát thì làm gì có đắc, đắc thì không giải thoát. Tuệ là giải thoát mà giải thoát thì làm gì có đắc, đắc thì không phải Tuệ. Nên phải nhớ cái vô sở đắc ở nơi Giới, cái vô sở đắc ở nơi Định, cái vô sở đắc ở nơi Tuệ thì chúng ta mới thực sự có đời sống giải thoát, mới có đời sống giác ngộ và đem cái đời sống giải thoát, giác ngộ đó mà cúng dường Tam bảo, cúng dường thầy tổ chúng ta, biết ơn Hòa thượng Bổn sư của chúng ta, biết ơn anh chị em của chúng ta đang ở chùa lao tác mọi công việc chùa để cho chúng ta được đi học, biết ơn Hòa thượng Luật chủ Luật viện Huệ nghiêm, biết ơn quý vị Tôn đức Giáo thọ, quý huynh đệ điều hành cũng như tất cả Phật tử trực tiếp, gián tiếp đóng góp bằng tâm, bằng vật để cho chúng ta được yên thân tu học. Có như vậy, chúng ta mới báo đáp được Tứ ân và cứu giúp ba cõi. Không như vậy thì đời đời chúng ta vẫn nằm trong sinh tử mà thôi. Nằm trong sinh tử thì mất tự do. Người không có tự do thì không thể hiến tặng bất cứ sự tự do nào cho ai.

Quý vị lưu ý những điểm mà tôi chia sẻ. Và tôi nhắc lại: Học, học, học - Tu, tu, tu, mọi lúc, mọi nơi, mọi động tác thì mọi lúc, mọi nơi, mọi động tác đều kết thành những hoa trái của phước đức và trí tuệ cho chúng ta đến chỗ viên thành.

Cầu nguyện đức Phật gia hộ cho tất cả Tăng Ni sinh hiện diện, bồ đề tâm kiên cố, trí tuệ thường minh, sanh sanh dữ Phật vi quyền thuộc, thế thế bồ đề kết thiện duyên.

Nam mô Thường-tĩnh-tân Bồ tát Ma-ha-tát.

THIỆN VÀ ÁC DƯỚI CÁI NHÌN PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

*Trích từ Bài 22: Thiệu long Thánh chủng – môn Giới luật
Đại thừa, Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni
sinh Luật viện Huệ Nghiêm*

Ác đây nghĩa là phỉ báng Đại thừa, phỉ báng Phật tính, phỉ báng Như lai tính, phỉ báng Bản nguyên tâm địa, bất tín đối với Bản nguyên tâm địa, không tin mình có khả năng thành Phật rồi xuyên tạc khả năng đó. Đó là ác. Mà cái ác đó mới là cái ác vĩnh viễn.

Không tin vào Bản nguyên tâm địa, không tin vào khả năng thành Phật ở nơi chính mình, rồi xuyên tạc, rồi bôi nhọ, làm cho khả năng đó vĩnh viễn bị thôi chụt đi, bị mất đi khả năng, niềm tin đối với Bản nguyên tâm địa, đối với Phật tính, đối với Như lai tạng tính, đối với Tánh

tịnh niết bàn; niềm tin đó bị mất đi. Đó gọi là ác. Và nếu cái ác phỉ báng đối với Bản nguyên tâm địa đã sinh rồi, thì phải nỗ lực làm cho nó diệt đi để cho niềm tin Đại thừa ở nơi chúng ta được nuôi lớn và tăng trưởng.

Cho nên, trong mười ba-la-di của Bồ tát giới Phạm võng, điều thứ mười nói cái gì? À, không được phỉ báng Tam bảo. Mà phỉ báng Tam bảo sâu xa nhất là sự phỉ báng Tam bảo đối với tự tánh, bởi vì tự tánh Tam bảo mới là nguồn gốc để từ đó mà Tam bảo ở trong thế gian, Tam bảo xuất thế gian biểu hiện. Mà bây giờ mình phỉ báng nguồn gốc, hủy diệt nguồn gốc thì làm sao Tam bảo thế gian và xuất thế gian biểu hiện. Cho nên cái ác nhất, cái xấu xa nhất là phỉ báng Đại thừa, vì Đại thừa là nói về bản nguyên tâm địa, nhấn mạnh về chất liệu Tự tánh Tam bảo. Cho nên quý thầy quý cô thấy rằng, mình làm tất cả các công việc gì, thì ban đầu mình quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nhưng mà cuối cùng là mình tự quy y Phật, tự quy y Pháp, tự quy y Tăng. Mở đầu bao giờ cũng là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng;

đó là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở bên ngoài, là Tam bảo sự tướng. Nhưng nhờ nương vào Tam bảo sự tướng đó mà chúng ta đi vào được Tam bảo của tự tánh. Vậy mà bây giờ mình phỉ báng Tam bảo của tự tánh thì cuối cùng lấy đường đâu mà về. Cho nên trong mười giới thuộc về ba-la-di của Bồ tát giới phạm vọng, thì giới thứ mười là không được phỉ báng Tam bảo, mà khi nghe ngoại đạo hoặc những người ác kiến phỉ báng Tam bảo thì như có 300 mũi dao đâm vào tim mình. Còn có đôi người nghe phỉ báng Tam bảo thì cũng như không, là vì sao? Vì họ chỉ lợi dụng Tam bảo.

Người sống chết với Tam bảo, họ thấy được Tam bảo của tự tánh. Chính Tam bảo của tự tánh khẳng định sự có mặt của Phật giáo Đại thừa. Và Phật giáo Đại thừa có mặt là để khai quật kho tàng Tam bảo tự tánh nơi tất cả chúng sinh cho chúng sinh. Khi chúng ta có được Tam bảo tự tánh đó, chúng ta sống với Tam bảo tự tánh đó, chúng ta mới có khả năng đứng dậy từ nơi đôi chân của chúng ta, chúng ta mới có khả năng đứng

dậy để xây dựng cuộc đời của chúng ta, và chúng ta mới có khả năng phát huy sự cao đẹp của cuộc đời chúng ta đến chỗ hoàn hảo, đến chỗ toàn giác.

Vậy nên, cái ác, mà không có cái ác nào ác hơn, là phi báng Đại thừa. Ai phi báng Đại thừa, người đó đang phi báng cái cao nhất, cái đẹp nhất, cái quý nhất, cái giá trị nhất ở nơi chính mình. Bởi vì Đại thừa nói về cái đẹp nhất, cái cao nhất, cái quý nhất, cái giá trị nhất đang bị chôn vùi ở nơi tâm của chúng sinh, và qua những pháp tu, pháp học, pháp hành. Phật giáo Đại thừa khai quật kho tàng đó lên cho chúng sinh. Khi khai quật được kho tàng đó lên thì chúng sanh đang nghèo trở thành ra giàu, như người cùng tử quên mất viên minh châu ở trong chéo áo và được thiện tri thức chỉ cho liền nhận ra và tức khắc trở thành giàu có.

Chúng ta nghèo vì quên mất bản nguyện tu hành của chúng ta. Chúng ta nghèo vì quên mất tâm bồ đề của chúng ta. Chúng ta trở thành kẻ cùng tử lang thang đầu đường xó chợ kiếm sống qua ngày mà vẫn không đủ.

Nhưng khi chúng ta có tuệ giác, có pháp học, pháp hành Đại thừa, chính là chúng ta có khả năng khai quật những giá trị thâm sâu đang tiềm ẩn ở nơi tâm chúng ta: đó là tự tánh thanh tịnh; đó là bản nguyên tâm địa. Mà nói theo ngài Huệ-năng là:

"Bồ đề bốn vô thọ

Minh cảnh diệt phi đài

Bản lai vô nhất vật

Hà xứ nhá trần ai".

Và chúng ta sử dụng mọi phương pháp để khai quật là chúng ta đang sử dụng chiêu thức, pháp hành của ngài Thần-tú:

"Thân thị bồ đề thọ

Tâm như minh cảnh đài

Thời thời thường phát thức

Vật sử nhá trần ai".

Bây giờ quý vị yêu ngài Thần-tú hay ngài Huệ-năng? Nếu không có ngài Thần-tú thì không bao giờ có ngài Huệ-năng. Nhưng nếu chỉ có ngài Thần-tú thôi mà không có ngài Huệ-năng thì mình chưa đạt tới cái đích điểm của sự trở về. Cho nên mình yêu cả hai Ngài. Nhớ không! Mà yêu cả hai Ngài thì phải làm gì? Đó là vấn đề. Yêu cả hai Ngài thì phải học đâu tu đó, tu đâu học đó, chứ đừng có học rồi mới tu. Học rồi mới tu thì không biết đến khi nào mới học cho rồi. Nên, học đâu tu đó, tu đâu học đó, trên đường chúng ta đi luôn luôn có hai Ngài cùng đi với chúng ta. Và càng đi thì ngài Thần-tú càng giúp cho mình thấy ngài Huệ-năng. Càng đi thì ngài Huệ-năng sẽ càng xuất hiện cho chúng ta.

Cho nên, cái ác đáng sợ nhất, ghê tởm nhất, khủng khiếp nhất là phỉ báng Đại thừa và đưa ra những lập luận để phỉ báng Đại thừa. Đó là ác kiến. Đó là tà kiến. Không phải là tà kiến đơn thuần mà tà kiến đó trở thành ác kiến.

Như vậy thì ác đó chưa sanh thì nỗ lực làm cho nó vĩnh viễn không sanh, mà đã sanh thì nỗ lực làm cho nó hủy diệt.

Và cái thiện cao nhất, tối thượng nhất, đó là thiện gì?
Là tự tánh thiện.

Tự tánh thiện, còn gọi là Đệ nhất nghĩa thiện, hay Đệ nhất niết bàn. Tự tánh thiện là một cách nói khác của bản nguyên tâm địa. Bản nguyên tâm địa chưa sinh thì nỗ lực sử dụng giới định tuệ làm cho nó sinh ra; đã biểu hiện ra rồi thì làm cho nó phát triển, lớn mạnh, tỏa chiếu cùng khắp.

Tự tánh thiện, Như lai tạng tính, Đệ nhất niết bàn, Bản nguyên tâm địa, trong giáo lý Tịnh độ gọi là Tự tính A-di-đà. Tự tính này chưa biểu hiện thì nỗ lực làm cho nó biểu hiện, mà biểu hiện rồi thì nỗ lực làm cho nó tỏa ra cùng khắp mọi không gian, mọi thời gian. Tính ấy sáng, trong, thường tịch mà thường chiếu.

Trong Tịnh độ, thường tịch là Vô lượng thọ, thường chiếu là Vô lượng quang. Nên danh hiệu A-di-đà Phật

chuyển tải cả tịch và chiếu, đầy đủ cả sự và lý, cả tướng và tánh. Thường chiếu là tướng; thường tịch là tánh.

Như vậy trong Bản nguyên tâm địa của chúng ta có hết. Phải phát hiện cho được điều này, nỗ lực làm cho nó tỏa ra, sáng ra trong đời sống của chính mình. Và nỗ lực làm cho chúng sanh nhận ra được điều này để họ sống cùng, sống với tự tánh thiện để ở đâu, lúc nào, với ai, cảnh giới nào họ cũng đầy đủ an lạc, hạnh phúc. Đó là hạnh tu của Bồ tát, là pháp hành của người tu tập.

Nên, đại tà kiến là phỉ báng Đại thừa. Đại chánh kiến là thấy được Bản nguyên tâm địa rồi kích hoạt chúng sinh tu tập để nhận ra được Bản nguyên tâm địa ở nơi chính mình và kích hoạt mọi người nỗ lực làm cho Bản nguyên tâm địa đó sáng chói lên từ nơi tự tâm của chính họ. Đó là lý do tại sao Phật giáo có mặt. Nên đạo Phật là của chúng sinh. Đó là quyền lợi của chúng sinh. Nên chúng sinh tự nguyện bảo vệ đạo Phật.

HIỂU VỀ SỰ CẦU NGUYỆN TRONG PHẬT GIÁO

*Trích từ Bài 43 – Môn Giới luật Đại thừa – Hòa thượng Thích
Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh Luật viện Huệ Nghiêm*

Mỗi khi tụng kinh, mỗi khi dâng hương lên đức Phật, mỗi khi cúng dường đức Phật, quý thầy quý cô có ước nguyện chi không, có cầu nguyện chi không? Có! Tại sao phải cầu nguyện? Mình cầu nguyện, bởi vì mình tin vào sự gia trì lực của chư Phật. Chư Phật có gia trì lực bất khả tư nghì đối với chúng sinh. Chư Phật có thần thông vĩ đại nên các Ngài có thể gia trì cho chúng ta, yểm trợ cho chúng ta tu hành. Và Ngài có năng lực thần thông vĩ đại, trí tuệ vĩ đại, đức hạnh vĩ đại, cho nên các vị quý thần, thiện thần đều phụng hành ý chỉ của Ngài và gia trì lực cho chúng ta tu hành, vượt qua mọi khổ nạn, mọi khó khăn. Từ nơi đó mà phát sinh ra sự cầu nguyện ở trong Phật giáo.

Nói Phật giáo mà không có cầu nguyện là nói sai, nói bậy. Tại sao nói sai, nói bậy? Là vì không có niềm tin kiên cố vào năng lực thần thông quảng đại của chư Phật. Không có đức Phật nào mà không có thần thông. Mà mà còn có thần thông, Phật không có thần thông thì làm sao giáo hóa ma được, làm sao ma khuất phục được!

Ma có thần thông không? Có mà! Ma có đến ngũ thần thông. Phật có lục thông. Ma chỉ thua Phật Lộ tận thông thôi. Cho nên nói rằng "Phật giáo không có cầu nguyện, cầu nguyện thì không phải Phật giáo", đó là nói theo tà kiến, nói theo ngoại đạo.

Tại sao Phật có lục thần thông? Lục thần thông như vậy để che chở chúng sinh, để gia trì lực cho chúng sinh tu hành, giúp chúng sinh tăng trưởng, nuôi lớn thiện căn. Mình trồng một bông hoa thì cái nhân của bông hoa là nơi chính nó, nhưng mà phân, nước, chăm sóc, đó là gia trì lực của chúng ta đối với bông hoa, để bông hoa cho chúng ta hoa. Có hiểu không?

Cái nhân bồ đề tu hành là ở nơi mỗi chúng ta. Nhưng mà gia trì lực của Phật làm cho cái nhân đó lớn mạnh lên, không bị chướng ngại bởi những độc tố, bởi những tà kiến từ bên ngoài xâm nhập vào. Cho nên sáng nay học, quý vị đã phát hiện được nhiều điều kì lạ trong Phật Pháp chưa, rất khoa học trong Phật giáo chưa!

Bây giờ tôi hỏi, các thầy các cô phản biện đi nghe! Đức Phật có thần thông không? À! Có thần thông! Có thần thông thì có thể chở mình đi được chứ. Cũng như chiếc xe có trọng tải mạnh, nó có thể chở được nhiều người. Và trong mười phẩm hiệu của đức Phật, Ngài có phẩm hiệu gì? Điều ngự sư! Điều ngự sư là gì? Là vị tài xế lái xe giỏi. Sao gọi là vị tài xế lái xe giỏi? Vì vị đó lái xe chở rất nhiều người mà an toàn, không bị tai nạn. Nhưng đức Phật là một vị Điều ngự sư lái xe giỏi không phải như những tài xế bình thường của thế tục, mà là một vị Điều ngự sư lái xe giỏi chuyên chở chúng sinh từ nơi bến sinh tử qua đến mảnh đất an toàn của Niết bàn, chuyên chở

chúng sinh từ nơi tâm phiền não qua đến tâm an toàn, chấm dứt sinh tử. Như vậy rõ ràng đức Phật phải có thần lực chứ. Mà chúng ta phải có niềm tin, phải tha thiết, phải chí thành thì mới bắt được tín hiệu từ thần lực đó. Còn nếu chúng ta không tin thì làm sao bắt được cái tín hiệu, cảm nhận được cái tín lực đó từ chư Phật.

Cho nên phải hiểu vì sao trong Phật giáo có cầu siêu, vì sao trong Phật giáo có cầu an, có cầu nguyện, có ước nguyện. Chứ không phải Phật giáo không có chi cả. Có hết! Nhưng mà có như thế nào. Có là có từ nơi tâm bồ đề, từ nơi nguyện bồ đề, từ nơi hạnh bồ đề. Nên ai không có tâm bồ đề thì người đó không bắt gặp được Phật giáo; không có hạnh và nguyện bồ đề thì không đi tới được với Phật giáo rộng lớn và không có hạnh nguyện bồ đề thì không đi tới được với chúng sinh.

Quý vị học trong kinh Nikāya cũng như A-hàm thì thấy có kinh Ước nguyện mà. Cho nên tôi đề nghị

các thầy các cô gắng học đi, mà học cho đàng hoàng, nghiêm túc, học mà có tâm có quý, rồi mình mới chia sẻ cho những thế hệ tiếp theo và chia sẻ cho quần chúng. Chứ có cái học mà không có tâm có quý mà đi chia sẻ cho quần chúng và làm thầy dạy cho những thế hệ tương lai khiến cho thế hệ tương lai mất đi niềm tin đối với cuộc sống, đối với Tam bảo, thì rất là nguy hiểm.

Ý NGHĨA VÀ NỘI DUNG PHÁP HÀNH BẤT HOẠI HỒI HƯƠNG

Trích từ Bài 43 – Môn Giới luật Đại thừa –

Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh

Luật viện Huệ Nghiêm

Ý NGHĨA

Bất hoại nghĩa là không bị hủy hoại, là kiên cố. Bất hoại cũng có nghĩa là bất thoái.

Bất hoại hồi hương có nghĩa là thực hành pháp hồi hương từ tâm bất hoại, từ niềm tin bất hoại, từ đức tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng, Giới hay Bồ đề tâm để làm lợi ích cho tất cả chúng sinh.

Trong giới luật của Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni có hai pháp bất định: chúng Tăng nghe một vị trụ tín Ưu-bà-di chỉ điểm những thiếu sót về giới luật của Tỳ kheo, Tỳ

kheo Ni. Vị này vì không am tường về Giới luật nên chỉ diễn tả bằng động thái, Tăng dựa vào diễn tả của vị trụ tín Ưu-bà-di này mà biết được Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni phạm vào ba-la-di hoặc tăng-già-bà-thi-sa hoặc ba-dật-đề. Vị trụ tín Ưu-bà-di này phải có niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng. Lấy gì để chứng minh vị trụ tín Ưu-bà-di này có niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp và Tăng? Đó là vị ấy đã đoạn trừ nghi kiến thủ, nghĩa là vị ấy không còn nghi ngờ gì đối với Phật, Pháp, Tăng. Và do không còn nghi ngờ gì đối với Phật, Pháp, Tăng nên vị đó cũng đoạn trừ luôn thân kiến thủ, giới cấm thủ, kiến thủ kiến, biên kiến, tà kiến, lòng tham của vị đó giảm bớt và vị đó chứng quả vị Dự lưu, gia nhập vào dòng dõi bậc Thánh, biết được mình chỉ còn bảy đời ở trong sinh tử. Vị ấy biết rất rõ như vậy. Nếu chưa chứng nhập được quả Dự lưu, họ còn có thể phản bội Phật Pháp Tăng, họ có thể quay lưng đối với Phật Pháp Tăng; còn nếu đã chứng quả Dự lưu, họ có tâm kiên cố bất hoại đối với Phật Pháp Tăng, tin tưởng tuyệt đối, không có lực nào có thể đẩy họ ra khỏi niềm tin đó.

Nhưng dưới cái nhìn của Phật giáo Đại thừa, một vị chứng quả Dự lưu, vị ấy không chỉ có niềm tin đối với một đức Phật mà có niềm tin bất hoại đối với hết thầy chư Phật mười phương và ba đời, vị ấy có niềm tin đối với Chánh pháp của chư Phật trong mười phương và ba đời, vị ấy có niềm tin bất hoại không những đối với các vị Thánh giả A-la-hán mà còn có niềm tin bất hoại, kiên cố đối với các vị Bồ tát từ Sơ phát tâm cho đến Bồ tát Nhất sanh bất tử, vị đó có niềm tin bất hoại với Giới không phải chỉ Biệt giải thoát luật nghi mà là với Tam tụ tịnh giới của chư Phật mười phương và ba đời. Và từ niềm tin này, vị ấy tu tập, phụng sự, cúng dường chư Phật cả mười phương và ba đời. Đó là điểm khác biệt. Các cô các thầy lưu ý cho.

Và từ nơi thiện căn do niềm tin bất hoại đối với sự giác ngộ của chư Phật ba đời, đối với sự hành Bồ tát đạo của các vị Bồ tát trong ba đời, mười phương, và đối với giáo pháp các Ngài chứng ngộ ở trong ba đời mười phương, đối với giáo pháp bao trùm tất cả các thiện căn cả ba đời và mười phương rồi đem niềm tin đó mà

hồi hướng cho hết thầy chúng sinh khắp các cõi nước chứ không phải chỉ một quốc độ. Tâm càng lớn, niềm tin càng lớn, pháp hành càng lớn, thì sự hồi hướng càng lớn. Sự hồi hướng càng lớn thì phước đức càng lớn. Phước đức lớn thì mới có khả năng che chở hết thầy chúng sinh, mới có khả năng dẫn đường cho hết thầy chúng sinh, mới có khả năng làm ruộng phước cho hết thầy chúng sinh trong các cõi nước gieo trồng phước đức. Và càng tích lũy công đức như vậy, thiện căn càng lớn lên, và từ nơi thiện căn đó mà đem hồi hướng cho hết thầy chúng sinh, cho nên gọi là bất hoại hồi hướng.

Quý vị thấy, nếu mình có niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và Giới không phải chỉ trong một cõi mà mười phương cõi, không phải chỉ trong một đời mà cả ba đời thì làm gì có việc phạm giới. Mà phạm giới nghĩa là mình không có niềm tin kiên cố bất hoại đối với đức Thế tôn của chúng ta, đối với Giáo pháp của đức Thế tôn đã tuyên thuyết, và đối với Tăng đoàn do đức Thế tôn dẫn đạo và đối với Giới pháp do đức Thế

tôn thiết lập. Và nếu mình có niềm tin kiên cố bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và Giới thì mình không bao giờ chỉ ca ngợi đức Thế tôn chúng ta mà phỉ báng các đức Thế tôn khác. Nếu người nào ca ngợi đức Thích-ca Thế tôn mà phỉ báng đức Phật A-di-đà nghĩa là người đó không có niềm tin kiên cố bất hoại đối với đức Thế tôn chúng ta. Bởi vì đức Thế tôn chúng ta chưa bao giờ chỉ trích chư Phật quá khứ, hiện tại cũng như tương lai; Ngài chưa bao giờ chỉ trích đức Phật cõi này, đức Phật cõi kia. Như vậy, các thầy các cô học điều này rồi, khi nghe những vị giảng sư, pháp sư khác giảng, mình biết vị đó đang đi đúng hay sai với Phật pháp, đi đúng với Trung đạo hay bị thiên kiến. Nếu chúng ta hành trì Giới luật thật sâu sắc thì chúng ta đã thấy rõ, khi đức Thế tôn chúng ta nói cái gì, Ngài cũng liên hệ đến trong quá khứ chư Phật ra đời như thế này, giáo hóa như thế này, xuất gia như thế này, thuyết pháp như thế này nên hôm nay Như lai ra đời cũng như thế này... Chư Phật quá khứ, từ đức Phật Tỳ-ba-thi, đức Phật Thi-khí, Phật Tỳ-xá-phù, đức Phật Câu-lưu-tôn, đức Phật Câu-na-hàm, đức Phật Ca-diếp, cho

đến đức Phật Thích Ca Mâu Ni, đức Phật nào ra đời cũng đi bảy bước trên bảy hoa sen. Bất cứ Ngài nào khi thị hiện đản sanh cũng đi bảy bước trên bảy hoa sen. Đó là truyền thống của chư Phật ba đời khi thị hiện giữa thế gian. Và đức Phật nào khi chuyển Pháp luân cũng chuyển Tứ thánh đế. Đức Phật nào cũng xác nhận Bát chánh đạo là bản thể của đạo, là Trung đạo. Đức Phật nào cũng xác nhận bản thể của Tăng đoàn là hòa hợp và thanh tịnh. Đức Phật nào cũng dạy Giới pháp là để bảo chứng cho đời sống chấm dứt sanh tử, đi tới đời sống giải thoát giác ngộ; pháp An cư, pháp Tự tứ, pháp Bố tát là pháp thường trú của Tăng. Cho nên Phật, Pháp và Tăng là một thể thống nhất từ quá khứ cho đến hiện tại và tương lai. Vì thế nên trong kinh Pháp Hoa, phẩm Phương tiện, quý thầy cô đã học: đức Phật thấy rằng giáo hóa chúng sinh khó quá, định nhập Niết bàn nhưng sau đó Ngài liền nghĩ đến phương tiện thiện xảo của chư Phật ba đời - chư Phật ba đời cũng thấy chúng sinh khó giáo hóa, định nhập niết bàn nhưng đã dùng phương tiện thiện xảo, thiết lập Tam thừa, rồi từ từ mới nói Nhất thừa – nên Ngài

đã dùng phương tiện như thế.

Nên, khi nghe một vị pháp sư giảng mà ca ngợi đức Phật này, phủ nhận đức Phật kia thì mình biết đó không phải là vị pháp sư thuộc Phật giáo chính thống, không thuộc Phật giáo truyền thống. Tôi muốn nhấn mạnh, Phật giáo chính thống, Phật giáo truyền thống nghĩa là Phật giáo của chư Phật ba đời truyền thừa cho nhau. Và chư Phật ba đời đạt tới sự giác ngộ bình đẳng nên Phật tính là tính bình đẳng của chư Phật ba đời, của chư Phật mười phương.

Ta phải tin Phật tính là thể tính bình đẳng, thể tính giác ngộ của chư Phật ba đời và mười phương. Niềm tin như vậy không bị hủy hoại bởi không gian, bởi thời gian. Dù có bị đọa vào địa ngục thì niềm tin "ta có Phật tính, tất cả chúng sinh đều có Phật tính và tính ấy bình đẳng nơi chư Phật mười phương ba đời" vẫn kiên cố. Và dù sinh lên cảnh giới chư thiên đầy đủ những dục lạc, thú vui nhưng chúng ta vẫn không quên Phật tính nơi chính mình để không bị các dục lôi kéo, chi

phôi. Chúng ta tin tất cả chúng sinh đều có Phật tính để việc hành Bồ tát đạo của chúng ta không bị mỗi một, không bị thoái thất. Chúng sinh dù có ngang đầu cứng cổ đến chừng nào đi chăng nữa thì đó là chuyện tạm thời, Phật tính ở nơi họ mới là vĩnh viễn, mới là cứu cánh. Cho nên hành Bồ tát đạo là một nhân duyên tốt để khơi gọi Phật tính nơi chúng sinh cho chúng sinh và làm cho chúng sinh từ nơi Phật tính ấy mà đứng dậy, mà thoát ra sinh tử, thoát ra khổ đau trong đời sống của họ. Có tin như vậy thì chúng ta mới đủ khả năng để hành đạo, mà không tin như vậy thì chỉ cần gặp một chút khó khăn thì niềm tin, tâm bồ đề, hạnh nguyện bồ đề của chúng ta bị thoái thất.

Tu hành mà không có niềm tin kiên cố đối với Tam bảo thì tu đó là tu bà lơ, tu dối. Ngày nào cũng nói Phật mà là nói dối. Nói Phật mà không tin Phật là nói dối. Mà nói dối như vậy thì có phạm giới không? Phạm giới nào? Phạm Ba-la-di! "Nhược Tỳ kheo tự xưng đắc Thượng nhân pháp, nhập Thánh trí thắng pháp, ngã tri thị, ngã kiến thị, bỉ ư dị thời nhược vắn

nhược bất vấn". Cho nên mình không tin Phật mà đi giảng Phật cho chúng sinh, chúng sinh tưởng mình có niềm tin với Phật, đem tứ sự cúng dường. Tội lỗi không! Có đôi người thấy có nhiều người tin Phật nên họ tạc tượng Phật để bán nhưng họ có lạy Phật đâu, họ có tin Phật đâu. Đó, quý vị thấy không, đôi khi miệng nói Phật mà tâm không có gì Phật hết, trí không có gì Phật hết, chỉ nói Phật theo cái nhận thức, theo cái vọng thức. Vậy nên chúng ta phải có niềm tin kiên cố đối với Phật Pháp Tăng, không phải Phật Pháp Tăng một đời mà Phật Pháp Tăng cả ba đời; không phải Phật Pháp Tăng một phương mà Phật Pháp Tăng cả mười phương. Phải tin như vậy, sống như vậy, hành như vậy, có công đức như vậy rồi mới đem công đức ấy mà hồi hướng đúng như vậy cho tất cả chúng sinh để Chánh pháp trường tồn. Tin Phật như vậy thì làm gì có chuyện phạm giới, làm gì có chuyện phá giới rồi làm những chuyện bất chính, lén lút. Bởi vì tin Phật một cách kiên cố như vậy thì đi đâu ta cũng có Phật, ngồi đâu ta cũng có Phật, đứng đâu ta cũng có Phật, nằm ở đâu ta cũng có Phật, ăn cái gì ta cũng thấy Phật.

Đó là ý nghĩa, cũng là đạo lý của pháp hành Bất hoại hồi hướng này. Và đó cũng là phương pháp mà tôi đã chia sẻ đến đại chúng.

NỘI DUNG

Hành giả tu tập pháp hành bất hoại hồi hướng là vì có niềm tin kiên cố bất hoại đối với chư Phật ba đời và mười phương, từ đó mà khởi tâm phụng sự, kính lễ, cúng dường đến các Ngài trong bất cứ điều kiện nào mà mình đang có thể. Nhờ vậy mà thiện căn càng lúc càng tăng trưởng, càng lớn mạnh đối với mọi không gian, đối với mọi thời gian.

Vì có niềm tin kiên cố bất hoại đối với pháp hành hồi hướng này nên hành giả đối với các vị Bồ tát sơ phát tâm cho đến Bồ tát Vô thượng bồ đề thân cận, học hỏi và phụng sự không biết mỏi mệt. Nhờ vậy mà thiện căn đã có lại được phát triển lớn rộng trong mọi không gian, trong mọi thời gian.

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại này mà hành giả tu

tập và giữ gìn Chánh pháp của chư Phật mười phương và ba đời khiến tương tục, không bị đoạn mất. Nhờ vậy mà thiện căn càng lúc càng lớn mạnh, càng tăng trưởng cho đến khi giác ngộ Vô thượng bồ đề.

Vì có niềm tin kiên cố này mà hành giả đem tâm bình đẳng phụng sự và đối xử với hết thảy chúng sinh không phân biệt, không kỳ thị. Nhờ vậy mà thiện căn được tăng trưởng rồi đem thiện căn ấy mà hồi hướng cho hết thảy chúng sinh khắp cả mười phương và ba đời.

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại ấy, nên hành giả có khả năng tích lũy hết thảy thiện pháp thanh tịnh và đem thiện pháp thanh tịnh đó mà hồi hướng một cách bình đẳng đến hết thảy chúng sinh khắp cả mười phương và ba đời.

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại ấy, mà hành giả thực hành Bồ tát đạo đầy đủ mọi hạnh nguyện mà không bao giờ có cảm giác mỏi mệt.

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại ấy, mà hành giả tin

tưởng sâu sắc vào thần lực gia trì của chư Phật mười phương đối với sự tu tập của chính mình.

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại đối với Tăng, đối với thiện hữu tri thức nên hành giả thương và kính các vị pháp sư như thương và kính đức Phật, hầu hạ pháp sư như là hầu hạ Phật, như trong luật Tiểu có viết "Thị A-xà-lê như thị Phật".

Vì có niềm tin kiên cố và bất hoại ấy nên hành giả có niềm tin đối với các pháp phương tiện vi diệu và thực tiễn mà chư Phật đã vận dụng để giáo hóa chúng sinh, dẫn chúng sinh đến với Nhất thiết chủng trí.

NUÔI DƯỠNG VÀ LẬP NGUYỆN

Nuôi dưỡng nghĩa là nuôi dưỡng thiện căn vốn có và từ nơi thiện căn vốn có đó mà thiết lập thế nguyện của mình để tu hành, để phát triển thiện căn đó đến chỗ cùng tột.

Nguyện như thế nào?

Thứ nhất là Nguyên cho con thường thấy Phật. Thấy Phật pháp thân. Thấy Phật báo thân. Thấy Phật ứng hóa thân.

Thấy Phật pháp thân là thấy tự tánh thanh tịnh ở nơi chính mình, thấy tự tính Bồ đề ở nơi chính mình.

Thấy Phật báo thân là thấy được đức Phật có đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, y báo chánh báo trang nghiêm.

Thấy Phật ứng hóa thân là thấy Phật dưới nhiều hình thức khác nhau để hóa độ chúng sinh. Mình thấy đức Phật ở nơi cõi Diêm-phù-đề này, Ngài khoác chiếc y vàng, Ngài đi bằng đôi chân của mình. Nhưng khi mình lên cung trời Đao lợi, thì thấy đức Phật không khoác y như cõi này mà mặc y dưới dạng của cung trời của Đế Thích, ngôi tòa sen cũng khác với tòa sen ở cõi Diêm-phù-đề, Ngài không đi từng bước chậm rãi mà bước một bước đến mấy chục dặm.

Mình nguyện làm sao mà có thể thấy được Phật pháp thân, thấy được Phật báo thân, thấy được Phật ứng hóa

thân. Tu mà không nguyện thấy Phật thì nguyện thấy ai bây giờ? Mình nguyện như vậy để trong giấc mơ mình cũng thấy Phật. Mình nguyện như thế nào mà ngủ say, trong giấc mơ mình niệm "Nam mô A-di-đà Phật" hay "Phật ơi con thương Phật quá" thì như vậy là tốt, tức là cái hoàn toàn bản năng, cái a-lại-da-thức nó biểu hiện chứ không phải là ý thức, mà mình vẫn thấy Phật, vẫn gọi tên Phật. Mà muốn như vậy thì mình phải tu, phải huân tập, phải niệm danh hiệu Phật khi đi, đứng, nằm, ngồi, ăn, uống, tất cả các động tác của mình phải luôn luôn nhớ đến danh hiệu Phật. Cho nên pháp Trì danh niệm Phật là pháp mà chư Phật ba đời mười phương thường dạy cho tất cả chúng sinh. Pháp Trì danh niệm Phật là pháp mà đức Phật Thích-ca-mâu-ni dạy rất sớm cho đệ tử của Ngài. Phải nói là trong khoảng thời gian 12 năm đầu kể từ khi đức Thế-tôn chuyển vận Pháp luân thì Ngài đã dạy pháp Trì danh niệm Phật rồi, chứ không phải là được phát triển về sau đâu. Một số vị nói pháp Trì danh niệm Phật được phát triển về sau là nói sai, sai với lịch sử kinh điển. Quý vị về giờ kinh A-hàm cũng như Văn hệ

Nikāya ra mà đọc, sẽ thấy đức Phật thường dạy một vị Tỳ kheo, Tỳ kheo ni thường xuyên nhớ đến lục niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm thí, niệm thiên; và đức Phật dạy một vị tu Bát quan trai 24 giờ đồng hồ sống ở tịnh giới, sống trong tịnh giới phải luôn luôn nhớ đến niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm thí, niệm thiên. Còn trong kinh A-di-đà giúp cho mình biết ở thế giới Tây phương tịnh độ của đức Phật A-di-đà thì chim hót, suối reo cũng giúp cho chư thiên, nhân loại ở đó nhớ đến Phật, Pháp, Tăng, khiến tâm luôn luôn nghĩ tới Phật, nghĩ tới Pháp, nghĩ tới Tăng. Cho nên pháp Trì danh niệm Phật là pháp mà chư Phật ba đời mười phương đều ca ngợi, tán dương, hộ trì. Có một số vị pháp sư, giảng sư, không biết học ở đâu, học kinh điển nào mà họ phủ nhận, phi báng pháp Trì danh niệm Phật.

Trong Tịnh độ còn có cách nói hấp dẫn hơn "nguyện cho con thường thấy Phật" nữa, là "hoa khai kiến Phật", trong hoa sen nở ra đức Phật. Hoa sen đó chính là tâm bồ đề. Tâm bồ đề nở ra đức Phật. Đức Phật nở

ra từ đâu? Từ nơi tâm bồ đề của chúng ta. Đức Phật xuất hiện từ đâu? Từ nơi tự tính bồ đề của chúng ta. Om Mani Padme Hum - câu lục tự đại minh chơn ngôn đó, Phật giáo Tây-tạng thường trì tụng. Mani là viên ngọc. Padme là trong hoa sen, nó là biến cách 7 ở trong tiếng Phạn. Mani Padme Hum nghĩa là viên ngọc có trong hoa sen, ở trong hoa sen; có nghĩa là Phật tính có ở trong tâm chúng ta, Phật tính hiện ra ở nơi tâm bồ đề của chúng ta. Nên chúng ta trì tụng câu thần chú đó thì chúng ta diện kiến được đức Phật ở nơi tự tánh của chúng ta.

Quý vị biết rằng "Án ma ni bát di hồng" tức Om Mani Padme Hum là pháp hành mà đức Phật A-di-đà trao truyền cho ngài Quán Thế Âm, là pháp hành của Bồ tát Quán Thế Âm. Khi trì tụng thần chú đó thì tương ứng với hạnh nguyện của Bồ tát Quán Âm nên nó đưa tới một năng lực yểm trợ không thể nghĩ bàn. Do đó mà Phật giáo Tây Tạng rất nhấn mạnh đến thần chú này. Nhưng nếu mình học nữa để thấy câu thần chú này dưới góc nhìn của Thanh văn là gì, dưới góc

nhìn của Giới học Đại thừa là gì thì mình tha hồ mà khai triển.

Nguyện thứ hai là nguyện thân cận thiện hữu.

Người xưa nói "Sanh ngã giả phụ mẫu, thành ngã giả bằng hữu", sinh ta là cha mẹ mà tác thành sự nghiệp cho ta là bạn bè. Cho nên, mình nguyện được thân cận thiện hữu, trong Phật giáo là thiện tri thức. Trong kinh Hoa nghiêm, thì Thiện tài đồng tử sau khi được ngài Văn Thù chỉ dạy cho phát tâm bồ đề, cầu Bồ tát đạo rồi dạy cho đi tham vấn các Thiện tri thức, nên có năm mươi ba lần đi cầu học với các bậc Thiện hữu tri thức, nhờ vậy mà đi vào được cảnh giới không thể nghĩ bàn tức là Nhập bất khả tư nghĩ cảnh giới. Nên, ước nguyện của chúng ta là đời đời sinh ra ở đâu cũng gặp được thiện hữu tri thức. Chúng ta tu hành có giới pháp, có tuệ tri, có đức hạnh, tất cả những cái đó là từ nơi thầy tổ của chúng ta, từ nơi thiện hữu tri thức của chúng ta.

Thứ ba, là nguyện thường cư trú với các vị Bồ tát.

Nghĩa là nguyện cho con luôn luôn sinh ra ở đâu cũng thường sống với các vị Bồ tát, bởi vì có sống với các vị Bồ tát như vậy thì mình mới nuôi lớn được thiện căn của mình, mới củng cố niềm tin của mình đối với Phật, Pháp, Tăng và Giới, mới củng cố được niềm tin của mình ở nơi tâm bồ đề đối với tuệ giác bồ đề.

Thứ tư là nguyện cho con luôn luôn nhớ đến Nhất thiết chủng trí, không có quên mất. Nghĩa là Nhất thiết chủng trí là kết quả mà niềm tin bất hoại hướng tới. Nguyện luôn luôn nhớ đến kết quả của sự tu tập, nghĩa là luôn luôn giữ gìn chánh niệm tỉnh giác để cái kết quả đó có mặt trong từng giờ phút chúng ta hành trì, tu tập, nó sẽ nở ra từ từ cho mình.

Thứ năm là nguyện cho con thọ trì và thủ hộ Phật pháp. Tức là nguyện mình sinh ra ở đâu, dưới hình thức nào, trong đời nào mình cũng được thọ trì Phật pháp và thủ hộ Phật pháp khiến cho Phật pháp trường tồn, khiến cho hạt giống của Như lai không bị đứt mất, không bị đoạn mất giữa thế gian này.

Thứ sáu là Nguyên cho con giáo hóa thành thực hết thầy chúng sinh. Tức là nguyện làm cho tất cả chúng sinh đều thành thực hạt giống Phật, thành thực niềm tin bất hoại đối với Phật, Pháp, Tăng và Giới.

Thứ bảy là Nguyên cho con thường nghĩ đến con đường xuất thế, ở trong đời nhưng không bị nhiễm ô bởi thế tục.

Thứ tám là Nguyên cho con được thân cận cúng dường và hầu hạ hết thầy Pháp sư. Vì Phật pháp là từ nơi các vị Pháp sư mà được tuyên dương và lưu truyền rộng rãi. Nhờ vậy mà chúng sanh hiểu được Phật pháp, bỏ ác làm lành, sống có hiếu kính với cha mẹ, tổ tiên, với thầy bạn, với mọi người và muôn loài bằng nếp sống đạo đức, bằng nếp sống nhân từ.

Thứ chín là Nguyên cho con hiểu rõ các pháp thế gian và xuất thế gian. Pháp thế gian hay tục đế là pháp gì? Đó là Tập đế và Khổ đế. Pháp xuất thế gian là Diệt đế và Đạo đế, hay còn gọi là chân đế. Nếu hiểu sâu sắc nữa thì thấy rằng ngay trong pháp thế gian mà nhận ra

pháp xuất thế gian, ngay trong Khổ đế mà nhận ra Diệt đế, ngay trong Tập đế mà nhận ra Đạo đế, ngay trong các pháp hữu vi mà nhận ra các pháp vô vi, ngay trong sinh tử mà nhận ra niết bàn, ngay trong phiền não mà nhận ra bồ đề, ngay trong đời sống tầm thường mà nhận ra pháp cao quý, siêu việt.

Và thứ mười là Nguyện cho con thực hành đầy đủ đại nguyện. Do nuôi dưỡng và phát khởi thệ nguyện như vậy mà thiện căn được tích lũy và từ đó mà tăng trưởng, thành tựu, rồi đem sự thành tựu đó mà hồi hướng cho hết thảy chúng sinh để trang nghiêm Tịnh độ của chư Phật.

Quý thầy quý cô thấy hạnh nguyện của người xuất gia, mà nhất là Bồ tát xuất gia, có đẹp không, có cao cả không. Nên nhớ cái đẹp này nghe. Đừng quên nó nghe. Quên nó là rút xuống đời sống tầm thường ngay thôi. Không có cái đẹp nào bằng cái đẹp của đời sống xuất gia khi có niềm tin kiên cố bất hoại. Nhờ có niềm tin kiên cố bất hoại mà thiện căn của chúng ta lớn lên, tăng trưởng trong mọi không gian, mọi thời gian, nên

sinh ra ở đâu, đời đời kiếp kiếp đều đi ở trong Phật pháp, đều sống ở trong Phật pháp.

Nguyện thường thấy Phật, nguyện thân cận thiện hữu, nguyện thường cư trú với các bậc Bồ tát, nguyện niệm Nhất thiết chủng trí không quên, tất cả các thệ nguyện này là nền tảng để thiết lập Tịnh độ và tất cả các nguyện này cũng có trong kinh A-hàm, mà là trường A-hàm. Nguyện được sanh ở nơi trung quốc, tức là sanh ở xứ sở có Chánh pháp được tuyên dương lưu truyền, được gần gũi thiện hữu tri thức, được tăng trưởng các phước đức và thường tinh tấn, không có thoái thất đối với sự tu học. Trong kinh trường A-hàm nói đến những điều này. Nên những ước nguyện này nó có gốc rễ từ những kinh điển được xem như là pháp quy ở trong Phật pháp và Tịnh độ của chư Phật thiết lập dựa trên những ước nguyện này, những thệ nguyện này đây.

Tại sao mình nguyện sanh về Tịnh độ? Nguyện sanh về Tịnh độ để hoa khai kiến Phật, để sống với các bậc

Thượng thiện nhân - chư Thượng thiện nhân câu hội nhất xứ- có phải không? Sống với thượng thiện nhân sướng hơn sống với kẻ phàm tục, phải không? Mình mà nguyện sống với phàm tục là cái sống mà có chủ quyền. Còn đây mình sống mà bị cái nghiệp nó trôi phải sống với phàm tục nên đã mất chủ quyền rồi mà oán đối càng lúc càng tăng lên. Cái khổ đau thuộc về chân lý là oán tăng hội khổ, phải không? Không ưa mà phải sống - quá khổ! Không ưa cái người đó mà phải nói chuyện với họ, phải ăn cơm với họ, phải uống nước với họ, phải ở trong nhà với họ, phải vào ra nhìn mặt họ, càng nhìn càng cay cú mà phải ráng nhìn. Đó gọi là oán tăng hội khổ. Đó là do nghiệp mà sinh. Còn mình nguyện sinh thì không sao cả, sống với trần tục mà mình vẫn thanh cao như thường.

Vì vậy, không lập thế nguyện, không có đại nguyện thì không bao giờ có Tịnh độ, mà nói trắng ra là không bao giờ có hạnh phúc an lạc. Ngay cả khi thực hành ba pháp quy y, mình cũng có thế và nguyện ở trong. Con nguyện từ nay cho đến trọn đời quy y Phật, không quy y trời thần quỷ vật. Con nguyện từ nay cho đến trọn đời

quy y Pháp, không quy y ngoại đạo tà giáo. Con nguyện từ nay cho đến trọn đời quy y Tăng, không quy y tôn hữu ác đảng. Đó là ba thệ nguyện rất căn bản của người đệ tử Phật, cả tại gia và xuất gia, kể cả Thanh văn cho đến Đại thừa Bồ tát, không thể thiếu ba thệ nguyện này. Không có ba thệ nguyện này không bước vào được cửa ngõ của Phật pháp. Tôi nói điều này để quý thầy quý cô lưu ý khi mà truyền Tam quy ngũ giới cho cư sĩ, chứ không phải nghe họ tới xin quy y thì cho cái Pháp danh, là quy y Tam bảo rồi. Quy y Tam bảo như vậy là không đúng. Đó may ra là chỉ kết duyên thôi. Chứ quy y Tam bảo là phải lập thệ, lập nguyện. Người đó phải lập thệ lập nguyện để quy y Tam bảo. Nếu quy y Tam bảo mà không lập thệ lập nguyện thì lấy gì mà thành tựu pháp quy y!

Nếu trường hợp cư sĩ tới nói "bạch Ôn, bạch thầy cho con xin cái Pháp danh để làm đệ tử Phật", mà nếu chưa thể có được một cái lễ quy y cho nghiêm túc, thì mình dạy họ quỳ xuống, nói theo thầy: "Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy

y trời thần quý vật". Họ phải nói. "Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo tà giáo". Họ phải nói, mà nói cho rõ. "Đệ tử chúng con quy y Tăng, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y tôn hữu ác đảng". Phải nói cho rõ. Tôi thiếu phải nói được như vậy thì ba pháp quy y mới thành tựu. Còn không nói được như vậy mà có Pháp danh, do thương mà ban cho, thì giới pháp quy y chưa thành tựu, chỉ là quy y kết duyên thôi. Các thầy cô học luật là phải nhớ mấy điểm này.

Con nguyện từ nay cho đến trọn đời không sát sanh.
Con nguyện từ nay cho đến trọn đời không trộm cắp.
Con nguyện từ nay cho đến trọn đời không tà hạnh.
Con nguyện từ nay cho đến trọn đời không nói dối.
Con nguyện từ nay cho đến trọn đời không uống rượu.
Phải nguyện! Phải thệ! Không nguyện, không thệ, cơ sở nào để có hạnh phúc an lạc trên cái pháp hành, pháp tu của mình. Mình tu mà bị bắt buộc, bị ép buộc thì đâu có hạnh phúc gì. Làm Hòa thượng mà bị người khác bắt phải làm, đau khổ lắm. Còn làm Hòa thượng

thực sự thì rất hạnh phúc vì từ nơi thệ và nguyện mà thành tựu.

Vậy, quý thầy quý cô thấy Bất hoại hồi hướng có hùng tráng không, có mạnh mẽ không, có kim cương không.

PHÁP NGŨ

*Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho đạo
tràng tu Bát quan trai tại chùa Phước Duyên
ngày 06 tháng 03 năm 2022*

Nam mô Bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể giới tử thọ trì Bát quan trai giới một ngày một đêm hiện diện quý mến.

Một Giới tử thọ trì Bát quan trai giới hay thọ trì Cận sự giới hoặc thọ trì bất cứ giới pháp nào do đức Phật chế định, muốn thành công trong việc thọ trì Giới pháp thì những vị ấy phải biết thực tập, thực hành năm phương pháp mà trong kinh Trung A-hàm đức Phật đã dạy.

Phương pháp thứ nhất: Hãy tự mình là thiện tri thức.

Nghĩa là, vị ấy phải là vị tự làm thiện tri thức cho chính

mình bằng cách tự lắng nghe Chánh pháp từ đức Thế tôn, từ chư vị Tổ sư hay từ những vị Trí giả nội chứng. Nghe xong, tư duy, gạn lọc và đi đến thực hành. Nhờ vậy mà vị ấy nếm được Pháp vị, trong đời sống của vị ấy có hỷ và lạc, vị ấy chung sống với những vị thiện tri thức khác, trao đổi pháp học, pháp hành, pháp chứng, pháp vị mà mình đã từng trải qua đối với các thiện tri thức để được học hỏi, chia sẻ và hỗ trợ. Mỗi vị tu tập hãy tự mình là thiện tri thức như vậy. Vị ấy có khả năng nhiếp phục được tham, nhiếp phục được sân, nhiếp phục được si, nhiếp phục được kiêu mạn khiến cho thiện pháp ở nơi tâm của quý vị thuần thực và sinh khởi. Đó là phương pháp thứ nhất.

Phương pháp thứ hai: Hãy tự biết Giới bản và thực hành Giới bản.

Giới bản hay Giới bản là nền tảng của Giới, căn bản của Giới. Vị ấy phải học Giới, phải hiểu Giới, thực hành Giới và chín chắn từng lỗi nhỏ không để xảy ra nơi thân, ngữ và ý, chín chắn từng lỗi nhỏ không để

xảy ra trong bốn phong thái, oai nghi đi đứng nằm ngồi. Nhờ thực tập như vậy mà vị ấy nhiếp phục được tham, nhiếp phục được sân, nhiếp phục được si, nhiếp phục được kiêu mạn, thuần thục các chủng tử hữu lậu chuyên thành vô lậu. Nhờ vậy mà vị ấy có giải thoát, an lạc ngay trong đời này và những đời tiếp theo.

Thứ ba: Biết kiểm soát lời nói.

Nghĩa là vị ấy biết kiểm soát khẩu nghiệp của mình, biết kiểm soát lời nói của mình, chỉ nói những điều đúng Chánh pháp, không nói những điều không đúng Chánh pháp. Biết nói những điều đúng Chánh pháp, đúng với người, đúng với sự việc, đúng với không gian, đúng với thời gian và đúng với pháp; không nói Chánh pháp đối với người không phải pháp; không nói Chánh pháp đối với chỗ không phải để nói Chánh pháp; không nói Chánh pháp đối với thời điểm không đúng để phô diễn Chánh pháp; không nói Chánh pháp ở nơi sự việc không phải là Chánh pháp. Nhờ biết nói đúng Chánh pháp như vậy và không nói những lời

không đúng với Chánh pháp như vậy nên vị ấy nhiếp phục được tham, nhiếp phục được sân, nhiếp phục được si, nhiếp phục được kiêu mạn, khiến cho tâm trong sáng, thuần tịnh, những chủng tử hữu lậu vận hành nơi tâm được trị liệu, chuyển hóa trở thành chủng tử vô lậu, vô vi, giải thoát. Nhờ thực hành pháp như vậy mà vị ấy có sự an lạc, có sự hạnh phúc, có sự an toàn ngay trong đời này và những đời tiếp diễn về sau.

Phương pháp thứ tư: Phải biết tinh cần.

Phải biết tinh cần đúng lúc, phải biết tinh cần đúng chỗ, phải biết tinh cần đúng người, phải biết tinh cần đúng việc, phải biết tinh cần đúng pháp. Nghĩa là luôn luôn quán sát những chủng tử vận hành nơi tâm mình hay những chủng tử đang ẩn tàng, tùy miên ở nơi tâm mình. Thấy những chủng tử nào bất thiện, chưa khởi thì vĩnh viễn không để cho nó khởi sinh, bất thiện đã khởi thì làm cho nó ngưng chỉ; chủng tử thiện nào chưa khởi thì nỗ lực làm cho nó khởi hiện; chủng tử thiện nào đã khởi hiện thì nỗ lực làm cho nó tăng

trưởng. Nhờ thực tập, thực hành như vậy nên đối với một vị có Giới, vị ấy sẽ nhiếp phục được tham, nhiếp phục được sân, nhiếp phục được si, nhiếp phục được kiêu mạn, trị liệu, chuyển hóa những chủng tử bất thiện, những chủng tử xấu ác, ngủ ngầm ở trong tâm thức trở thành những chủng tử thuộc về thiện hữu lậu, rồi chuyển hóa những chủng tử thiện hữu lậu trở thành chủng tử thiện vô lậu, vô vi, giải thoát, nên vị ấy có sự an lạc, có sự hạnh phúc ngay trong thân năm uẩn này, ngay trong đời sống này và tiếp diễn đời sống hạnh phúc an lạc ấy vào những đời sống tiếp diễn trong tương lai.

Phương pháp thứ năm: Phát triển thiền quán.

Thiền quán tức là nhìn sâu vào bốn đối tượng thân, thọ, tâm, pháp ở nơi năm uẩn của chúng ta. Nhờ nhìn sâu vào và tỉnh giác đối với từng đối tượng thân, thọ, tâm, pháp ở nơi năm uẩn tự thân của chúng ta mà chúng ta thấy được tính chất vô thường của năm uẩn, tính chất vô thường của mỗi uẩn, chúng ta thấy được

tính hòa hợp của năm uẩn, tính hòa hợp trong mỗi uẩn, đủ duyên thì chúng hiện khởi, hết duyên thì chúng tự phân rã, các duyên đầy đủ thì chúng tự hợp để biểu hiện hình hài, biểu hiện sắc tướng, biểu hiện đời sống; khi các duyên phân rã thì tất cả đều trở lại với tự tính rỗng lặng rồi tùy theo đó mà duyên vào ở nơi tâm và cảnh để tái hiện những thân tiếp theo. Tất cả các pháp nhân duyên đều là như vậy. Do quán sát hàng ngày như vậy và phát triển hàng ngày như vậy nên vị ấy nhiếp phục được tham, nhiếp phục được sân, nhiếp phục được si, nhiếp phục được tâm kiêu mạn, xa lìa tâm chấp ngã, xa lìa tâm chấp pháp, các tính ích kỷ, hẹp hòi, ganh tị, phân biệt, kì thị tự nó rơi rụng, vị ấy có an lạc, có hạnh phúc, có an toàn ngay trong thân năm uẩn này, ngay trong đời sống này, sống cũng sống trong sự an toàn mà chết cũng chết trong sự an toàn; sinh ra - hiện khởi trong sự an toàn, mà biến diệt cũng biến diệt trong sự an toàn.

Năm phương pháp như thế, nếu quý vị nhớ lấy, thực hành, thì quý vị không hoang phí một đời người, quý

vị không hoang phí là một người đệ tử của Phật. Dù xuất gia hay tại gia, nếu chúng ta không thực tập như thế thì oan uổng một đời người, oan uổng được mệnh danh là đệ tử đức Thế tôn mà chẳng dính dáng gì Pháp vị do đức Thế tôn chứng ngộ, tuyên thuyết và trao truyền. Nên thật may mắn thay cho tất cả quý vị. Tu không phải quá khó nhưng mà lại không phải quá dễ. Quá khó là bởi vì những người phước mỏng, tội dày, chướng thâm, huệ thiện. Đối với những người mà phước mỏng tội dày, vừa khởi niệm tu một chút là tất cả những ma chướng, oán nghiệp liền xuất hiện để trở ngại. Những người mà phước mỏng tội dày, chướng thâm huệ thiện vừa nghĩ tới một điều thiện thì bao nhiêu điều xấu ác ụp tới gây trở ngại từ nơi nội thân, từ nơi nội tâm, từ nơi ngoại cảnh. Vì vậy, đối với những người như thế, tu tập cực kỳ khó khăn, không dễ chút nào. Ăn một bữa ăn chay đã là quá khó, nghĩ đến một điều thiện đã là quá khó huống chi thực sự ăn chay với tâm từ bi, tâm thương người, thương vật, với tâm trang nghiêm thế giới Tịnh độ, với tâm yêu chuộng thiên nhiên, yêu chuộng muôn loài. Ăn chay với tâm như

vậy thật sự quá khó và cực kỳ khó đối với những người phước mỏng tội dày, chương thâm huệ thiếu.

Và tu tập không quá khó đối với những người đã từng gieo trồng thiện căn phước đức từ một đời, hai đời, ba đời, năm đời, bảy đời, mười đời và nhiều đời. Và lại càng không quá khó đối với những người đã lập thâm thể nguyện, nguyện ly ác pháp, nguyện tu thánh đạo, nguyện lợi ích chúng sinh, nguyện trang nghiêm Tịnh độ, nguyện nuôi lớn tâm bồ đề, nguyện nuôi lớn hạnh bồ đề, nguyện nuôi lớn quả bồ đề. Đối với những người đã lập hạnh, lập nguyện như thế thì họ sinh ra ở đâu, đối xử với ai, sống trong hoàn cảnh nào, thì tất cả những cái thuận ấy cũng để thuận mà tăng trưởng tâm bồ đề; sống trong nghịch cảnh thì nghịch cảnh ấy cũng là để tôi luyện tâm bồ đề mỗi lúc mỗi trở nên kiên cố, mỗi lúc mỗi trở nên vững chãi, không thoái chuyển.

Vậy tu quá dễ với ai và tu quá khó với ai, chứ không phải đối với ai cũng dễ, chứ không phải đối với ai cũng khó. Vì vậy, quý vị tự quán chiếu lấy phước đức nhân

duyên tự thân của chính mình. Thấy điều nào mà thuộc về phước mỏng tội dày, chướng thâm huệ thiếu thì phải tự nỗ lực sám hối và hành trì Giới luật, trang nghiêm bằng chính niềm tin thanh tịnh của mình để chướng không còn thâm, huệ không còn thiếu, đức không còn mỏng, tội không còn dày. Và đối với những vị mà đã có thiện căn sâu dày, đức tin kiên cố đối với Tam bảo, thương người, thương vật, thương chúng sinh, chín chắn giữ gìn những oai nghi tế hạnh, không để sơ suất từng lỗi nhỏ, không để sơ suất từng ý niệm nhỏ khởi lên, thì hãy tự vui mừng và phát triển những gì vốn có tốt đẹp ấy mỗi ngày, để mỗi ngày trong từng bước chân đi, trong từng phong thái ứng xử của cuộc sống đều kết thành hoa trái của từ bi, hoa trái của trí tuệ. Có từ bi thì có phước đức. Từ bi lớn thì phước đức lớn. Có trí tuệ thì không có sai lầm. Có trí tuệ thì từ cái đúng này đi tới cái đúng khác, từ cái đúng tinh tế đi tới cái đúng vĩ đại, cái đúng hoàn hảo, cái đúng của bậc giác ngộ hoàn toàn.

Mong rằng đại chúng nỗ lực tinh cần lên mặc dù mỗi

người đều có chướng duyên, mỗi hoàn cảnh đều có chướng duyên, mỗi thời đại đều có chướng duyên. Không có thời đại nào là thời đại hoàng kim để cho chúng ta tu tập. Cũng không có gia đình nào hoàn hảo để cho chúng ta tu tập. Cũng không phải bản thân mình luôn luôn hoàn hảo để hỗ trợ cho mình tu tập. Cho nên, sống trong mọi hoàn cảnh, mình biết vận dụng thì hoàn cảnh khó khăn trở thành thuận lợi. Thân năm uẩn này có sinh diệt nhưng vẫn thuận lợi cho chúng ta tu học. Thân năm uẩn này dù có tan rã nhưng sự tan ra ấy cũng là điều kiện để cho chúng ta thiền quán tu tập. Tinh tấn lên! Thân này có bệnh đó là chuyện đương nhiên nhưng cái bệnh cũng để giúp ta có cơ hội quán chiếu những lời đức Phật dạy và chân lý mà đức Phật đã chứng nghiệm từ nơi bệnh khổ của chính mình và tất cả chúng sinh.

Và để giữ gìn gia tài mà bản thân quý vị đã có, gia tài mà gia đình quý vị đã có, gia tài mà quê hương xứ sở quý vị đã có, gia tài mà chính nơi thế giới ta-bà này đức Phật Thích-ca-mâu-ni đã khai quật và hiến tặng

cho tất cả chúng ta và chúng sinh, quý vị hãy đem hết niềm tin của mình đặt vào nơi Tam bảo, hãy đem hết sinh mệnh của mình đặt vào nơi Tam bảo. Có như vậy thì quý vị đời đời kiếp kiếp, sinh ra ở đâu cũng không quên Tam bảo, sinh ra ở đâu cũng đi trong ánh sáng trí tuệ và từ bi.

Vậy, quý vị hãy nói theo tôi:

"Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời quy y Tăng, không quy y bè bạn xấu ác.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không giết hại chúng sinh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không trộm cắp.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không tà hạnh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không nói dối.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không uống rượu.

Đệ tử chúng con, kể từ giờ phút này, xin xả Bát quan trai giới, trở lại đời sống cư sĩ, thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới, hộ trì Tam bảo, lợi lạc muôn loài chúng sinh.

Kính xin Tam bảo chứng minh.

Nam mô Chứng minh sư Bồ tát ma-ha-tát. Nam mô Chứng minh sư Bồ tát ma-ha-tát. Nam mô Chứng minh sư Bồ tát ma-ha-tát".

PHÁP NGŨ

*Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho
đạo tràng tu Bát quan trai tại chùa Phước Duyên
ngày 13 tháng 03 năm 2022*

Nam mô bốn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể giới tử thọ trì Bát quan trai giới hiện diện quý mến.

Thế là một ngày một đêm quý vị đã ở trong tịnh giới, đang ở trong tịnh giới, sẽ ở trong tịnh giới trong 24 tiếng đồng hồ và chốc lát đây quý vị sẽ xả Bát quan trai giới, trở lại nếp sống của người cư sĩ tại gia thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới để làm đệ tử Phật, tu tập hộ trì Tam bảo, lợi lạc muôn loài chúng sinh.

Quý vị biết rằng, tu tập Tịnh giới thì quý vị phải luôn luôn lưu ý thực tập bốn phương pháp.

Phương pháp thứ nhất là pháp hành tri túc.

Tri là biết. Túc là đủ. Người đệ tử Phật không nghèo là vì thực tập đời sống biết vừa đủ thì dừng lại. Tức là người đệ tử Phật trong đời sống hằng ngày không mưu cầu vật chất bằng sự tối đa mà chỉ mưu cầu vật chất bằng sự tối thiểu. Nghĩa là đủ ăn thì dừng lại; đủ mặc thì dừng lại; đủ ở thì dừng lại; đủ tiêu dùng, quan hệ trong đời sống bình thường thì dừng lại. Nhờ dừng lại những nhu cầu không cần thiết như thế, cho nên người đệ tử Phật sống đời sống cư sĩ tại gia mà vẫn giữ được sự thanh cao, không nghèo.

Người đời mà nghèo, thì một trong những yếu tố làm cho họ nghèo là quá đa dục, quá tham dục. Do đa dục, tham dục mà nghèo. Hễ đa dục và tham dục thì tự nhiên nghèo chứ không phải ai làm cho mình nghèo đi.

Do đó quý vị muốn có thì giờ để tu tập, nuôi dưỡng đời sống cao thượng thì không có phương pháp nào khác hơn là phương pháp thực hành thiểu dục tri túc - muốn ít và biết đủ.

Phương pháp thứ hai là vô cầu.

Vô cầu nghĩa là không tham cầu theo vật chất. Biết rằng đời sống con người không thể không có vật chất, nhưng không phải vì không thể thiếu vật chất mà tham cầu, bởi vì càng tham cầu thì càng làm cho mình trở nên hạ tiện, càng tham cầu thì càng trở nên thấp kém. Không ai làm cho mình thấp kém, mà vì do tham cầu quá nhiều về vật chất cho nên tự biến mình thành kẻ thấp kém. Trong đời, tham cầu cái gì, chúng ta bị cái ấy trói buộc. Người đệ tử Phật sống, tu tập để lấy lại chủ quyền của mình, để lấy lại sự tự do, tự tại của mình. Chủ quyền quan trọng nhất là không tham cầu. Người nào mà không tham cầu, người đó tự có chủ quyền và người đó tự có sự tự do, tự có sự cao thượng. Cho nên, quý vị phải thực tập phương pháp vô cầu, nghĩa là không tham cầu, không đua đòi chạy theo thế giới vật chất, bởi vì đó là thế giới ảo, có mà ảo, có mà huyền. Cái có của thế giới vật chất làm cho con người khổ đau, lo lắng, sợ hãi nhiều hơn là sự an lạc, hạnh phúc. Vì vậy, người đệ tử Phật, sống nếp sống tại gia

nguyện thực tập đời sống không tham cầu.

Phương pháp thứ ba mà quý vị thực tập đó là An ngộ.

Đức Phật dạy, người đệ tử của Ngài sống trong cảnh giới nào, trong điều kiện nào cũng an ngộ, an ổn. An ổn thì không khốn đốn. An ổn thì không khốn cùng. An ổn thì không bị bức ngặt bởi khổ đau. Sống trong hoàn cảnh nào, trong điều kiện nào cũng phải giữ cái tâm an ngộ. Gặp cảnh ngộ nào cũng giữ cái tâm an ổn, phải giữ cái tâm bình an.

Có hai hoàn cảnh mà người đời thường gặp gỡ. Đó là hoàn cảnh thuận lợi cho sự phát triển tham dục. Đối với hoàn cảnh thuận lợi để phát triển sự tham dục thì người đệ tử Phật phải quán chiếu sâu sắc và rất cẩn trọng trong hoàn cảnh này. Bởi vì, khi hoàn cảnh thuận lợi để phát triển sự nhu cầu tham dục mà mình thiếu sự cảnh giác, thiếu trí tuệ nhận xét và không cẩn thận thì chúng ta sẽ bị những nhu cầu tham dục này lôi kéo và làm cho chúng ta càng lúc càng sa vào cái bẫy lưới của sinh tử, của thất vọng và khổ đau.

Cảnh ngộ thứ hai là tu tập thiện pháp hay làm tất cả những việc lành, gặp tất cả những thiện hữu tri thức. Tất cả những điều ấy là rất khó có ở trong đời này. Cho nên đối với thiện tri thức đã gặp rồi thì chúng ta phải kham nhẫn, chúng ta phải cẩn trọng. Nếu đã gặp được thiện tri thức rồi mà chúng ta không kham nhẫn, không cẩn trọng, chúng ta sẽ mất đi phước báo này. Gặp hoàn cảnh thuận lợi để tu tập rồi, mà chúng ta không kham nhẫn, không cẩn trọng thì chúng ta sẽ mất đi phước báo thuận lợi này. Chúng ta gặp được một người chồng hỗ trợ cho chúng ta tu học mà chúng ta không trân trọng, không cẩn trọng thì chúng ta sẽ mất đi phước báo này. Chúng ta gặp được một người vợ đã hỗ trợ cho chúng ta tu học mà chúng ta không cẩn trọng, không trân trọng, chúng ta sẽ mất đi phước báo này. Chúng ta gặp được những người con, người cháu hỗ trợ cho sự tu học, tán dương sự tu học, tìm đủ mọi cách cho chúng ta tu học, chúng ta không trân trọng phước báo này thì phước báo này sẽ mất đi trong đời sống của chúng ta. Chúng ta đã gặp thầy hiền bạn tốt rồi, hướng dẫn cho tu học rồi, mà chúng ta còn buông lung tâm ý,

bởi cái này, tại cái kia thì từ đó, phước báo của chúng ta sẽ mất đi. Giải đãi được một bữa thì sẽ tiếp tục giải đãi thêm một bữa khác, giải đãi thêm một bữa thì sẽ tiếp tục giải đãi thêm một bữa khác nữa, cứ như thế mà tâm buông lung giải đãi tiến lên và thiện căn phước đức của chúng ta giảm thiểu.

Người đệ tử Phật ý thức được những điều này rất rõ, sống trong cảnh thuận và nghịch nên phải giữ tâm của mình thật an ổn, thật kiên định đối với sự tu học và kham nhẫn đối với sự tu học. Có như vậy thì chúng ta mới sống an ổn bất cứ trường hợp nào, thuận hay nghịch, xảy ra trong đời sống hằng ngày của chúng ta.

Thứ tư là phương pháp dưỡng tịnh.

Hễ chúng ta biết tịnh dưỡng thân và tâm chúng ta mỗi ngày thì cơ thể chúng ta tự nó điều hòa và tự nó bảo hòa khiến thân vô bệnh, khiến tâm không phiền não. Cho nên mỗi ngày, chúng ta phải có giờ lao tác nhưng chúng ta cũng phải có giờ để dưỡng tịnh, nghĩa là mỗi ngày chúng ta phải dành ra 10-15 phút, hoặc nửa giờ,

hoặc một giờ ngồi thật yên lặng, đi thật yên lặng, đứng thật yên lặng, nằm ở trong tư thế thư thái, yên lặng. Chỉ cần một giờ mỗi ngày chúng ta thực tập như vậy thì tất cả cơ thể sinh học, tâm học của chúng ta cũng có điều kiện dừng lại với sự tịnh dưỡng của chúng ta. Do đó, cái động của cơ thể sinh học, của cơ thể tâm học nó cũng phải biết dừng lại. Cái gì mà động quá thì nó sẽ loạn. Cho nên động thì chúng ta phải dùng phương pháp tịnh dưỡng để chế ngự, chuyển hóa cái động ở nơi thân thể sinh học và tâm học của chúng ta khiến cho thân và tâm chúng ta luôn luôn ở trong sự dưỡng tịnh. Chúng ta phải biết nuôi dưỡng sự tĩnh lặng của thân tâm chúng ta mỗi ngày trong đi, đứng, nằm, ngồi, tiếp xúc, làm việc. Có như vậy, chúng ta mới có an lạc, chúng ta mới có hạnh phúc. Làm bất cứ cái gì mà tâm an, thân khỏe, công việc ấy rất dễ thành công và thành công một cách hoàn hảo. Cho nên không ai làm cho ta bệnh nếu chúng ta biết tịnh dưỡng mỗi ngày. Còn nếu chúng ta sống mà bóc lột bản thân chúng ta bởi những tham cầu vô ích thì hậu quả sẽ xảy ra cho chúng ta rất nhiều thứ bệnh tật. Quý vị hãy nhìn lại con cháu của

mình ở trong gia đình, nó không có giờ để ăn; nó không có giờ để ngủ; nó không có giờ để tiếp cận, truyền thông với cha với mẹ, với người thân; nó bị cuốn hút bởi những công việc bên ngoài, từ đó mới 30 tuổi mà bệnh lên bệnh xuống rồi, 40 tuổi mà bệnh lên bệnh xuống rồi; một con người mà bệnh như thế thì làm sao mà có an lạc, làm sao mà có hạnh phúc; một người trẻ mà đã tật bệnh đủ thứ làm sao có thể kế thừa được huyết thống của nòi giống.

Cho nên, muốn thực hiện những gì tốt đẹp ở trong kiếp sống con người thì trước hết quý vị phải luôn luôn nhớ và thực tập bốn phương pháp: phương pháp thứ nhất là tri túc, phương pháp thứ hai là vô cầu, phương pháp thứ ba là an ngộ và phương pháp thứ tư là dưỡng tịnh. Bốn phương pháp này quý vị phải thực tập mỗi ngày thì tự thân mỗi ngày sẽ cho quý vị nếp sống an bình, hạnh phúc, cao quý. Và chỉ có thực tập như vậy thì chúng ta mới cảm nhận được những giá trị sâu sắc của cuộc sống mà chúng ta rất may mắn được làm người, được sáu căn đầy đủ, lại được tu tập, học hỏi Phật

pháp mà quan trọng nhất là quý vị mỗi tuần đều đến được trú xứ Tăng-già-lam Phước duyên để thực tập Bát quan trai giới, sống một ngày một đêm ở trong Tịnh giới của chư Phật và noi theo gương của chư Phật, Bồ tát, A-la-hán sống và thực hành những gì mà chư Phật đã thực hành, các vị Bồ tát đang thực hành, các vị A-la-hán cũng đã, đang, sẽ thực hành. Mong thay! Tất cả quý vị hãy tinh cần, cố gắng lên và nói theo tôi để luôn luôn nhớ mình là người đệ tử Phật sống nếp sống cao quý, ở trong thế giới đời thường mà vẫn giữ được tín tâm đối với Tam bảo, vẫn giữ được nhân cách trác việt của người đệ tử Phật.

Quý vị hãy nói theo tôi:

"Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

Đệ tử chúng con, quy y Tăng, nguyện từ nay cho đến

trọn đời không quy y thầy tà bạn ác.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không giết hại chúng sinh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không trộm cắp.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không tà hạnh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không nói dối.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không uống rượu."

Ngoài Ba pháp quy y và Năm cấm giới, quý vị luôn luôn thực tập Sáu pháp tùy niệm, nghĩa là quý vị luôn luôn niệm Phật, quý vị luôn luôn niệm Pháp, quý vị luôn luôn niệm Tăng, quý vị luôn luôn niệm Giới, quý vị luôn luôn niệm thí xả, quý vị luôn luôn niệm phước báo chư thiên. Sáu niệm này quý vị phải thực tập. Năm

niệm: niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm thí, niệm thiên là để đưa quý vị về với niệm Phật. Cho nên trong sáu niệm ấy, năm niệm là hỗ trợ cho việc niệm Phật. Vì vậy, niệm Phật là tối thượng trong tất cả các niệm. Nhiều vị chưa có duyên để niệm Phật, thì có duyên niệm Pháp, niệm Tăng; có vị chưa có duyên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng thì có duyên niệm Giới; có vị chưa có duyên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giớithì niệm thí; có vị chưa có thiện duyên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm thí thì niệm thiên, tức là niệm phước báo chur thiên để sanh về thế giới ấy rồi tiếp tục tu tập. Cho nên, là đệ tử Phật, quý vị phải biết đâu là trọng yếu, đâu là thứ yếu, đâu là chánh đạo, đâu là trợ đạo để trong đời sống hằng ngày của quý vị biết được những điều chủ yếu mà hành trì, biết được những điều thứ yếu để mà nương tựa, đi tới. Vậy, quý vị hãy cẩn thận lên và nói theo tôi để xả Bát quan trai giới:

"Kính xin Tam bảo chứng minh.

Một ngày một đêm, chúng con đã ở trong Tịnh giới Bát quan trai. Nay đã đúng lúc, cho chúng con xin xả Bát quan trai giới, trở lại đời sống của người cư sĩ tại gia thọ trì Ba pháp quy y, Năm cấm giới và luôn luôn duy trì Sáu niệm trong đời sống hằng ngày. Ngưỡng xin Tam bảo chứng minh.

Nam mô Chứng minh sư Bồ tát. Nam mô Chứng minh sư Bồ tát. Nam mô Chứng minh sư Bồ tát ma-ha-tát".

PHÁP NGŨ

*Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng
cho đạo tràng tu Bát quan trai tại chùa Phước Duyên
ngày 03 tháng 04 năm 2022*

Nam mô bổn sư Thích-ca-mâu-ni Phật.

Cùng toàn thể Giới tử thọ trì Bát quan trai giới một ngày một đêm tại trú xứ Tăng-già-lam Phước Duyên, thành phố Huế quý mến.

Trong kinh Cầu pháp và thừa tự, thuộc văn hệ Trung A-hàm, đức Phật dạy về đời sống viễn ly, nghĩa là đức Phật dạy rằng:

Có một bậc Đạo sư, có một bậc Tôn sư sống với pháp và luật, có đời sống viễn ly, hàng đệ tử Thượng, Trung, Hạ tọa của vị Đạo sư ấy, của vị Tôn sư ấy không sống theo pháp và luật, không sống đời sống viễn ly thì pháp và luật của bậc Đạo sư ấy, của bậc

Tôn sư ấy không đưa tới an lạc, không đem tới an lạc cho nhiều người, cho thế giới chư thiên và loài người.

Có bậc Đạo sư, bậc Tôn sư dạy pháp và luật, sống đời sống viễn ly, hàng đệ tử của bậc Đạo sư ấy, của bậc Tôn sư ấy, thực hành pháp và luật, sống đúng đời sống viễn ly thì pháp và luật của bậc Đạo sư ấy, của bậc Tôn sư ấy đưa tới lợi ích an lạc cho nhiều người, cho đa số, cho thế giới chư thiên và loài người.

Hôm nay, quý vị là những người đệ tử của đức Thế tôn, sống đời sống cư sĩ, thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới nhưng luôn luôn nghĩ tới đời sống viễn ly, thực hành nếp sống ở trong Pháp và Luật của đức Thế tôn, cho nên quý vị đã khéo sắp xếp những chương ngại đối với bản thân, những chương ngại đối với gia đình, những chương ngại đối với xã hội, với công ăn việc làm để đến tại trú xứ Tăng-già-lam Phước duyên thực tập một ngày một đêm đời sống viễn ly ở trong Giới pháp Bát quan trai. Ấy là một điều mà quý vị phải tự vui mừng, sung sướng. Vì mình có thực tập đời sống

viễn ly và sống đời sống viễn ly ở trong Pháp và Luật do đức Thế tôn chế định thì chúng ta mới thực sự là đệ tử của đức Thế tôn, đệ tử của đức Phật.

Là đệ tử của đức Phật, đệ tử của đức Thế tôn, chúng ta sống nếp sống viễn ly, không phải vì bản thân chúng ta mà chúng ta sống đời sống viễn ly là vì lợi ích cho đa số, lợi ích cho thế giới trời, người.

Đời sống viễn ly là gì? Đó là đời sống mà người đệ tử Phật luôn luôn viễn ly hết thảy ái nghiệp của mình đối với gia đình huyết thống, luôn luôn sống viễn ly đối với hết thảy ái nghiệp của mình ở trong tâm mình và luôn luôn sống viễn ly đối với ái nghiệp của mình trong ba cõi sinh tử luân hồi.

Đối với gia đình huyết thống thì quý vị thực tập một ngày một đêm viễn ly ái nghiệp. Nhờ viễn ly ái nghiệp như vậy mà quý vị không làm khổ mình, không làm khổ chồng mình, không làm khổ vợ mình, không làm khổ con cháu của mình, không làm khổ mọi người chung quanh. Tất cả những nỗi khổ ở nơi mình, ở nơi gia đình

mình, ở nơi mối quan hệ giữa mình với mọi người, giữa mình với xã hội đi từ nơi gốc rễ của ái nghiệp. Cho nên viễn ly ái nghiệp là một cách giúp chấm dứt sự oán đối giữa mình với các thành viên trong gia đình huyết thống; viễn ly ái nghiệp giúp chấm dứt sự oán đối giữa mình với mọi người chung quanh, viễn ly ái nghiệp là mình có thể chấm dứt được sự oán đối giữa mình với mọi người và muôn loài chúng sinh bởi vì khổ đau hay oán đối là đi từ nơi ái nghiệp của mỗi chúng ta. Viễn ly ái nghiệp ở nơi gia đình huyết thống thì chúng ta phải quay về để ôm lấy những ái nghiệp sinh khởi ở nơi tâm hành của mỗi chúng ta và chúng ta làm cho ái nghiệp đang vận hành ở nơi tâm hành của mỗi chúng ta lắng xuống, lắng xuống trong cái nhìn của chúng ta, lắng xuống trong những suy nghĩ của chúng ta, lắng xuống trong lời nói của chúng ta, lắng xuống trong sinh mệnh và sự nuôi dưỡng sinh mệnh của chúng ta, lắng xuống trong mỗi hành động của chúng ta, lắng xuống trong mỗi suy nghĩ, mỗi nhớ nghĩ của chúng ta và lắng xuống trong mỗi khi chúng ta thiền định. Tất cả những ái nghiệp đó lắng xuống thì chúng ta sẽ có an lạc, chúng ta sẽ có tự do, chúng ta sẽ có giải thoát. Chúng

ta có an lạc ngay nơi thân năm uẩn này. Chúng ta có tự do ngay nơi thân năm uẩn này. Chúng ta có an lạc ngay nơi đời sống này. Và đời sống này ta đã có an lạc, có tự do thì không có lý do gì những đời sống tiếp theo mà chúng ta không có an lạc, tự do. Và chúng ta đã có tự do, an lạc ngay nơi đời sống này, ngay nơi thân năm uẩn này thì không có lý do gì mà ta không có tự do khi ta hiện hữu ở bất cứ không gian nào. Cho nên tự do, an lạc và hạnh phúc đích thực của mỗi chúng ta là khi chúng ta có hạnh viễn ly và thực hành đời sống viễn ly ấy ngay ở nơi gia đình chúng ta, ngay ở nơi tâm của mỗi chúng ta.

Khi tâm chúng ta đã có sự viễn ly rồi, đã có những hạt giống viễn ly rồi thì nhất định chúng ta sẽ viễn ly được cái khổ đau ở trong thế giới của dục, chúng ta sẽ viễn ly được cái khổ đau của thế giới thuộc về sắc, thuộc về tà kiến, thuộc về vọng kiến, điên đảo, và chúng ta viễn ly được thế giới thuộc về vô sắc, thế giới thuộc về tưởng, chúng ta viễn ly được tưởng ái. Do viễn ly được dục ái, sắc ái, vô sắc ái mà chúng ta chấm dứt được sinh tử khổ đau ngay trong đời này.

Vì vậy, quý vị thực tập đời sống viễn ly và sống với nếp sống ấy thì quý vị xứng đáng là học trò của đức Thế tôn dù quý vị đang ở vị trí của người cư sĩ tại gia. Có những vị xuất gia dưới hình thức của một người xuất gia nhưng họ không thực hành Pháp và Luật đúng hạnh viễn ly thì sự xuất gia ấy không đưa tới sự an lạc, không đưa tới hạnh phúc, không đưa tới đời sống cao thượng. Cho nên ai chỉ xuất gia hình thức, người ấy chỉ là người tạo thêm rối rắm cho bản thân mình, rối rắm cho gia đình mình, rối rắm cho những người thân yêu của mình và tạo nên những rối rắm cho xã hội. Còn ai mà thực sự xuất gia hay thực sự sống đời sống viễn ly cả thân và tâm thì người ấy sống ở đâu cũng có lợi ích, đi đến đâu cũng đem lại an lạc, hạnh phúc và bất cứ thời gian nào vị ấy cũng sống ở trong con đường mà đức Phật đã đi, con đường mà các bậc Thánh tăng đã đi, con đường mà lịch đại Tổ sư đã đi.

Cho nên hôm nay, mặc dù thời tiết thất thường, mưa gió lạnh lẽo nhưng quý vị vẫn kiên trì khẳng định mình là đệ tử của đức Thế tôn, xứng đáng cầu học pháp viễn

ly và kế thừa pháp viển ly ấy để bản thân mình có lợi ích, gia đình của mình có lợi ích, những người quan hệ với mình có lợi ích và muôn loài chúng sinh đều có lợi ích. Nên quý vị sống một ngày một đêm ở trong tịnh giới Bát quan trai có nghĩa là quý vị thực tập một ngày một đêm đời sống viển ly, viển ly tất cả mọi ác pháp của thế gian, viển ly tất cả mọi ác pháp ở nơi tâm hành của chính mình, và viển ly tất cả ác pháp thuộc về dục giới, sắc giới, vô sắc giới để quý vị có thể tiến tới đời sống giải thoát như các bậc A-la-hán, các vị Bồ tát và chư Phật. Cho nên khi thọ trì Bát quan trai giới, quý vị đã nguyện "Nhu chư Phật, Bồ tát, A-la-hán vĩnh viễn không sát sanh, noi gương các Ngài, con nguyện một ngày một đêm không sát sanh. Như chư Phật, Bồ tát, A-la-hán vĩnh viễn không trộm cắp, con nguyện một ngày một đêm noi gương các Ngài thọ trì Bát quan trai giới, không trộm cắp. Như chư Phật, Bồ tát, A-la-hán vĩnh viễn không dâm dục, noi gương các Ngài, con nguyện thọ trì Bát quan trai giới, một ngày một đêm không dâm dục". Tất cả những lời thệ nguyện ấy chính là quý vị đang thực hành đời sống viển ly, đời sống

viễn ly ở trong Pháp và Luật do đức Thế tôn chứng nghiệm và tuyên thuyết. Cho nên khi quý vị đã lập hạnh lập nguyện mà tu rồi thì không có bất cứ một sự chướng ngại nào có thể làm chướng ngại quý vị. Còn nếu quý vị lập hạnh lập nguyện mà không kiên trì, không kiên cố thì một chướng ngại nhỏ nhỏ khởi lên ở nơi tâm quý vị cũng làm cho quý vị bị trở ngại, bị chướng ngại khi thực hành Pháp và Luật từ đức Thế tôn giảng dạy và tuyên thuyết.

Vậy để duy trì đời sống viễn ly thì quý vị hãy thực tập ngay trong đời sống của người cư sĩ tại gia bằng cách quý vị luôn luôn quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nhớ năm điều Giới pháp căn bản mà quý vị đã thọ trì. Quý vị đừng bao giờ phạm vào ba Pháp quy y. Nếu quý vị phạm vào một trong ba Pháp quy y thì quý vị không còn là đệ tử của đức Thế tôn, không còn là đệ tử của bậc Đạo sư, không còn là đệ tử của bậc thầy tôn kính thì lấy gì, dựa vào đâu mà viễn ly ác pháp, mà xa lìa hết thảy ác pháp. Ác pháp là pháp luôn luôn dẫn tới đời sống sinh tử, đời sống của khổ đau. Vậy quý vị cầu

an lạc, cầu hạnh phúc, cầu nếp sống cao thượng, cầu đời sống phước đức trí tuệ mà không quy y Phật, không quy y Pháp, không quy y Tăng hay đã quy y rồi mà hủy phạm một trong ba pháp này thì làm sao mà có an lạc, làm sao mà có hạnh phúc, làm sao mà có nếp sống cao thượng, làm sao mà có phước đức, làm sao mà có trí tuệ và làm sao mà có thể chấm dứt được khổ đau ở trong sinh tử. Do đó, quý vị phải luôn luôn giữ gìn Ba pháp quy y này mỗi ngày và luôn luôn giữ gìn Năm giới pháp quý báu để làm tăng trưởng niềm tin kiên cố của mình đối với Ba pháp quy y. Vậy, tất cả quý vị chấp tay, chí thành, cung kính nói theo tôi:

"Đệ tử chúng con quy y Phật, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử chúng con quy y Pháp, nguyện từ nay cho đến trọn đời không quy y ngoại đạo, tà giáo.

Đệ tử chúng con quy y Tăng, nguyện từ nay cho đến trọn đời, không quy y bè bạn xấu ác.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không giết hại chúng sinh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không trộm cắp.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không tà hạnh.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không nói dối.

Đệ tử chúng con, nguyện từ nay cho đến trọn đời, thề không uống rượu.

Hôm nay trước ngôi Tam bảo, chúng con xin xả Bát quan trai giới, chỉ thọ trì Ba pháp quy y và Năm cấm giới, làm đệ tử của đức Thế tôn, sống đời sống cư sĩ tại gia, tu tập Chánh pháp, hộ trì Tam bảo tồn tại thế gian, lợi lạc muôn loài chúng sinh.

Ngưỡng bạch Tam bảo chứng minh.

Nam mô Chứng minh sư Bồ tát ma-ha-tát".

KINH PHẬT LÀ DO ĐỨC PHẬT NÓI

*Trích Bài 14: Giới Định Tuệ, môn Giới học Đại thừa,
Hòa thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh
Luật viện Huệ Nghiêm*

Lần kết tập kinh điển thứ ba thời vua A-dục, vẫn chưa có văn bản đâu, vẫn truyền tụng, vì thời đó chỉ mới có loại chữ Brahmi chưa phổ biến. Mà trong ý nghĩa truyền tụng đó, cũng phải hiểu thêm là từ đức Phật Tỳ-bà-thi nói rồi truyền qua đến thế hệ đức Phật Thi-khí, rồi truyền tụng đến đức Phật Câu-lưu, rồi Câu-na-hàm, rồi Ca-diếp, rồi đức Thích-ca, trong sự truyền tụng giữa thầy và trò, trong cái ý nghĩa truyền thừa. Cho nên trong Giới kinh nói bảy bài kệ của bảy đức Phật, là truyền thừa Luật tạng.

Đúng như thầy đã hỏi, Phật dạy mười điều không vội tin. Cho nên mình phải chiêm nghiệm. Chẳng lẽ chỉ có

một đức Phật thôi sao? Nếu chỉ có một đức Phật thì không bao giờ có Phật hết. Nhưng đã có một đức Phật nghĩa là đã có nhiều đức Phật. Cho nên là có vô số Phật, nhưng trong giới hạn này, để tiếp nối quá khứ Trang nghiêm kiếp, đã nêu lên đức Phật Tỳ-bà-thi là đức Phật thứ chín trăm chín mươi tám, nghĩa là có vô số Phật về trước nữa, ở quá khứ quá khứ kiếp, quá khứ hiện tại kiếp, quá khứ vị lai kiếp, hiện tại quá khứ, hiện tại hiện tại, hiện tại vị lai, rồi vị lai quá khứ, vị lai hiện tại, vị lai vị lai kiếp. Nên chữ kiếp mới gọi là đại kiếp, dịch là trường thời hay đại thời. Mình đủ khả năng ngang đâu thì mình chiêm nghiệm ngang đó, mình tin ngang đó, ai bắt mình tin đâu. Đức Phật không buộc mình tin những gì Ngài nói 100%, nhưng đức tin của mình, khả năng của mình ngang đâu thì mình tin ngang đó. Hiểu chưa!

Hỏi là kinh có do đức Phật nói không, nói như thế nào và được ghi chép lại có chính xác không, thì đó cũng là câu hỏi mà nhiều giới thắc mắc. Với tất cả các tôn giáo, kinh điển phần nhiều là do người sau biên tập,

như Thánh kinh của Thiên chúa giáo thì sau khi chúa Giê-su qua đời một thời gian mới được hình thành, kinh Koran của Hồi giáo cũng được hình thành sau khi vị giáo chủ qua đời cả trăm năm, Tứ thư ngũ kinh của Nho giáo thì chính đức Khổng tử nói là Ngài không sáng tác, trước tác mà chỉ biên tập lại, chỉ trước tác kinh Xuân thu - tức là sử - mà thôi. Thì kinh điển Phật giáo cũng vậy, nó truyền thừa từ thầy qua trò cả một thời gian dài, nhưng khi truyền thừa thì phần nhiều là truyền ý chính. Cho nên, Tổ khác với Phật chỗ nào? Phật thì nói kinh, Tổ thì nắm ý kinh để tiếp nối và sau đó kết thành văn bản. Nên "minh Phật tâm tông" gọi là Tổ. Tổ là vị nắm được ý chỉ của Phật, tôn chỉ của Phật. Kinh là pháp, thì đương nhiên đức Phật phải nói, nhưng đức Phật sợ chúng sanh kẹt vào nơi văn tự ngôn ngữ nên nói 49 năm ta chưa từng nói lời nào. Do đó, nói kinh là do đức Phật nói cũng đúng, mà nói không phải do đức Phật nói cũng đúng. Nếu mình dựa vào lời Phật nói thông qua Tổ và Tổ kết tập lại bằng văn bản, rồi có các vị Tổ sư khác chú giải cho mình, thì mình là người sinh sau đẻ muộn, mình không thấy Phật, nhưng

ít ra mình cũng tin Tổ. Mà không tin Tổ thì ít ra mình cũng tin thầy mình. Còn nếu mình không tin ai cả thì thôi, thua! Không tin ai cả thì xem như là cái cây không có rễ. Mà cây đã không có rễ thì tưới nước mấy cũng khô héo thôi. Mình cách Phật lâu xa quá rồi mình cãi nhau là cái này Phật nói, cái kia Phật không nói, nhưng ít ra đi nữa thì mình cũng tin Tổ; mà thôi Tổ cũng chết cả rồi thì mình tin thầy mình. Mà mình có nhân duyên với thầy mình ngang đâu thì mình tin thầy mình ngang đó để làm thầy, làm trò với nhau mà tu học. Chẳng lẽ thầy đi nói dối trò sao! Nhưng nếu mình nghĩ thầy mình nói vậy chưa hoàn chỉnh, thì mình cố gắng học đi để hoàn chỉnh, hiểu thêm, để bổ sung cho cái mà mình cho rằng thầy mình chưa hiểu.

Chứ nói rọt ráo ra thì đúng là như trong kinh Viên giác đức Phật dạy: "nhất thiết tu-đa-la như tiêu nguyệt chỉ", tất cả các kinh điển mà Thế tôn nói ra hay là ghi chép lại thì như ngón tay chỉ mặt trăng, nương nơi ngón tay mà mình thấy mặt trăng, còn mình chấp nơi ngón tay là trăng thì sinh ra hai lỗi: không biết ngón tay là gì mà

cũng chẳng biết mặt trăng là gì. Cũng vậy, mình nương vào kinh điển, mình đọc tụng rồi từ nơi đó mà thâm nhập nghĩa lý. Mà nhất là thế giới này, thế giới mà phải dùng âm thanh để mà đi vào Đạo, phải nương vào âm thanh để hiểu được lý của Đạo, không có âm thanh thì mình không có duyên có gì mà nhập được Đạo, nên gọi là Thanh văn.

Nhưng theo thầy Thái hòa thì rõ ràng Phật nào cũng nói kinh hết, không có Phật nào là không nói kinh, nhưng nói cho hàng người thì Ngài nói như thế nào, chư thiên Ngài nói như thế nào, rồi hàng Thanh văn thì Ngài nói như thế nào, Duyên giác thì Ngài nói như thế nào, Bồ tát Ngài nói như thế nào, và đối với chư Phật thì Ngài nói như thế nào, tùy theo nhân duyên gặp nhau và trình độ ngang đâu thì Ngài chia sẻ ngang đó. Vì vậy trong kinh Viên giác nói: "vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ viên giác tính tức đồng lưu chuyển", nghĩa là chưa ra khỏi luân hồi mà bàn đến tính viên giác thì tính viên giác đó cũng đồng lưu chuyển như luân hồi vậy; hay còn nhắc nhở chúng ta: "dĩ luân hồi

tâm, sinh luân hồi kiến, nhập ư Như lai đại tịch diệt hải, chung bất năng chí", nghĩa là "lấy cái tâm luân hồi/ rời từ nơi tâm đó mà sinh ra kiến thức, kiến chấp trong cõi luân hồi/ đi vào biển cả tịch lặng của Như lai/ vĩnh viễn không tới được". Cho nên nếu mình tu học giỏi rồi, đến một lúc nào đó, ngôn ngữ mình cũng phải buông, mọi thứ cũng phải buông thì khi đó mới nhập được chân lý toàn vẹn. Còn có ngôn ngữ thì còn có nhị nguyên, còn có sự đối đãi. Đến một lúc ngôn ngữ đều phải đoạn đoạn hết, chỉ dùng tâm để nhập vào tâm mà thôi. Lúc đó thì không có gì là Phật nói, Phật không nói gì nữa hết.

Trong kinh Kim cang, đức Phật hỏi ngài Tu-bồ-đề: "Như lai có thuyết pháp không?", Tu-bồ-đề trả lời: "Như lai không có thuyết pháp", vô pháp khả thuyết. Nói như vậy để thấy, nói đến cái lý thì có cái sự, cái sự thì có cái lý, mình nhờ sự mà nhập được lý, rồi nhờ nơi cái lý để biểu hành sự mà giáo hóa chúng sinh, sự lý viên dung. Thiên về sự mà bỏ lý thì sự đó trở thành lung tung. Nói lý mà không có sự thì cái lý đó là ngồi

tại một chỗ mà nói thôi, cuối cùng việc cũng không thành. Cho nên, sự đâu thì lý đó, lý đâu thì sự đó. Mình hiểu ngang đâu thì mình hành ngang đó. Mà hôm nay không hiểu thì cứ học đi rồi hiểu, tu đi sẽ hiểu. Năm nay không hiểu thì sang năm hiểu. Sang năm không hiểu thì mười năm sau hiểu. Mười năm sau không hiểu thì trăm năm sau hiểu. Trăm năm sau không hiểu thì ngàn năm sau hiểu. Mà ngàn năm sau không hiểu thì triệu năm sau hiểu. Vì mình sống cả đại kiếp, không lo gì. Vấn đề là mình có đức tin đối với Tam bảo không. Đức tin đã kiên cố rồi thì trước sau gì mình cũng hiểu thôi. Chỉ trừ trường hợp mình không tin Tam bảo, niềm tin mình bị lung lay thì mình không để tâm vào. Chứ thực ra là tất cả Phật pháp đều có nơi tâm chúng ta hết, nơi tánh của chúng ta hết. Từ nơi tánh mà diễn tả ra, rồi từ nơi diễn tả ra đó mà có kinh điển. Nên, kinh lúc nào cũng có sự mà có lý, khi nào mình cũng xứng theo tự tánh mà trình bày giáo lý. Đạo Phật không có áp đặt ai hết, ai hiểu ngang đâu thì hành ngang đó, biết ngang đâu thì tu ngang đó, thì có kết quả thôi.

Bây giờ nói đến chuyện kinh này Phật nói, kinh kia Phật không nói. Thực sự ra không có cái gì Phật không nói. Quý thầy về kiểm quyển Lý hoặc luận của Mâu-tử viết. Lý hoặc luận nghĩa là gì, là những luận chứng để nêu lên Chánh lý ở trong Phật pháp và đánh bật những người hiểu lầm Phật giáo. Trong quyển này, ngoại nhân có hỏi: "Phật nói kinh gì mà nhiều vậy?"; Mâu-tử nói: nói càng nhiều càng tốt, bởi vì Phật nói chuyện tam thiên đại thiên thế giới, nói vô lượng kiếp về trước, cho nên không có gì không nói, không có gì không biết. Đức Phật là thế gian giải nên không có cái gì mà Ngài không biết, biết từ nơi địa ngục cho đến cõi trời Sắc cứu cánh thiên, biết tường tận, biết minh bạch. Nên kinh điển mà mình ghi chép lại đây quá ít so với những gì mà đức Phật đã nói, đã trình bày, đã biết. Mâu-tử Lý hoặc luận là một tác phẩm rất nổi tiếng, là tác phẩm luận lý học Phật giáo sớm nhất ở Á châu. Trong tác phẩm này cũng định nghĩa Phật rất rõ.

Có lần tôi kể đó, đức Phật khi lên cung trời Đao lợi thuyết pháp, thì dưới Diêm-phù-đề này có vấn đề nên

ngài Xá-lợi-phất cử một vị Tôn giả lên thưa với Phật, xin thỉnh Ngài về để giải quyết vấn đề Tăng sự. Vị Tôn giả đó lên cung trời Đao-lợi, đến Diệu pháp đường, không thấy đức Thế tôn đâu hết, thấy vị nào cũng giống nhau hết, cũng ba hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cũng ngồi tòa sen, cố tìm hình ảnh Thế tôn khoác y vàng thì tìm không ra. Cuối cùng, vị Tôn giả đó về thưa với ngài Xá-lợi-phất: "Bạch Tôn giả, hiền giả lên đó không thấy đức Thế tôn của chúng ta đâu hết, thấy vị nào cũng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mặc áo giống nhau, đều ngồi tòa sen". Ngài Xá-lợi-phất nói: "Hiền giả nhìn Ngài nào mà đôi mắt đầy từ bi, thanh tịnh, sâu lắng từ bên trong thì đó là đức Thế tôn của chúng ta". Vị Tôn giả theo đúng lời ngài Xá-lợi-phất, tìm đến vị có đôi mắt từ bi, thanh tịnh, sâu lắng bên trong, thì đúng là đức Thế tôn. Ngài cười, và sau đó quay trở về Diêm-phù-đề để giải quyết vấn đề Tăng sự. Trong kinh ghi lại như vậy. Chúng ta đi tìm đức Thế tôn, mà đem hình ảnh đức Thế tôn ở nơi Diêm-phù-đề này lên cung trời Đao-lợi, tìm mãi mắt tìm cũng không ra; đem hình ảnh đức Thế tôn ở nơi

Diêm-phù-đề này lên cung trời Đâu-suất tìm, tìm không ra; chứ đừng nói là đi vào Sơ thiên, Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên, Tứ không định, rồi Diệt thọ tướng định, rồi cảnh giới của chư Phật khắp cả hư không giới, pháp giới, sao tìm cho ra nổi. Nhận thức của chúng ta lúc nào cũng bị giới hạn. Khi nào mình tu tập mà chưa chuyển được thức thành trí thì mình chỉ thấy Phật theo kiểu nhận thức của mình, mà tha hồ đúng với sai, thị với phi, thể này với thể kia. Đó là cái đúng của nhận thức chứ không phải đúng của trí. Cho nên, chúng ta cố gắng tu đi, rồi mọi chuyện không có chi mà thắc mắc hết. Nhớ không! Khi có trí rồi thì không có cái gì thắc mắc hết. Mà không có trí rồi thì hỏi hoài, mà trả lời mấy cũng không thông hết. Giống như rùa với cá vậy. Rùa thông, biết cả đất liền và nước, còn cá chỉ ở dưới nước thôi. Rùa kể chuyện trên đất liền có người đi hai chân, đầu thẳng lên; cá hỏi có giống rùa không; rùa trả lời không thì cá không tin. Rùa diễn tả mấy thì cá vẫn không hiểu vì cá chỉ quanh quẩn trong nghiệp báo, y báo, chánh báo của nó ở trong nước thôi, nên nói cái gì nó cũng hiểu

chuyện dưới nước thôi. Cá hỏi rùa trên đó có nước không - không có nước sao mà sống - nói rùa nói dối. Cá với rùa cãi nhau. Cuối cùng rùa thương cá, lặn đầu, tội nghiệp cá, muốn đem cá lên khỏi nước để chỉ đất liền, để cá thấy người đi hai chân. Nhưng đem cá lên khỏi nước thì cá đau quá, nhảy lại xuống nước, không thấy gì hết, vì y báo, chánh báo của cá làm sao sống trên đất liền được. Cho nên, nhân duyên, nhân quả, nghiệp báo mà kinh Pháp hoa nói là “như thị tướng, như thị tính, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mạt cứu cánh”, mỗi loại có một nhân duyên nghiệp quả mà nó tương tác trong cái nhân duyên nghiệp quả đó thôi, ngoài cái nhân duyên nghiệp quả đó nó không hiểu nổi đâu.

Tôi nói như vậy để quý thầy thấy, mình cứ tu đi, có trí tuệ đi, rồi mọi chuyện sẽ được củng cố, đức tin mình càng thêm vững chãi. Tôi chắc chắn rằng thầy tổ chúng ta không nói dối chúng ta đâu. Người đời thì nói dối nhau vì cơm áo gạo tiền, danh lợi. Thầy tổ chúng

ta thoát ly tất cả những cái đó nên tu hành với tâm chân thật, không bao giờ nói dối với chúng ta điều gì, nhất là không bao giờ nói dối về nhân quả với mình đâu. Trong luận A-tỳ-đạt-ma pháp uẩn túc luận, ngài Moggallāna nói, những gì mà đức Thế tôn nói từ khi Ngài thành đạo cho đến khi Ngài nhập niết bàn, tất cả thời gian mà Ngài nói pháp như vậy đều là "như" hết, nghĩa là tất cả đều là "như thật", nên Ngài nói A-hàm cũng như thật, mà nói Phương đẳng cũng như thật, nói Bát nhã cũng như thật, nói Pháp hoa - Niết bàn cũng như thật, tất cả là vì tâm từ bi, tâm vì lợi ích chúng sinh mà nói. Các thầy các cô gắng lên.

Vậy, tôi xác nhận lại là đức Phật có nói kinh, Tổ có biên tập kinh, chú giải kinh, và cái gì của kinh Phật thì nhất định là ngoại đạo không thể xen vào được, cái xen vào trước sau gì cũng bị loại ra thôi. Nên quý thầy quý cô yên tâm.

Pháp đức Phật dạy, hễ không tu thì thôi, mà tu thì có an lạc, có hạnh phúc. Mình không gieo nhân lành thì

thôi, mà gieo nhân lành thì có phước báo tốt đẹp. Tin như vậy mà tu.

Còn trong một bản kinh mà mình đọc kỹ thì lúc nào cũng có thực nghĩa, phương tiện nghĩa ở trong, cũng có liễu nghĩa, bất liễu nghĩa ở trong. Liễu nghĩa là cái rõ ràng của kinh. Bất liễu nghĩa là cái minh họa của kinh. Bản kinh nào cũng có thực giáo và quyền giáo. Thực giáo là cái chân lý bất di bất dịch. Cho nên chư Phật ba đời mười phương ra đời mà tu tập đều chứng ngộ như nhau, bởi vì chân lý chỉ có một. Quý vị về giờ Trường bộ kinh ra đọc, ôn Minh châu có dịch rồi, thì thấy là đức Phật Tỳ-bà-thi ra đời, cũng đi bảy bước trên bảy hoa sen, cũng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, cũng được vua cha cung dưỡng, cũng đi bốn cửa thành, cũng khám phá sanh lão bệnh tử, rồi sau đó xuất gia, ngồi dưới gốc cây rồi thành đạo, sau đó cũng chuyển pháp luân, Tứ thánh đế, v.v. Đó là truyền thống của chư Phật rồi. Mà đây không phải là kinh điển Đại thừa, mà ngay trong kinh điển văn hệ Pali đã có những điều như thế. Còn mình nói kinh điển

không phải Phật nói, mình bác hết, thì thôi, thua! Cái đó mình thua rồi!

Nhưng không ai dám bác hết đâu. Người Tây phương khi Anh chưa xâm lăng Ấn độ thì họ cho rằng đức Phật là huyền thoại, là hoang đường. Nhưng sau khi họ xâm lăng Ấn độ và phát hiện ra những trụ đá của vua A-dục, rồi nghiên cứu, thì bây giờ người Anh họ tin Phật thâm tín lắm. Họ thực hiện công trình để phát huy Phật giáo. Kinh điển Pali là do người Anh lập hội để kết tập và phiên dịch ra tiếng Anh. Và khôi phục bốn Thánh tích cũng là người Anh đóng góp rất nhiều. Cho nên đi xâm lăng nước người ta, nhưng văn hóa người ta cao hơn nên mình không xâm lăng được mà phục vụ lại văn hóa của người ta. Chính chúng tôi mà học hành được tiếng Pali hay Sanskrit cũng là nhờ công trình của người Anh biên tập, phiên dịch, viết từ điển, là nhờ những vị Viện sĩ hàn lâm Viện Hoàng gia Anh. Nhưng cảm ơn các vị đó một phần, mình cảm ơn thầy tổ mình vĩ đại hơn. Bây giờ có cả cuốn từ điển trước mặt mà mình đọc còn chưa ra. Các Ngài mình cách

đây mấy ngàn năm thì từ điển đâu, như ngài La-thập, ngài An-thế-cao từ điển đâu mà các Ngài dịch kinh. Các thầy thấy buổi sáng tụng thời kinh Bát đại nhân giác, mình mê luôn, văn chương quá hay, quá súc tích luôn, mình tụng thấy rất cảm động. Nếu các Ngài không có tâm huyết, không hết lòng với Phật pháp, không tôn kính Tam bảo thì không bao giờ có lời lẽ văn kinh như vậy đâu.

Nói như vậy để quý thầy quý cô yên tâm tu học và cố gắng nghiên cứu. Hiểu ngang đâu, tu ngang đó. Hiểu ngang đâu, tin ngang đó. Hiểu ngang đâu là quyền mình. Tin ngang đâu là quyền mình. Nhưng chắc chắn là có Phật, chắc chắn có Pháp, chắc chắn có Tăng.

NIẾT BÀN TRONG PHẬT GIÁO

*Trích từ bài 3: Giới Định Tuệ - Môn Giới học Đại thừa,
Hoà thượng Thích Thái Hòa giảng cho Tăng Ni sinh
luật viện Huệ Nghiêm*

Cách đây hơn hai mươi năm, một phái đoàn phi công và các chuyên viên hàng không của Anh và các nước EU đến Việt nam, sau đó họ đến Huế, lên thăm chùa Từ hiếu và xin gặp tôi để hỏi một câu hỏi về Phật giáo. Họ đã hỏi tôi rằng: "Niết bàn trong Phật giáo có phải sau khi chết mới chứng được không?". Tôi đã trả lời là không phải. Niết bàn của Phật giáo đề cập, Niết bàn đó mình có thể chứng nhập được ngay trong đời sống này, ngay trong thân năm uẩn này, ngay trong sáu căn, sáu trần và sáu thức của chúng ta chứ không phải đợi sau khi chết. Tôi nói với họ là trong Phật giáo có bốn loại Niết bàn: Hữu dư y niết bàn, Vô dư y niết bàn, Vô trú

xứ niết bàn, Tánh tịnh niết bàn. Bốn loại đó mình có thể chứng ngộ ngay, sống với nó ngay trong đời sống này, trong thân năm uẩn này chứ không phải sau khi chết. Nếu nói sau khi chết mới chứng Niết bàn thì đó cũng chỉ là một cách diễn tả về cái thị hiện Niết bàn khi đức Phật sử dụng một Ứng hóa thân khác để giáo hóa chúng sinh dưới một dạng khác. Cho nên Hữu dư y Niết bàn, mình cũng có thể chứng nghiệm ngay trong đời sống này. Vô dư y Niết bàn cũng có thể chứng nghiệm ngay trong đời sống này. Vô trú xứ Niết bàn cũng có thể chứng nghiệm ngay trong đời sống này. Tánh tịnh Niết bàn cũng có thể chứng nghiệm ngay trong đời sống này.

Hữu dư y Niết bàn là Niết bàn các bậc Thánh giả sau khi thọ trì Giới pháp, tu tập Giới định tuệ, đoạn trừ từng phần các lậu hoặc thì chính lúc đoạn trừ từng phần các lậu hoặc, một phần nào đó của Niết bàn, của sự an lạc hiện ra. Dù chưa biểu hiện toàn phần, nhưng ít ra biểu hiện thiếu phần, bán phần, đa phần, tùy theo sự tu tập Giới định tuệ đoạn trừ các lậu hoặc thuộc về

dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Còn Vô dư y niết bàn là Niết bàn đoạn tận Tập đế và Khổ đế. Rõ ràng đức Phật là Ngài đại niết bàn. Nếu Ngài không đoạn trừ Tập đế hoàn toàn, không đoạn trừ Khổ đế hoàn toàn thì làm gì mà Ngài thành Phật, trở thành bậc Chánh đẳng chánh giác. Đức Phật ở đâu, lúc nào cũng sống với Vô dư y niết bàn. Ngài sống với Vô dư y niết bàn mà không hề rời bản nguyện độ sinh, không trái với bản nguyện độ sinh. Bốn mươi chín năm đức Phật chuyển vận Pháp luân, đi khắp xứ sở Ấn độ, tiếp xúc đủ mọi thành phần của xã hội Ấn độ, không những vậy mà còn tiếp xúc và thuyết pháp cho chư thiên Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới, và còn thuyết pháp cho các vị Bồ tát khắp cả mười phương dưới nhiều hình thức khác nhau bằng năng lượng tuệ giác của thiền định, của đại định. Đó là vì Ngài đang sống với Vô trú xứ niết bàn. Cho nên Niết bàn có mặt cùng khắp, mọi nơi đối với một Bậc an trú, sống với Vô trú xứ niết bàn. Và Vô trú xứ niết bàn có được là vì vị đó luôn luôn sống với Tánh tịnh niết bàn. An trú hoàn toàn, sống với

Tánh tịnh niết bàn, đó là Bạc toàn giác, là Bạc chánh đẳng chánh giác.

Cho nên, bốn Niết bàn đó không phải đến chết mới chứng được. Đó là một trong những đặc điểm của Phật giáo so với các tôn giáo khác. Các tôn giáo khác là sau khi chết mới sanh thiên, sau khi chết mới lên thiên đàng. Đối với Phật giáo, nếu mình tu tập Giới định tuệ trọn vẹn, hoàn hảo thì Niết bàn có thể chứng ngay nơi đời sống này, ở nơi thân năm uẩn này.

Tôi đã trả lời cho các vị trong phi hành đoàn của Anh và EU khi mà họ đến Việt nam, đến Huế nghiên cứu và lên Từ hiếu gặp tôi cách đây hai mươi năm như vậy.

Niết bàn, mình có thể tiếp xúc được, có thể chứng nghiệm được chứ không phải là điều hư ảo, không phải là cái treo lên lơ lửng như vậy để làm tín ngưỡng cho người ta. Nó rất là hiện thực. Mình đoạn trừ bao nhiêu phiền não thì mình có bấy nhiêu chất liệu của Niết bàn, của sự an lạc, của hạnh phúc. Nếu mình tu hành mà không thọ trì Giới, không thọ trì Định, không thọ trì

Tuệ thì không bao giờ mình có Niết bàn, không bao giờ mình có an lạc ngay trong đời sống này. Mà đời sống này đã không có sự an lạc, đã không có Niết bàn thì mơ gì đời sống tương lai.

Cho nên, khi mình phát tâm thọ Giới là mình gieo cái nhân giải thoát vào trong tâm của mình qua sự tác pháp yết-ma của Tăng. Nhưng trước khi thọ Giới, mình phải làm gì? Mình phải sám hối cho ba nghiệp thanh tịnh.

Mình phải sám hối cho phiền não trong tâm mình lắng xuống. Phiền não là cái duyên. Khi phiền não lắng xuống có nghĩa là Tập đế ở trong chúng ta không còn điều kiện để hoạt khởi.

Mình phải sám hối cho báo chướng của mình không làm chướng ngại sự thọ Giới của mình. Đó là mình giới hạn lại cái Khổ đế của mình bởi vì báo chướng thuộc về Khổ đế. Cho nên mình phải sám hối và chí thành sám hối bằng tất cả tấm lòng của mình, bằng tất cả niềm tin của mình, bằng tất cả sự hổ thẹn của chính mình đối với

tội lỗi. Sám hối như vậy làm phiền não chướng và báo chướng trong ta lắng xuống, để không chướng ngại việc thọ Giới của chúng ta, không chướng ngại việc tu tập thiền định của chúng ta, không chướng ngại việc tu tập tuệ quán của chúng ta, hoặc có làm chướng ngại nhưng không đáng kể, có thể vượt qua được.

Mình phải sám hối cho tội chướng tiệm tiêu, tức là tội chướng của mình tiêu đi từ từ mà không lớn lên, không tăng trưởng. Mình không thọ Giới được, mình không trì Giới được, không thực tập thiền định được, không tập được tuệ quán hằng ngày là do phiền não chướng, báo chướng, tội chướng trở ngại.

Mình phải sám hối oán chướng để cho oán đối được giải tỏa. Mình oán đối với ai? Với chúng sinh, vì nhiều đời mình ăn thịt chúng sinh. Chúng ta ăn thịt chúng sinh quá nhiều để nuôi dưỡng sinh mệnh này nên bây giờ thịt và máu chúng sinh trở thành từng tế bào, từng mạch máu của chúng ta, làm cho chúng ta đau, nhức, đủ thứ bệnh hoạn. Đó là từ nơi oán chướng mà chúng ta đã tạo

ra giữa ta với lục đạo chúng sinh qua cái ăn uống. Cho nên bây giờ mình thọ Giới, nó cản trở mình. Không thọ Giới thì không chi cả, mà bắt đầu thọ Giới thì đau lên đau xuống. Có nhiều vị đến Giới trường rồi mà không vào được Giới trường thọ giới vì đau đầu, nghẹt mũi, đủ thứ, do oán chướng. Oán chướng là đi từ nơi oán khí của chúng sinh, thâm nhập vào trong chúng ta, trở ngại chúng ta tu hành. Hoặc oán chướng này là từ nơi thầy chúng ta, xin thọ Giới – thầy không cho – nói "chú đã tu gì đâu mà thọ Giới", "chị đã tu gì đâu mà thọ Giới", dù mình tha thiết. Có không? Cho nên thầy trò đôi khi là ân mà cũng là oán. Có ân thì tới làm thầy làm trò với nhau mà đền trả cái nghĩa khí cao đẹp của thầy mình. Mà oán thì cũng tới làm thầy làm trò với nhau để làm cho nhau khổ nhục, nên thầy làm nhục học trò, trò làm nhục thầy. Tất cả đều từ oán chướng mà ra. Rồi oán chướng giữa huynh đệ với nhau, tỷ muội với nhau. Oán chướng giữa cha mẹ với con cái. Oán chướng nó tới với mình dưới nhiều hình thức khác nhau, là cha, là con, là vợ, là chồng, là anh, là em, là thầy, là trò, là vua, là quan, là dân, nghĩa là đủ loại. Mình sám hối là để giải

tỏa cái oán chướng này. Nếu mình không sám hối, mình không thọ trì được Giới, mình không tu được Định, mình không tu được Tuệ đâu.

Vua Trần thái tông, tuy làm vua nhưng ý thức được ông lên được ngôi vị nhân chủ như thế thì oán đối cũng trùng trùng, nên ông thực tập sám hối mỗi ngày sáu lần, gọi là sám hối sáu căn. Không những thế mà còn cúng dường sáu thời, sáu thời mỗi ngày đều dâng hương cúng Phật. Các thầy tu học theo truyền thống Thiền tông Trúc lâm hiểu rất rõ điều này. Lời răn của vua nói về việc ăn chay và không sát sanh rất hay. Trong bữa ăn của chúng ta, của người đời, không có bữa ăn nào mà không tạo oán đối, không tạo ra sự thù ghét giữa mình với chúng sinh.

Nên bây giờ mình nói mình tu, thì những cái phiền não chướng, báo chướng, tội chướng, oán chướng này nó nổi lên nó báo, nên thọ Giới không được, đi chùa không được, lạy Phật không được. Ngồi nói chuyện trên trời dưới đất mấy giờ cũng được mà nghe nói đi lạy Phật cái

là đau đầu, đau bao tử. Thức cả đêm mà coi tivi, coi bóng đá, dán đôi mắt vào cái di động thì được, mà lên ngòai thiền chút thì ngủ gục, mà còn ngáy nữa. Tất cả những cái đó là gì? Là oán chướng, là báo chướng, là bệnh chướng, là nghiệp chướng. Cho nên phải sám hối cho oán chướng này được giải tỏa mới thọ Giới được, mới ngòai thiền được, mới tuệ quán được.

Mình phải sám hối để nghiệp chướng không còn. Chướng ngại do nghiệp của mình tạo ra từ nhiều đời, nhiều kiếp, gây trở ngại cho việc thọ Giới, thiền định, tuệ quán. Nó trở ngại Giới định tuệ như vậy, tức là nó trở ngại Niết bàn, khiến mình không đi tới Niết bàn được, không sống với Niết bàn được. Do nghiệp chướng này mà sinh ra đủ thứ bệnh. Có nhiều vị ở ngoài thì được, vào nhập thất thì bị ma chướng phá. Nhiều vị vào nhập thất, buổi tối phi nhân tới vì Giới đức chưa đủ thanh tịnh, Định đức chưa đủ lớn, Tuệ đức chưa đủ lớn. Ban đầu nó tới như những tà khí, những hung khí rồi biểu hiện ra thành con người rất là ảo, và trong giấc mơ thì xúc chạm với phi nhân đó như

là một đời sống đời thường, vì trong con người vị ấy có hình ảnh của phi nhân đó, từ nơi oán chướng, từ nơi nghiệp chướng tương thích mà tìm tới. Đạo lực mình không có, Giới đức mình không thanh tịnh, mình không được thầy hướng dẫn thì nhập thất là khá nguy hiểm. Cho nên nhiều vị nhập thất xong bỏ thất chạy luôn, không dám nhìn lui. Ở Từ hiếu ngày trước, mấy thầy thấy tôi nhập thất cũng khoái, thích nhập thất, nhưng được 2 ngày thì tung cửa bỏ chạy, không bao giờ dám nghĩ tới chuyện nhập thất nữa, tôi hỏi thì nói "khiếp quá Ôn ơi, cứ gõ cửa liên tục. 12h đêm, 1h khuya, cứ gõ cửa liên tục, thấy thấp thoáng cái dáng, cái bóng". Có một Ni cô cũng nhập thất, tới thưa với tôi: "Bạch Ôn, con nhập thất mà con thấy cái cảnh rợn người quá, con mở thất con chạy, con không ngó lui cái chuyện nhập thất nữa".

Cho nên mình phải sám hối. Sám hối là hạnh của Bồ tát. Cỡ như ngài Phổ hiền mà luôn luôn khởi tâm sám hối:

"Nhất giả lễ kính chư Phật

Nhị giả xưng tán Như lai

Tam giả quảng tu cúng dường

Tứ giả sám hối nghiệp chướng".

Mình không lạy Phật mỗi ngày, mình không tán dương công hạnh của đức Phật mỗi ngày, mình không cúng dường lên chư Phật mỗi ngày và mình không sám hối mỗi ngày thì phước đức đâu mà tu, phước đức đâu mà thọ Giới, phước đức đâu mà thiên định, phước đức đâu mà tuệ quán. Tất cả những phương pháp sám hối này là mình dọn sạch môi trường của tâm mình cho tốt rồi bắt đầu thọ Giới. Tăng tác pháp yết-ma, rót Giới vào cho mình, gieo hạt giống Giới vào cho mình. Như hôm qua mình học, nhân của Giới là giải thoát, Tăng gieo hạt giống giải thoát vào nơi tâm mình qua tác pháp yết-ma như Pháp của Tăng.

Tại sao bây giờ, số Tăng, Ni phạm Giới đầy như cát bụi? Là bởi vì có thọ Giới gì đâu! Có thọ Giới đúng

Pháp đâu! Mà đòi có Giới! Không có Giới thì lấy gì mà phòng hộ điều ác, đề hưng khởi điều thiện. Giới là chánh nhân của giải thoát. Mình phải dọn sạch những rác rến chung quanh sạch sẽ rồi, đất thực rồi, mới gieo giống xuống. Mà bây giờ đất toàn là gai góc, sỏi đá vậy mà gieo giống xuống là gieo giống bà trộn bà trạc, đem hột xép mà gieo vào, thì làm sao giống giải thoát có thể lên được! Giới là hạt giống giải thoát, Định là hạt giống giải thoát, Tuệ là hạt giống giải thoát, mà bây giờ hạt giống đó không gieo xuống được. Nên nói là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo Ni, mà thực sự có phải đâu! Trước khi thọ Giới phải sám hối thể nào, Tăng phải vào Giới trường như thế nào, tác Pháp như thế nào thì hạt giống Giới giải thoát đó mới rơi vào nơi mảnh đất tâm chúng ta được. Từ đó, Giới lớn lên, mới sinh Định, mới sinh Tuệ. Giới có đâu mà có Định, có Tuệ! Mà không có Giới, Định, Tuệ thì làm gì có Niết bàn! Thành ra tu mà toàn là khổ đau, nói ra toàn là chuyện của thế gian. Như vậy có phải là đã phản bội chính chí nguyện xuất gia của mình không!

Vậy nên, khi thọ Giới, mình phải chí thành sám hối, bằng tất cả tín tâm của mình, bằng tất cả sự hổ thẹn của mình và mong rằng mình không bao giờ sai phạm những điều mà mình đã từng sai phạm trước đó 1 ngày, 2 ngày, 10 ngày, 1 năm, 2 năm, 1 đời, 2 đời, 10 đời... "Đệ tử chúng con từ vô thi/ Gây bao nghiệp chướng bởi lầm mê/ Vào ra sinh tử biết bao lần". Không phải thọ Giới lời khời mà có Giới đâu!

Tôi nói như vậy, quý thầy quý cô nghe có vẻ đụng chạm phải không? Không đụng chạm đâu! Tôi nói đúng với những gì thầy tổ nói. Ai nghe được thì nghe, nghe không được thì thôi, ráng chịu. Ai nghe được thì ở lại tu học. Ai nghe không được thì cởi áo về, Phật giáo nhẹ nhàng, trả lại không gian thanh tịnh cho Phật giáo và trả lại mảnh đất tốt đẹp, trù phú cho thế giới trời người gieo trồng phước đức. Cứ lạm dụng Phật giáo, lạm dụng hình thức sa môn, Tỳ-kheo, làm cho thừa ruộng trù phú phước đức trở thành phen chua, người ta gieo giống vào thì chết hết, tội lỗi đó ai mang? Những kẻ trá hình Phật giáo phải ráng mà chịu hậu quả. Và hậu quả đó không

phải chỉ cho người đó mà còn kéo theo tai họa cho cả một xã hội, một thế giới.

Vậy, Niết bàn là điều có thể xảy ra ngay trong đời sống này, ngay trong thân năm uẩn này khi hạt giống Chánh giới được gieo xuống trên mảnh đất tâm thanh tịnh của chúng ta, trên mảnh đất tâm có tín, có tâm, có quý của chúng ta. Rồi từ mảnh đất đó, Giới được huân tập, được kết hoa rồi từ đó mà sinh ra Định, Định đó là Định giải thoát; sinh ra Tuệ, Tuệ đó là Tuệ giải thoát; sinh ra hiểu biết, hiểu biết đó là hiểu biết của giải thoát chứ không phải của trần tục, của thế gian. Bây giờ một số mấy thầy đem cái hiểu biết của trần tục thế gian áp đặt lên cái hiểu biết của đời sống giải thoát và xem đó là vinh dự. Cái đó khá nguy hiểm. Nhưng cái nguy hiểm đó luôn luôn tồn tại vì thế gian này, phước thì ít mà họa thì nhiều. Họa nhiều nên người ta tìm họa mà tới. Chúng ta không ngạc nhiên gì khi rủ năm ba người đi ăn chay, niệm Phật, ngồi thiền, làm việc tốt đẹp nhiều người lác đầu, nhưng rủ nhau đi nhậu, đánh bạc thì rất nhanh. Chúng ta không trách chuyện thế gian như vậy. Nhưng

chúng ta trách vì chúng ta có cơ hội xuất gia rồi mà không có cơ hội thọ trì Giới pháp đúng Pháp.

Thiền định thiết lập trên nền tảng của Giới, Tuệ quán thiết lập trên nền tảng của Giới, hoa trái giải thoát sẽ xuất hiện cho chúng ta. Mỗi ngày đi qua đời sống của chúng ta là mỗi ngày hoa trái giải thoát ươm mầm và hình thành, chưa hoàn tất, đó là giai đoạn chúng ta đang còn là "hữu học", Thánh giả hữu học, tức là chúng ta đang có Hữu dư y niết bàn, nghĩa là chúng ta có Niết bàn nhưng chúng ta vẫn còn tiếp tục tiến lên để loại trừ, chuyển hóa những tập khí phiền não đang còn trong chúng ta để đạt tới Vô dư y niết bàn, nghĩa là đoạn tận phiền não thuộc về Tập đế và chuyển hóa hoàn toàn khổ quả do dư báo thuộc về Khổ đế còn lại, mà đức Phật chúng ta là một minh chứng. Ngài đã đoạn tận Tập đế và Khổ đế, nên Ngài hoàn toàn ở trong trạng thái Vô dư y niết bàn. Ngài đã Niết bàn rồi thì cần gì phải nhập Niết bàn? Nhập niết bàn chẳng qua là vì thương chúng sinh mà thị hiện cái Niết bàn đó. Nên Niết bàn của Phật cũng là một Niết bàn để

giáo hóa chúng sinh mà như kinh Pháp hoa đã chia sẻ cho chúng ta.

Khi đã có được Hữu dư y niết bàn, Vô dư y niết bàn thì chúng ta sẽ có Vô trú xứ niết bàn. Khi đó rõ ràng ở đâu mình cũng có Niết bàn hết, mình rất hạnh phúc, Niết bàn xảy ra cho chúng ta trong từng giây phút của sự sống. Chúng ta có được Vô trú xứ niết bàn như vậy là vì chúng ta sống hoàn toàn với tự tánh thanh tịnh, với bản nguyên tâm địa, với Phật tính của chúng ta. Nên đức Phật được gọi là Bậc chánh biến tri, chánh biến giác, toàn giác, không lúc nào là không giác. Còn mình thì lúc giác, lúc bất giác. Giác ít mà bất giác nhiều thì mình nghiêng về phía chúng sinh, nếu không gặp được thầy hiền bạn tốt, không gặp được thiện hữu tri thức, không gặp được môi trường tốt thì cái giác của mình biến mất và hoàn toàn sống bất giác, nghĩa là sống vô minh với hành, ái, thủ, hữu nên từ đó mà sinh tử. Còn nếu mình gặp được thầy hiền bạn tốt, gặp được thiện hữu tri thức, gặp được môi trường tu học thì từ bất giác trở thành giác thiếu phần, rồi bán phần, rồi đa

phần, rồi toàn phần để đạt tới sự toàn giác, không lúc nào là không giác, không ở đâu là không giác nên gọi là chánh biến giác. Nên Niết bàn không còn là một hứa hẹn mà là một thực tế. Nếu chúng ta thực tập Giới định tuệ, chúng ta sống với Giới định tuệ, chúng ta sẽ có Niết bàn ngay trong cuộc sống này, ngay nơi thân năm uẩn này.

Quý vị thấy tổ sư chúng ta, nhiều vị đã để lại toàn thân xá lợi, tức là sắc uẩn bất hoại. Ở Việt nam là như ngài Vũ khắc minh, Vũ khắc trường Phật giáo đời Lê. Phật giáo Thái lan thì có Hòa thượng Phổ sai, một vị Hòa thượng Việt nam, ở chùa Khánh vân, cách Bangkok mấy cây số thôi. Khi tôi đi Trung quốc thì có cơ hội chiêm bái một vị Ni sư để lại toàn thân xá lợi, mới mất cách đây khoảng mấy chục năm thôi. Rồi khi tôi đi Nga, tới vùng U-lăng U-đê thì chiêm ngưỡng được hình ảnh của một vị thiên sư để lại toàn thân xá lợi, trước khi đi vào đại định Ngài viết thư dặn môn đồ, sau đó ngay lập tức đưa Ngài vào tháp và 70 năm sau thì khai quật Ngài lên. Đúng 70 năm sau, môn đồ đưa

Ngài lên thì Ngài vẫn ngồi thẳng băng, cứ một giờ thì mạch nhảy một lần và trên trán vẫn chảy mồ hôi. Nếu mình chí thành chí thiết mà tu tập thì mình cũng như các Ngài. Nhưng vì mình chỉ mượn hơi hám các Ngài mà thờ thôi chứ mình không chịu thờ, mượn danh các Ngài đánh bóng danh của mình chứ thực sự mình không có gì cả, thì làm sao mình có được phong thái như tổ của mình, như thầy của mình. Muốn được như thầy tổ thì phải tu thôi, phải buông bỏ bớt những thói hư tật xấu ở đời. Vô trong chùa rồi mà còn ôm cái thói hư tật xấu ở đời vào, tội chùa chứ, tội ngôi già lam chứ, tội thầy tổ chứ, tội anh em đồng tu chứ! Vô chùa mà còn dành nhau miếng đậu khuôn mà ăn. Vô chùa mà bản tiện đến kiêu đó thì làm gì mà lưu lại xá lợi, làm gì có Niết bàn. Niết bàn là hoa trái của Giới định tuệ. Không có Giới định tuệ thì đừng mơ gì Niết bàn, dù là một phút giây an lạc cũng không có chứ đừng nói rằng suốt đời.

Mình nói cho rõ ràng, thế nào là một vị Tỳ-kheo dõm, thế nào là một vị Tỳ-kheo Ni dõm? Sau khi tôi chia sẻ,

mình đã có thể biết được thế nào là một vị Tỳ-kheo dõm, thế nào là một vị Tỳ-kheo Ni dõm. Quý thầy quý cô học thì biết rồi. Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni phạm ba-la-di phải là Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni thiệt, bởi vì có thọ Giới thiệt, có đắc Giới thiệt nhưng không đủ sức hành trì nên phạm vào ba-la-di, chứ không thọ Giới thì có đắc Giới đâu mà phạm ba-la-di, chỉ phạm vào ác nghiệp đạo thôi. Một người không thọ Giới, không đắc Giới như Pháp, họ không phải là người Phật tử, không phải Ưu-bà-tắc, không phải Ưu-bà-di, không phải là Tỳ-kheo, không phải là Tỳ-kheo-ni nên nói họ phạm Giới là không đúng. Họ thọ Giới không đắc thì lấy đâu mà phạm. Nhưng họ phạm vào ác nghiệp đạo. Mà phạm ác nghiệp đạo thì dẫn tới quả báo xấu ác, tùy theo mức độ mà đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh hay tái hiện trong cõi người với những quả báo xấu ác. Còn chuyện phạm Giới phải là đối với người thọ Giới đúng pháp, nhưng do sức trì Giới yếu kém, không tự hồi, nên mới phạm. Phạm giới cũng không dễ đâu.

Mà khi phạm Giới thì các Thánh quả rơi rụng hoặc bị

thương tôn. Mình phải hiểu cho rõ cái điều này. "Nhược Tỳ-kheo đồng giới bất xả giới, giới luy, bất tự hồi, phạm bất tịnh hạnh, nãi chí cộng súc sanh thị tỳ-kheo ba-la-di bất cộng trú", Tỳ-kheo với Tỳ-kheo đồng giới, không tuyên bố xả giới, giới yếu không tự hồi, phạm bất tịnh hạnh... Thị vị thọ Tỳ-kheo đúng pháp nhưng súc trì Giới yếu kém, không tự hồi mà phạm Giới thì Giới mới mất còn bên kia họ có đắc Giới đâu mà mất Giới, có hiểu không! Nhưng không thọ Giới mà phạm vào giết hại, trộm cắp thì rơi vào ác nghiệp đạo của sát, ác nghiệp đạo của trộm, mà khi đã thành tựu ác nghiệp đạo rồi thì đưa tới quả báo sinh tử, quả báo khổ đau. Chứ không phải không thọ Giới mà làm ác thì không có đọa đâu nghe không. Nhưng thầy tu mà vừa thọ Giới, vừa phạm Giới tức là phạm cả hai thứ là vừa phạm Giới, vừa phạm ác nghiệp đạo. Cho nên, người tu, nếu đọa thì đọa hơn ai hết, nhưng sanh thiên hoặc thành Thánh thì cũng thành trước người ta vì có thọ Giới, có trì Giới. Thầy tu đọa thì đọa xuống thâu a-tỳ địa ngục, mà sanh thiên thì không đợi phải lên cõi trời dục giới, sắc giới, vô sắc giới mà vượt ra

khỏi tam giới. Thế gian không thọ Giới thì không có nhân giải thoát cho nên có làm bao nhiêu việc phước đức đi nữa thì cũng nằm trong sinh tử luân hồi thôi, nhưng không luân hồi khổ đau mà có chút phước báo, luân hồi có cơm ăn thừa thãi, ở biệt thự thay vì gầm cầu. Nhưng dù có ở biệt thự đi nữa thì cũng không thoát khỏi cái bị sinh, bị già, bị bệnh, bị chết; dù có ở cung điện hoàng kim đi nữa cũng không biết biên cương sinh tử đời mình là ở đâu, ngang đâu. Đó là cái thâm của phước báo trời người.

Do đó, thọ Giới là gieo nhân giải thoát; tu Định là gieo nhân giải thoát; tu Tuệ gieo nhân giải thoát và nuôi dưỡng cái nhân đó cho hoa trái giải thoát được sinh ra trong đời sống chúng ta, cho các loại Niết bàn thực sự có mặt trong đời sống chúng ta.

Phiên tả: Nghiêm Minh

Biên tập: Bảo Nguyên

Chính tả: Tâm Dung, Bảo An

Bìa: Lan Anh

Công án: Nhuận Pháp Nguyên